

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----



ISO 9001 : 2008

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Thị Dung  
Giảng viên hướng dẫn : Th.S Nguyễn Thị Liên**

**HẢI PHÒNG - 2012**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,  
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH  
TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI NHẬT TOÀN**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY  
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Thị Dung  
Giảng viên hướng dẫn: Th.S Nguyễn Thị Liên**

**HẢI PHÒNG - 2012**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Nguyễn Thị Dung

Mã SV:120156

Lớp : QT 1201K

Ngành: Kế Toán – Kiểm Toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định

kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại Nhật Toàn

# NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

+/ Tổng quan lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp : tìm hiểu về một số khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và những nội dung cơ bản

+/ Thực trạng công tác kế toán doanh thu , chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại Nhật Toàn : tìm hiểu sâu hơn, chi tiết hơn công tác kế toán tại công ty

+/ Đưa ra một số ý kiến hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại Nhật Toàn : rút ra những ưu điểm, hạn chế của công ty từ đó đưa ra ý kiến nghị để giúp khắc phục những mặt hạn chế đó.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

+/ Các chứng từ, tài liệu, sổ sách kế toán liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

+/ Số liệu được lấy vào tháng 12 năm 2011

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Thực tập tại công ty TNHH thương mại Nhật Toàn, km 9, khu dân cư số 2, phường Hải Thành , quận Dương Kinh , Hải Phòng

## CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

### Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Nguyễn Thị Liên.....

Học hàm, học vị: Thạc sĩ .....

Cơ quan công tác: Trường Đại học Hải Phòng.....

Nội dung hướng dẫn: Khóa luận tốt nghiệp.....

### Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 02 tháng 04 năm 2012

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 07 tháng 07 năm 2012

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

*Sinh viên*

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

*Người hướng dẫn*

*Hải Phòng, ngày ..... tháng.....năm 2012*

**Hiệu trưởng**

**GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị***

## MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU ..... 100

CHƯƠNG 1 NHỮNG LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP .....	109
1.1. Khái quát chung về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	109
1.1.1. Một số nét cơ bản về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong doanh nghiệp.....	109
1.1.2. Chi phí kinh doanh của doanh nghiệp.....	116
1.1.3. Xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp .....	118
1.2. Vai trò và nhiệm vụ của kế toán doanh thu và kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	121
1.3. Nội dung hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. ....	122
1.3.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	122
1.3.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	127
1.3.3. Kế toán giá vốn hàng bán.....	130
1.3.4. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp .....	134
Trích lập dự phòng phải trả.....	136
1.3.5. Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính.....	137
1.3.6. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác .....	140
1.3.7. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.....	142
1.3.8. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	145
1.4. Tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ	148
1.4.1. Chứng từ sử dụng.....	148
1.4.2. Tài khoản sử dụng.....	148
1.4.3. Sổ sách sử dụng.....	148

1.5. Các hình thức tổ chức kế toán trong doanh nghiệp.....	150
1.6. Tổ chức bộ máy kế toán .....	154
1.6.1 Mô hình tổ chức bộ máy kế toán tập trung .....	154
1.6.2 Mô hình tổ chức bộ máy kế toán phân tán .....	155
1.6.3 Mô hình tổ chức bộ máy kế toán vừa tập trung vừa phân tán. ....	155
<b>CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TM NHẬT TOÀN.....</b>	<b>156</b>
2.1. Giới thiệu chung về công ty TNHH TM Nhật Toàn.....	156
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH TM Nhật Toàn.....	156
2.1.1.3. <i>Những thuận lợi và khó khăn của công ty trong quá trình hoạt động.....</i>	<i>157</i>
2.1.2. Mô hình tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH TM Nhật Toàn.....	159
2.1.3 Quy trình công nghệ và cơ sở vật chất kỹ thuật.....	161
2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH TM Nhật Toàn. ....	162
2.2 Thực trạng về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty TNHH TM Nhật Toàn năm 2011. ....	165
2.2.1 Kế toán doanh thu và chi phí.....	165
2.2.2 Kế toán xác định kết quả kinh doanh. ....	198
2.2.3 Tổ chức lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	100
2.2.4 Đánh giá thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM Nhật Toàn .....	101
<b>CHƯƠNG 3 MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TM NHẬT TOÀN.....</b>	<b>105</b>
3.1 Những nhận xét, đánh giá chung về Công ty TNHH TM Nhật Toàn.....	105
3.2 Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM Nhật Toàn .....	106
3.2.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện. ....	106
3.2.2 Yêu cầu của hoàn thiện. ....	107
3.3 Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM Nhật Toàn .....	107
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>113</b>

## LỜI MỞ ĐẦU

### 1. Sự cần thiết

Cùng với sự phát triển của đất nước và đổi mới sâu sắc về cơ chế quản lý kinh tế tài chính, hệ thống kế toán - kiểm toán doanh nghiệp cũng từng bước phát triển phù hợp với cơ chế quản lý, tiến trình cải cách kinh tế và hội nhập quốc tế. Vì vậy mỗi doanh nghiệp muốn phát triển tốt cần phải có một hệ thống kế toán hoàn chỉnh, phù hợp với quy mô hoạt động của doanh nghiệp. Để cạnh tranh thắng lợi trong cơ chế thị trường Công ty TNHH TM Nhật Toàn luôn quan tâm, tìm giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý kinh doanh và đặc biệt chú trọng các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh.

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Qua thời gian tìm hiểu thực tế tình hình tổ chức hạch toán kế toán tại Công ty TNHH TM Nhật Toàn, kết hợp với lý thuyết đã được học ở trường, những hiểu biết về các nghiệp vụ kinh tế nên em đã chọn đề tài: “Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM Nhật Toàn” cho khóa luận tốt nghiệp của mình.

### 2. Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu hệ thống hoá để làm rõ những nhận thức chung nhất về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Để thấy rõ được tình hình thực tế về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM Nhật Toàn

Những lý luận chung, tình hình thực tế của Công ty để đưa ra những đề xuất kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

### 3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Phạm vi nghiên cứu: Chỉ nghiên cứu và hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM Nhật Toàn



#### **4. Phương pháp nghiên cứu**

Lấy lý luận chủ nghĩa Mác – Lênin, chủ nghĩa duy vật biện chứng làm kim chỉ nam.

Lấy lý luận soi vào thực tiễn và lấy thực tiễn kiểm tra lại lý luận.

**5. Kết cấu của khoá luận:** Phần nội dung chính của khoá luận được xây dựng gồm 3 chương.

*Chương 1:* Những lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

*Chương 2:* Thực trạng về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM Nhật Toàn.

*Chương 3:* Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM Nhật Toàn.

Được sự giúp đỡ tận tình của ban Giám đốc, cán bộ và nhân viên phòng kế toán, cùng với sự chỉ bảo của giảng viên hướng dẫn Ths. Nguyễn Thị Liên em đã nắm bắt được phần nào tình hình thực tế công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty. Tuy nhiên, do trình độ lý luận, thời gian tiếp cận thực tế còn hạn chế nên bài khoá luận của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy cô giáo, các bạn để bài khoá luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn !

**CHƯƠNG 1****NHỮNG LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN  
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH  
TRONG DOANH NGHIỆP****1.1. Khái quát chung về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp**

Kế toán là một công cụ hữu hiệu để quản lý tốt hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung cũng như doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Tổ chức công tác kế toán khoa học hợp lý là một trong những cơ sở cung cấp thông tin quan trọng nhất cho việc chỉ đạo, điều hành sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Để công cụ kế toán phát huy hết vai trò của mình, đòi hỏi các doanh nghiệp phải không ngừng cải tiến và hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán nói chung cũng như kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Chính vì vậy tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đối với doanh nghiệp là một việc làm hết sức cần thiết, giúp nhà quản lý nắm bắt tình hình quản lý chi phí, thực hiện kế toán thu, lợi nhuận và có biện pháp tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

**1.1.1. Một số nét cơ bản về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong doanh nghiệp***1.1.1.1. Khái niệm và ý nghĩa của doanh thu***▪ Khái niệm:**

- Doanh thu : là tổng các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.
- Doanh thu thuần : được xác định bằng giá trị của các khoản đã thu được sau khi trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu.

**▪ Ý nghĩa:**

Doanh thu có ý nghĩa rất lớn đối với toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp.

- Doanh thu là nguồn tài chính quan trọng đảm bảo trang trải các khoản chi

phí hoạt động kinh doanh, đảm bảo cho doanh nghiệp tái có thể tái sản xuất giản đơn cũng như tái sản xuất mở rộng.

- Doanh thu còn là nguồn để các doanh nghiệp có thể thực hiện nghĩa vụ với nhà nước như nộp các khoản thuế theo quy định, là nguồn có thể tham gia góp vốn cổ phần, tham gia liên doanh, liên kết với các đơn vị khác.

- Doanh thu là đòn bẩy kinh tế giúp cho người lao động nhiệt tình làm việc và các đơn vị sản xuất nâng cao năng lực sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm.

#### *1.1.1.2. Các loại doanh thu*

Theo loại hình sản xuất kinh doanh, doanh thu gồm:

- Doanh thu bán hàng.
- Doanh thu cung cấp dịch vụ.
- Doanh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia.

Theo thời gian, không gian tính chất kinh tế, doanh thu gồm:

- Doanh thu bán hàng ra ngoài.
- Doanh thu tiêu thụ nội bộ.

Về thời điểm kết thúc tiêu thụ, doanh thu gồm:

- Doanh thu bán hàng thu tiền ngay.
- Doanh thu bán hàng trả chậm, trả góp.

Ngoài ra còn có khoản thu nhập khác, đó là các khoản thu ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

#### ***Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ***

*Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*: là số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và các nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và chi phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có). Tổng doanh thu bán hàng là số tiền ghi trên hoá đơn (có thuế GTGT).

*Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ*: là giá trị của các lợi ích kinh tế doanh nghiệp đã thu được từ hoạt động sản xuất kinh doanh.

▪ **Doanh thu tiêu thụ nội bộ**

Doanh thu tiêu thụ nội bộ là số tiền thu được do bán sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong nội bộ doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc, hạch toán trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá nội bộ.

Doanh thu hoạt động tài chính

*Doanh thu hoạt động tài chính là tổng giá trị lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ phát sinh thêm liên quan đến hoạt động tài chính. Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm: tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, thu nhập từ hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp, ....*

1.1.1.3. Điều kiện ghi nhận doanh thu và thời điểm ghi nhận doanh thu

1.1.1.3.1. Điều kiện ghi nhận doanh thu

a) Ghi nhận doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa:

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả 5 điều kiện sau:
  - + Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua
  - + Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa
  - + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn
  - + Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng
  - + Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

b) Ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ:

- Cung cấp dịch vụ: nghĩa là thực hiện những công việc đã thỏa thuận trong hợp đồng.
- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn
- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ các giao dịch cung cấp dịch vụ
- + Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập BCĐKT
- + Xác định được các chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

c ) Ghi nhận doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia:

- Tiền lãi: là số tiền thu được phát sinh từ việc cho người khác sử dụng tiền hoặc các khoản tương đương tiền như: lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu...

- Tiền bản quyền: là số tiền thu được phát sinh từ việc cho người khác sử dụng tài sản như: bằng sáng chế, bản quyền tác giả, nhãn hiệu thương mại...

- Cổ tức và lợi nhuận được chia: là số tiền lợi nhuận được chia từ việc nắm giữ cổ phiếu hoặc góp vốn

- Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện sau:

+ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

- Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở:

+ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ

+ Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng

+ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức (hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận )

#### *1.1.1.3.2. Thời điểm ghi nhận doanh thu*

Khi hàng hóa được xác định là tiêu thụ, thời điểm đó được quy định như sau:

- Đối với phương thức bán buôn qua kho, bán buôn vận chuyển theo hình thức giao hàng trực tiếp thì thời điểm đã tiêu thụ là bên mua đã ký nhận đủ hàng, bên mua đã thanh toán tiền hàng hoặc nhận nợ.

- Với phương thức bán buôn qua kho, bán buôn vận chuyển thẳng theo hình thức chuyển hàng thì thời điểm xác nhận tiêu thụ là bên bán đã chuyển hàng đến địa điểm bên mua, bên bán thu được tiền hàng hoặc nhận nợ.
- Với phương thức bán hàng đại lý, ký gửi, thời điểm xác nhận tiêu thụ là khi người đại lý ký gửi thanh toán tiền hàng hoặc chấp nhận thanh toán hoặc họ thông báo hàng đã bán được.

#### *1.1.1.4. Các khoản giảm trừ doanh thu*

Trong điều kiện kinh doanh hiện nay, để đẩy mạnh bán hàng, thu hồi nhanh vốn kinh doanh, doanh nghiệp cần có chế độ khuyến khích đối với khách hàng, nếu khách hàng mua với khối lượng lớn sẽ được doanh thu chiết khấu, còn nếu hàng kém phẩm chất thì khách hàng có thể chấp nhận thanh toán hoặc yêu cầu doanh nghiệp giảm giá.

Tổng số doanh thu bán hàng sau khi trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu gọi là doanh thu thuần.

##### *❖ Chiết khấu thương mại*

Chiết khấu thương mại là các khoản tiền doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua do người mua đã mua (sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ) với khối lượng lớn, theo thoả thuận CKTM đã ghi nhận trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua, bán hàng.

##### *❖ Hàng bán bị trả lại*

Hàng bán bị trả lại là giá trị số hàng đã coi là tiêu thụ (đã chuyển giao quyền sở hữu, đã thu tiền, được người mua chấp nhận trả tiền) nhưng bị người mua từ chối và trả lại do các nguyên nhân sau: vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, ....

##### *❖ Giảm giá hàng bán*

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ được doanh nghiệp (bên bán) chấp nhận một cách đặc biệt trên giá đã thoả thuận trên hoá đơn, vì lý do hàng kém phẩm chất, không đúng quy cách, không đúng thời hạn ghi trong hợp đồng.

**❖ Thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp, thuế TTĐB, thuế xuất khẩu**

Thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp, thuế TTĐB, thuế xuất khẩu : là khoản thuế gián thu tính trên doanh thu bán hàng, các khoản thuế này tính cho đối tượng tiêu thụ hàng hoá, dịch vụ; cơ sở sản xuất kinh doanh chỉ là đơn vị thu nộp thuế thay cho người tiêu dùng hàng hoá, dịch vụ đó.

**Thuế tiêu thụ đặc biệt:**

Thuế TTĐB được đánh vào doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh nhập khẩu các mặt hàng, dịch vụ mà Nhà nước không khuyến khích sản xuất và hạn chế tiêu thụ như bia, rượu, thuốc lá, ô tô...

**Thuế xuất khẩu:**

Thuế xuất khẩu được đánh vào tất cả các mặt hàng, dịch vụ trao đổi với nước ngoài, khi xuất khẩu ra khỏi biên giới Việt Nam. Doanh nghiệp trực tiếp xuất khẩu hoặc ủy thác xuất khẩu thì phải nộp thuế này.

**Thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp:**

Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp là thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hoá, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất đến tiêu dùng. Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu đã được xác định trong kỳ.

$$\begin{array}{cccccc}
 \text{Doanh thu BH thuần} & = & \text{DT bán hàng} & - & \text{Chiết khấu TM} & - & \text{DT BH bị trả lại} & - & \text{Giảm giá bán} & - & \text{Thuế TTĐB, thuế XK phải nộp, thuế GTGT trực tiếp}
 \end{array}$$

**1.1.1.5. Các phương thức bán hàng (đối với DN nộp thuế theo phương pháp khấu trừ)**

▪ **Phương thức bán hàng trực tiếp**

Là phương thức giao hàng trực tiếp cho khách hàng tại kho, tại quầy, hay tại phân xưởng sản xuất của doanh nghiệp. Sản phẩm khi bàn giao cho khách hàng được coi là tiêu thụ khi người mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán.

- *Phương thức chuyển hàng*

Theo phương thức này, bên bán chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trong hợp đồng, số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên bán. Chỉ khi nào người mua chấp nhận thanh toán một phần hay toàn bộ số hàng chuyển giao, thì lượng hàng được người mua chấp nhận đó mới được coi là tiêu thụ và bên bán mất quyền sở hữu.

- *Phương thức giao hàng cho đại lý*

Phương thức này bên bán xuất giao hàng cho các đơn vị cá nhân làm đại lý. Số hàng gửi giao đại lý vẫn thuộc sở hữu của đơn vị, chỉ khi nhận được thông báo của các đại lý thì số hàng gửi đại lý mới chính thức được coi là tiêu thụ và chủ hàng phải trả hoa hồng cho đại lý (tính vào TK 641), đại lý được hưởng hoa hồng (tính vào doanh thu).

- *Phương thức bán hàng trả chậm*

Doanh nghiệp chuyển quyền sở hữu sản phẩm cho khách hàng và nhận lấy sự cam kết của khách hàng trong tương lai. Như vậy doanh thu bán hàng sẽ được xác định ở kỳ này nhưng đến kỳ sau mới có tiền nhập quỹ.

- *Phương thức bán hàng trả góp*

Theo phương thức này, khi xuất giao hàng cho khách hàng, khách hàng sẽ thanh toán 1 phần tiền hàng, còn lại sẽ trả dần vào các kỳ sau và chịu khoản lãi theo quyết định của hợp đồng. Hàng giao được xác định là tiêu thụ, doanh thu bán hàng được tính theo giá bán tại thời điểm thu tiền 1 lần, còn khoản lãi do bán trả góp được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính

- *Phương thức bán đổi hàng*

Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở trao đổi giữa doanh nghiệp và khách hàng. Khi doanh nghiệp xuất hàng thì nhận doanh thu bán hàng và thuế GTGT đầu ra. Khi nhận hàng của khách hàng, kế toán phải hạch toán nhập kho và thuế GTGT đầu vào.

Giá trao đổi là giá bán sản phẩm, hàng hoá đó trên thị trường.

$$\text{Doanh thu sản phẩm đem trao đổi} = \text{Số lượng sản phẩm đem trao đổi} \times \text{Giá vốn trên thị trường tại thời điểm thực hiện việc trao đổi}$$



## **1.1.2. Chi phí kinh doanh của doanh nghiệp**

### *1.1.2.1. Khái niệm*

- *Khái niệm*

Chi phí là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các khoản hao phí về lao động sống và lao động hóa mà các doanh nghiệp đã bỏ ra để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh trong một kỳ kế toán nhất định.

- *Ý nghĩa*

Chi phí có ý nghĩa quan trọng quyết định đến lợi nhuận của doanh nghiệp. Chi phí giảm thì lợi nhuận tăng. Do vậy, doanh nghiệp cần có biện pháp giảm chi phí tránh lãng phí làm giảm lợi nhuận.

### *1.1.2.2. Các loại chi phí*

#### *a. Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh*

- **Giá vốn hàng bán** : Giá vốn hàng bán là trị giá vốn của sản phẩm, vật tư hàng hóa, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ, là giá thành sản xuất hay chi phí sản xuất. Với vật tư tiêu thụ giá vốn là giá trị ghi sổ, còn với hàng hóa tiêu thụ thì giá vốn bao gồm trị giá mua của hàng hóa tiêu thụ cộng với chi phí thu mua phân bổ cho hàng tiêu thụ

Xác định giá vốn hàng bán hết sức quan trọng, nó ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh. Các doanh nghiệp phải quan tâm, lựa chọn phương pháp xác định giá vốn thích hợp để có lợi nhất mà vẫn phản ánh đúng giá vốn hàng bán theo quy định của bộ tài chính

- **Chi phí bán hàng**: là những khoản chi phí phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ. Chi phí bán hàng bao gồm:

+/ Chi phí nhân viên bán hàng: gồm tiền lương và các khoản trích theo lương của nhân viên bán hàng

+/ Chi phí vật liệu bao bì: là chi phí đóng gói, bảo quản sản phẩm.

+/ Chi phí dụng cụ, đồ dùng: là chi phí về công cụ, dụng cụ, đồ dùng đo lường, tính toán, làm việc ở khâu bán hàng và cung cấp dịch vụ

+/ Chi phí khấu hao TSCĐ: là chi phí khấu hao TSCĐ dùng ở khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ như nhà kho, cửa hàng, phương tiện vận chuyển, bốc dỡ.

+/ Chi phí bảo hành sản phẩm: là khoản chi phí bỏ ra để sửa chữa, bảo hành sản phẩm, hàng hoá trong thời gian quy định bảo hành.

+/ Chi phí dịch vụ mua ngoài: là các khoản chi phí mua ngoài phục vụ cho khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ như: chi phí thuê tài sản, thuê kho, thuê bến bãi, thuê bốc vác vận chuyển, tiền hoa hồng đại lý.

+/ Chi phí bằng tiền khác: là khoản chi phí bằng tiền phát sinh trong khâu tiêu thụ, sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ nằm ngoài các chi phí trả trên như: chi phí tiếp khách, hội nghị khách hàng, chi phí quảng cáo giới thiệu sản phẩm, hàng hoá.

- **Chi phí quản lý doanh nghiệp** : Là những khoản chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung của toàn doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm:

+/ Chi phí nhân viên quản lý: gồm tiền lương, phụ cấp phải trả cho ban giám đốc, nhân viên các phòng ban của doanh nghiệp, các khoản trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ trên tiền lương nhân viên quản lý theo tỷ lệ quy định.

+/ Chi phí vật liệu quản lý: trị giá thực tế các loại vật liệu, nhiên liệu xuất dùng cho hoạt động quản lý của ban giám đốc và các phòng ban nghiệp vụ của doanh nghiệp, cho việc sửa chữa TSCĐ công cụ dùng chung của doanh nghiệp.

+/ Chi phí đồ dùng văn phòng: chi phí về dụng cụ, đồ dùng văn phòng dùng cho công tác quản lý chung của toàn doanh nghiệp.

+/ Chi phí khấu hao TSCĐ: khấu hao những TSCĐ dùng chung cho doanh nghiệp như: văn phòng làm việc, kho tàng, vật kiến trúc, phương tiện truyền dẫn.

+/ Thuế, phí, lệ phí: thuế nhà đất, thuế môn bài...và các khoản phí, lệ phí giao thông, cầu phà.

+/ Chi phí dự phòng: gồm khoản trích dự phòng, khoản phải thu khó đòi.

+/ Chi phí dịch vụ mua ngoài: gồm các khoản chi phí về dịch vụ mua ngoài, thuê ngoài như tiền điện, tiền nước, tiền thuê TSCĐ dùng chung của doanh nghiệp.

+/ Chi phí bằng tiền khác: gồm các khoản chi phí khác bằng tiền ngoài các khoản kể trên như chi hội nghị, tiếp khách, chi công tác phí, chi đào tạo cán bộ và các khoản chi phí khác.

***b. Chi phí hoạt động tài chính***

- *Chi phí tài chính* : Là toàn bộ những khoản chi phí doanh nghiệp bỏ ra trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan đến hoạt động tài chính. Chi phí hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm: các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng, chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, ....

***c. Chi phí hoạt động khác***

- *Chi phí khác* : là các khoản chi phí và các khoản lỗ hay sự kiện hay nghiệp vụ bất thường mà doanh nghiệp không thể dự kiến trước được hoặc là những khoản không mang tính chất thường xuyên gồm:

+/ Chi phí thanh lý nhượng bán TSCĐ, giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán (nếu có).

+/ Chênh lệch lỗ do đánh giá lại tài sản đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.

+/ Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế

+/ Bị phạt thuế, truy thu thuế

+/ Các khoản chi phí khác.

***d. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: là loại thuế đánh trên thu nhập chịu thuế của doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm :***

+/ Chi phí thuế TNDN hiện hành: Là số thuế TNDN phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập hiện hành.

+/ Chi phí thuế TNDN hoãn lại: Là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả từ trong năm và hoàn nhập tài sản thuế hoãn lại đã ghi nhận từ các năm trước.

**1.1.3. Xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp**

***a. Khái niệm***

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ kết quả của hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác mà doanh nghiệp tiến hành trong kỳ kế toán năm.

Kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm:

*Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:* Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (Gồm giá cả sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất sản phẩm của xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

*Kết quả hoạt động tài chính:* là số chênh lệch giữa thu nhập hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

*Kết quả hoạt động khác:* là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác.

### ***b. Ý nghĩa của việc xác định kết quả kinh doanh***

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, các doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển đều phải hoạt động theo quy tắc “lấy thu bù chi và có lãi”. Lãi là chỉ tiêu chất lượng tổng hợp quan trọng của các doanh nghiệp, nó thể hiện kết quả kinh doanh và chất lượng hoạt động của doanh nghiệp. Xác định kết quả kinh doanh và việc so sánh doanh thu thu được với chi phí thì doanh nghiệp sẽ biết được mình kinh doanh có lãi hay lỗ. Kết quả kinh doanh là mục đích cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp, là chỉ tiêu kinh tế quan trọng không chỉ cần thiết cho doanh nghiệp mà còn cần thiết cho các đối tượng khác cần quan tâm như các nhà đầu tư, ngân hàng, người lao động, nhà quản lý...

Việc xác định kết quả kinh doanh là cơ sở xác định các chỉ tiêu kinh tế tài chính, đánh giá tình hình của doanh nghiệp: xác định số vòng luân chuyển vốn, xác định tỷ suất lợi nhuận trên doanh nghiệp... Ngoài ra, nó còn là cơ sở để xác định nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với Nhà nước, xác định cơ cấu phân chia và sử dụng hợp lý, hiệu quả số lợi nhuận thu được, giải quyết hài hoà giữa các lợi ích kinh tế nhà nước, tập thể và cá nhân người lao động. Tóm lại, việc xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa sống còn với doanh nghiệp, tránh hiện tượng “Lãi giả lỗ thật”. Hơn nữa nó còn có ý nghĩa với toàn bộ nền kinh tế quốc dân giúp cho các nhà hoạch định chính sách của Nhà nước có thể tổng hợp phân tích số liệu và đưa

ra các thông số cần thiết giúp chính phủ có thể điều tiết ở tầm vĩ mô được tốt hơn, tạo nguồn thu cho Ngân sách Nhà nước, thúc đẩy sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế.

**c. Phương pháp xác định kết quả kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh thông thường và kết quả hoạt động khác.

Kết quả hoạt động kinh doanh thông thường là kết quả tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Đây là hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ và hoạt động tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thông thường được xác định bằng công thức sau:

Lãi(lỗ)	DTT về	Giá	Doanh	Chi phí	CPBH và
từ hoạt	BH và	vốn	thu hoạt	hoạt	QLDN tính
động	=	-	+	-	-
KD	cung	hàng	động tài	động tài	cho hàng tiêu
	cấp DV	bán	chính	chính	thụ trong kỳ

Trong đó: Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ tính bằng tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trừ đi các khoản giảm trừ.

Kết quả hoạt động khác là các kết quả từ hoạt động bất thường khác không tạo ra doanh thu của doanh nghiệp, được tính bằng chênh lệch giữa thu nhập khác và chi phí khác.

$$\text{Lợi nhuận khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

Để phục vụ yêu cầu quản trị của doanh nghiệp, kết quả kinh doanh có thể được phân biệt rõ thành kết quả riêng của từng loại hoạt động như kết quả hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ, kết quả hoạt động tài chính, kết quả khác. Trong đó kết quả bán hàng và cung cấp dịch vụ còn có thể được xác định theo từng nhóm, từng loại, từng sản phẩm, hàng hoá dịch vụ riêng biệt.

Kết quả kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp chính là lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế TNDN. Và được xác định bằng công thức sau:

Lợi nhuận kế toán	=	Lợi nhuận thuần từ	+	Lợi nhuận khác
trước thuế		hoạt động KD		

Lợi nhuận sau thuế TNDN	=	Lợi nhuận trước thuế TNDN	-	Chi phí thuế TNDN
----------------------------	---	------------------------------	---	-------------------

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong một thời kỳ có thể mang giá trị âm hoặc dương (lỗ hoặc lãi). Nếu lỗ sẽ được xử lý bù đắp theo chế độ quy định của chế độ tài chính.

## 1.2. Vai trò và nhiệm vụ của kế toán doanh thu và kế toán xác định kết quả kinh doanh

### a. Vai trò của kế toán doanh thu và kế toán xác định kết quả kinh doanh

Từ số liệu do kế toán bán hàng cung cấp, Nhà nước sẽ thực hiện việc kiểm tra giám sát tình hình kinh doanh của các doanh nghiệp từ đó đưa ra các công cụ, các chính sách thích hợp nhằm thực hiện các kế hoạch, đường lối phát triển nhanh chóng và toàn diện nền kinh tế quốc dân

Các nhà quản trị, nhà cung cấp, nhà đầu tư... sẽ dựa vào đó để nắm bắt được tình hình kinh doanh của doanh nghiệp phục vụ cho việc đưa ra các quyết định kinh doanh của mình. Ví dụ như có nên tiếp tục quan hệ làm ăn với doanh nghiệp hay không, có nên cho vay hay đầu tư vào doanh nghiệp hay không.

Trong quản lý tài chính ở các doanh nghiệp hạch toán kế toán giữ vai trò quan trọng vì nó là công cụ không thể thiếu được để thu nhận, xử lý và cung cấp thông tin về toàn bộ hoạt động về kinh tế tài chính của doanh nghiệp, phục vụ cho yêu cầu quản lý tài chính Nhà nước và yêu cầu quản lý kinh doanh, bảo vệ tài sản, thực hiện hạch toán kinh doanh của doanh nghiệp.

### b. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Để kế toán thực sự là công cụ quản lý sắc bén, hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu quản lý, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cần phải thực hiện các nhiệm vụ cơ bản sau:

+/- Phản ánh, tính toán, ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản thu, các khoản giảm trừ doanh thu, các khoản chi phí như: chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, giá vốn hàng bán, các khoản thuế liên quan đến quá trình tiêu thụ và cuối mỗi kỳ phải xác định kết quả kinh doanh của hoạt động kinh doanh

làm căn cứ để lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Phải theo dõi chi tiết, cụ thể tình hình thanh toán của từng đối tượng khách hàng để thu hồi kịp thời vốn kinh doanh.

+/ Vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách, báo cáo kế toán phù hợp để thu nhận, xử lý, hệ thống hoá và cung cấp thông tin về tình hình hiện có, biến động của hàng hoá, tình hình bán hàng, xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

+/ Kiểm tra, giám sát tình hình quản lý hàng hoá còn trong kho, tình hình thực hiện kế hoạch bán hàng, xác định và phân phối kết quả.

Thực hiện tốt các yêu cầu trên sẽ đem lại hiệu quả thiết thực cho công tác tiêu thụ nói riêng và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nói chung, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, mang lại lợi nhuận cho doanh nghiệp đồng thời cung cấp thông tin một cách kịp thời, đầy đủ cho đối tượng sử dụng thông tin.

### **1.3. Nội dung hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.**

#### **1.3.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

##### *1.3.1.1. Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng*

###### **a. Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn GTGT (Mẫu 01-GTKT3/001)
- Hóa đơn bán hàng thông thường (Mẫu 02-GTGT)
- Phiếu xuất kho
- Phiếu thu (Mẫu 01-TT)
- Ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi
- Giấy báo có, giấy báo nợ của ngân hàng
- Bảng thanh toán hàng đại lý, ký gửi (Mẫu 01-BH)
- Các chứng từ liên quan khác (nếu có).

###### **b. Sổ sách sử dụng**

- Sổ chi tiết bán hàng (Mẫu S35-DN)
- Sổ quỹ tiền mặt (Mẫu S07-DN)
- Sổ chi tiết thanh toán với người mua (người bán) (Mẫu S31-DN)

- Số cái TK 511,111,131...

***c. Hạch toán kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ***

Không hạch toán vào TK 511 các trường hợp sau:

Trị giá hàng hoá, vật tư, bán thành phẩm xuất giao cho bên ngoài ra công chế biến.

Trị giá sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ cung cấp giữa Công ty, Tổng công ty với các đơn vị hạch toán phụ thuộc.

Trị giá sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ cung cấp cho nhau giữa Tổng công ty với các đơn vị thành viên.

Trị giá sản phẩm, hàng hoá đang gửi bán; dịch vụ hoàn thành đã cung cấp cho khách hàng nhưng chưa xác định là đã bán.

Trị giá hàng gửi bán theo phương thức gửi bán đại lý, ký gửi (Chưa được xác định là đã bán).

Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác không được coi là doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

***1.3.1.2. Tài khoản sử dụng***

▪ *Tài khoản 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:* dùng để phản ánh doanh thu bán hàng thực tế của doanh nghiệp thực hiện trong một kỳ kế toán.

Kết cấu của TK 511

+ *Bên nợ :*

- Các khoản giảm doanh thu bán hàng (Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại)

- Số thuế xuất khẩu và thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của số thành phẩm được xác định trong kỳ.

- Cuối kỳ kết chuyển doanh thu thuần sang tài khoản 911-Xác định kết quả kinh doanh.

+ *Bên có:*

- Tổng số doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp đã thực hiện trong kỳ kế toán.

*TK 511 không có số dư*

TK 511 có 5 TK cấp 2 như sau:



- 5111: Doanh thu bán hàng hóa
- 5112: Doanh thu bán thành phẩm
- 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
- 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá
- 5117: Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư

▪ *TK 512- Doanh thu bán hàng nội bộ*: Dùng để phản ánh doanh thu của số sản phẩm, hàng hóa dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ các doanh nghiệp. Doanh thu nội bộ là số tiền thu được do bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty...

Kết cấu :

+ Bên nợ :

- Trị giá khoản chiết khấu thương mại, khoản hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán kết chuyển vào cuối kỳ
- Số thuế thuế TTĐB, thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp phải nộp tính trên doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ đã xác định là tiêu thụ nội bộ trong kỳ.
- Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần vào TK911 – xác định kết quả kinh doanh.

+ Bên có:

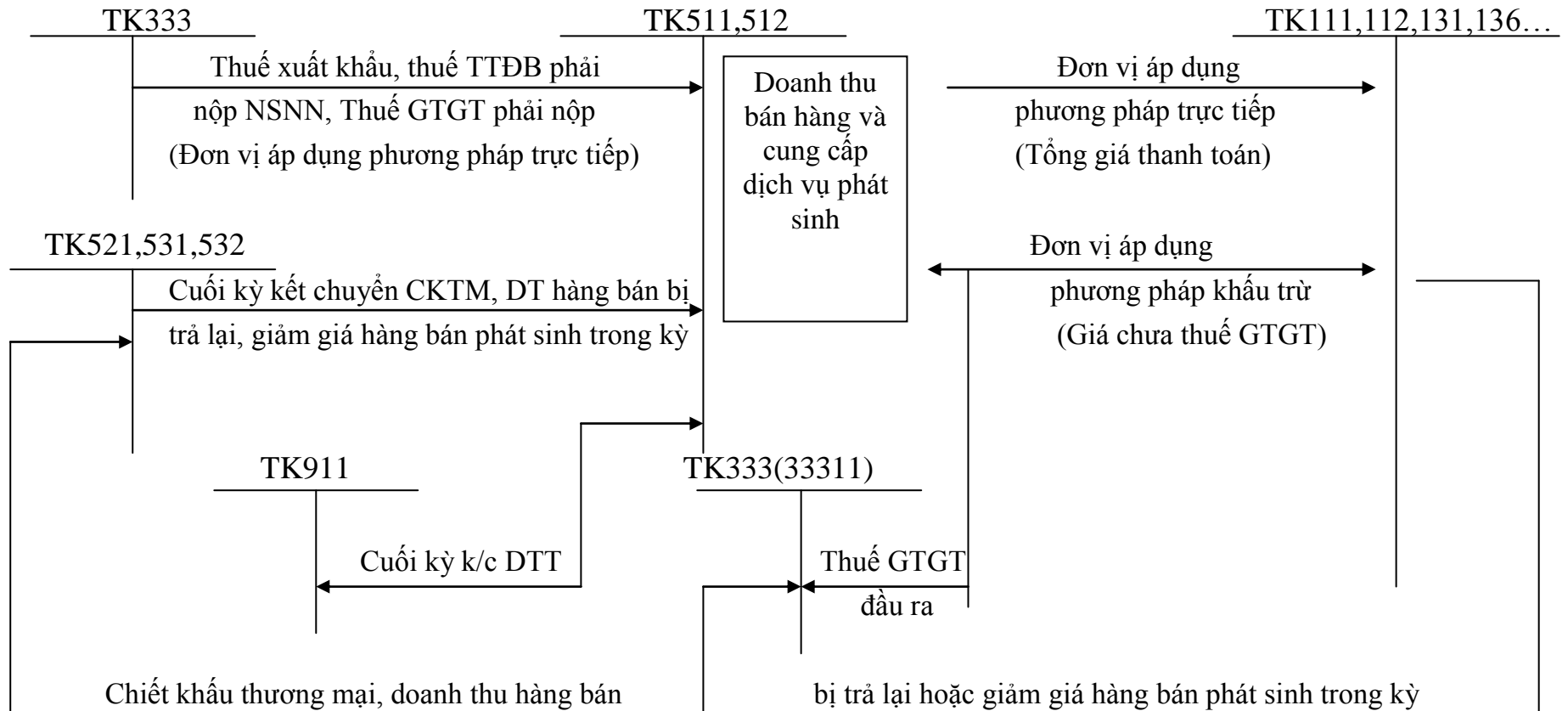
- Tổng số doanh thu tiêu thụ nội bộ phát sinh trong kỳ kế toán.

*TK512 không có số dư*

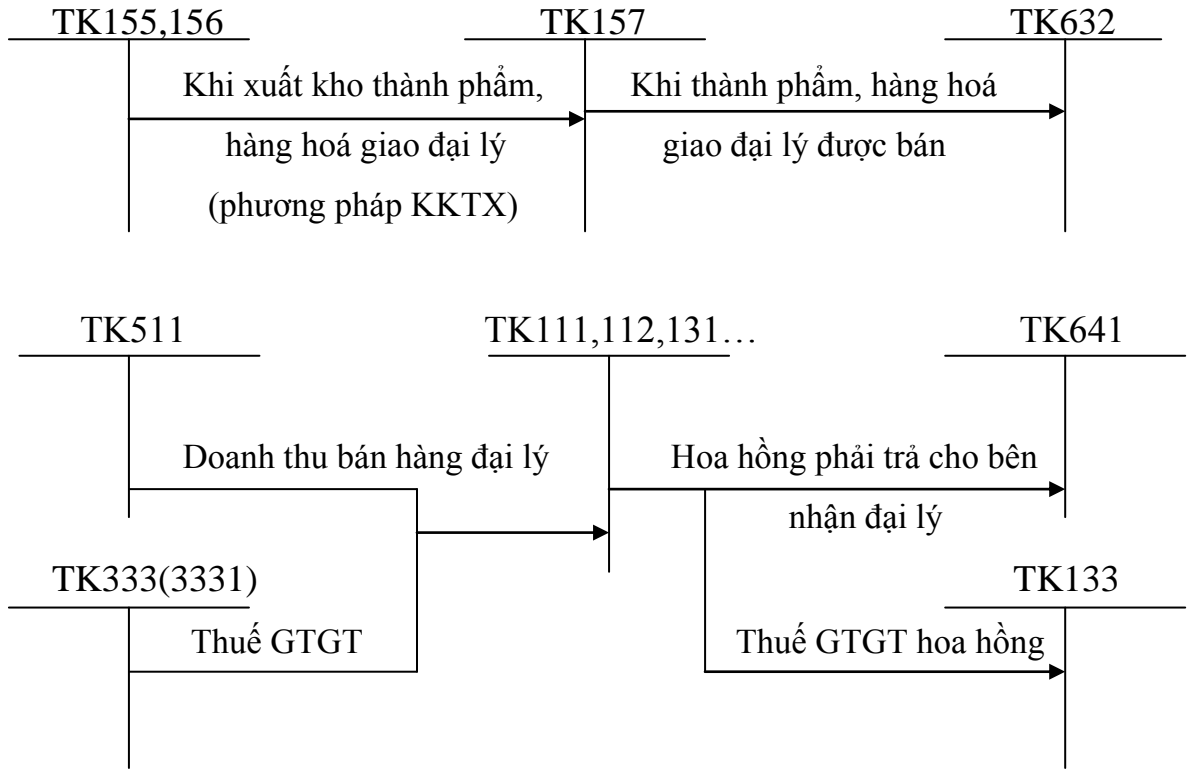
TK512 có 3 TK cấp 2 như sau:

- 5121: Doanh thu bán hàng hóa nội bộ
- 5122: Doanh thu bán sản phẩm nội bộ
- 5123: Doanh thu cung cấp dịch vụ nội bộ

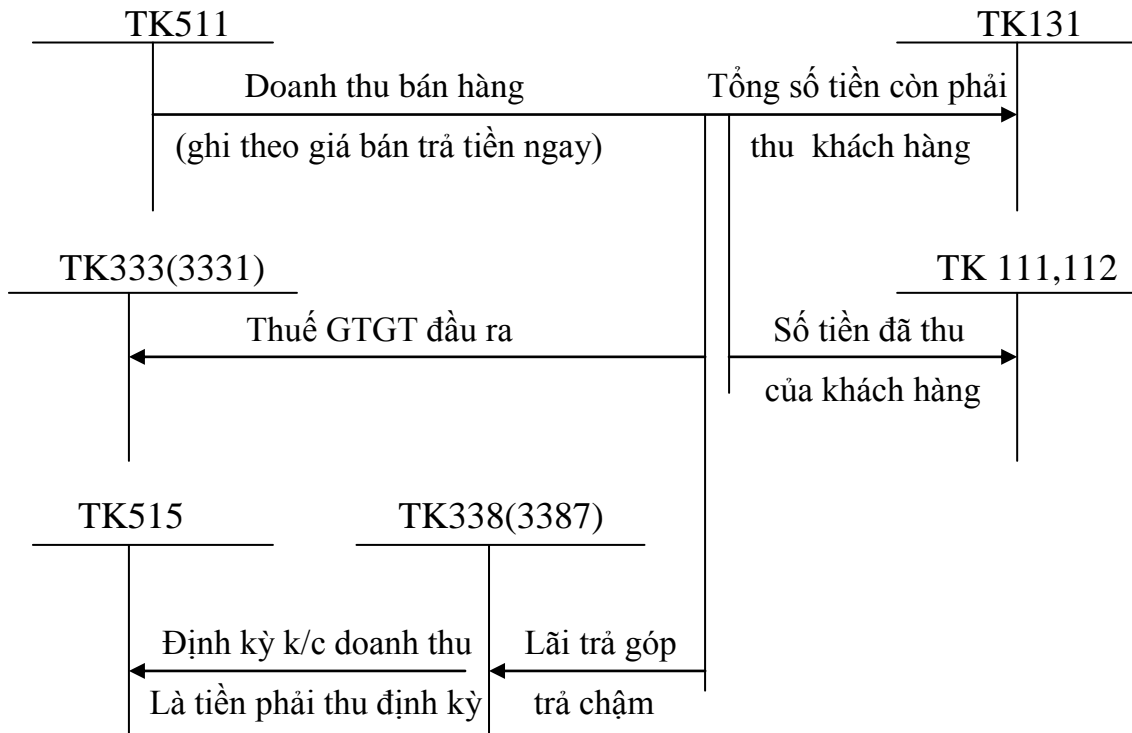
**Sơ đồ 1.1: Sơ đồ kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**



**Sơ đồ 1.2: Kế toán bán hàng thông qua đại lý  
(Theo phương thức bán đúng giá hoa hồng)**



**Sơ đồ 1.3: Sơ đồ kế toán bán hàng theo phương thức trả chậm (hoặc trả góp)**



### **1.3.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: Chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán, thuế XK, thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

#### *1.3.2.1. Chứng từ sử dụng*

- Hóa đơn GTGT (Mẫu 01-GTKT-3LL)
- Phiếu chi
- Phiếu nhập
- Giấy báo có
- Các chứng từ khác có liên quan

#### *1.3.2.2. Tài khoản sử dụng*

- *TK521-Chiết khấu thương mại:*

Kết cấu của TK521:

+ Bên nợ: Chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.

+ Bên có: Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang TK511 để xác định doanh thu thuần kỳ báo cáo.

*TK521 không có số dư.*

TK 521 gồm 3 tài khoản cấp 2:

- TK5211 – Chiết khấu hàng hoá
- TK5212 – Chiết khấu thành phẩm
- TK5213 – Chiết khấu dịch vụ

▪ *TK531- Hàng bán bị trả lại:* dùng để phản ánh giá trị số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại (tính theo đúng đơn giá ghi trên hóa đơn). Các chi phí khác liên quan tới hàng bán bị trả lại mà DN phải chi được phản ánh vào TK 641-chi phí bán hàng.

Trường hợp hàng bán bị trả lại vào kỳ kế toán sau, tức là trước đây đã ghi nhận doanh thu và xác định kết quả kinh doanh. Kế toán phản ánh doanh thu, thuế GTGT của hàng bán bị trả lại ghi nhận vào chi phí của kỳ này, trị giá vốn của hàng bán bị trả lại nhập kho ghi nhận vào doanh thu kỳ này.

Kết cấu của TK 531:

- + Bên nợ: Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả tiền cho người mua hoặc

tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hoá đã bán.

+ Bên có: Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại vào bên nợ của TK511 hoặc TK512 để xác định doanh thu thuần kỳ báo cáo.

*Tài khoản 531 không có số dư.*

▪ *TK532-Giảm giá hàng bán:* dùng để phản ánh các khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và xử lý các khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán.

Kết cấu của TK532:

+ Bên nợ: Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng kém, mất phẩm chất hoặc sai quy cách quy định trong hợp đồng kinh tế.

+ Bên có: Kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang TK511 hoặc TK512 để xác định doanh thu thuần kỳ báo cáo.

*Tài khoản 532 không có số dư.*

▪ *Thuế :*

Các khoản thuế làm giảm doanh thu như :

- Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.
- Thuế xuất khẩu
- Thuế tiêu thụ đặc biệt(TTĐB)

Phản ánh thuế GTGT (PP trực tiếp) phải nộp :

Nợ TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 3331 - Thuế GTGT

Phản ánh thuế xuất khẩu phải nộp :

Nợ TK 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 3333 - Thuế xuất khẩu

Phản ánh thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp:

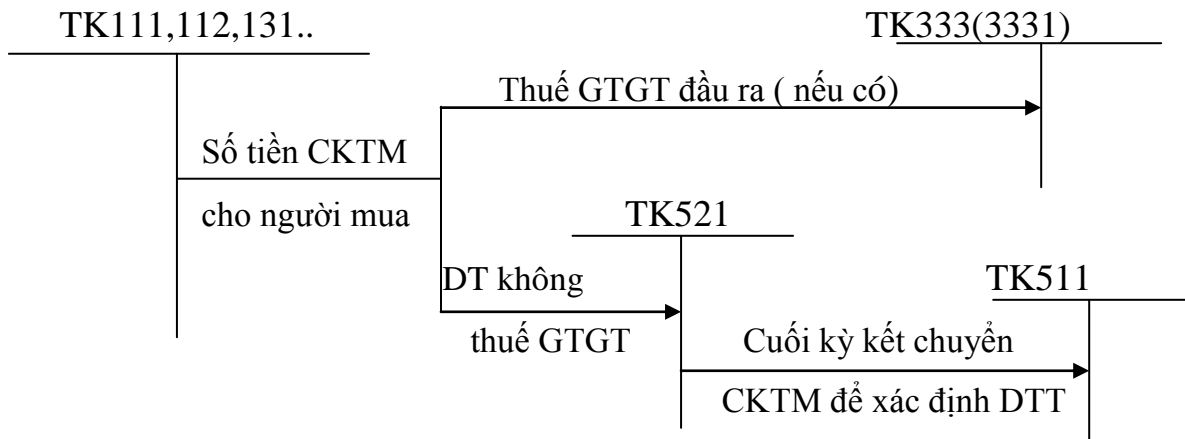
Xác định số thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB) phải nộp :

$$\begin{array}{l} \text{Thuế TTĐB} \\ \text{phải nộp} \end{array} = \frac{\text{Giá bán hàng}}{1 + \text{thuế suất}} \times \text{Thuế suất}$$

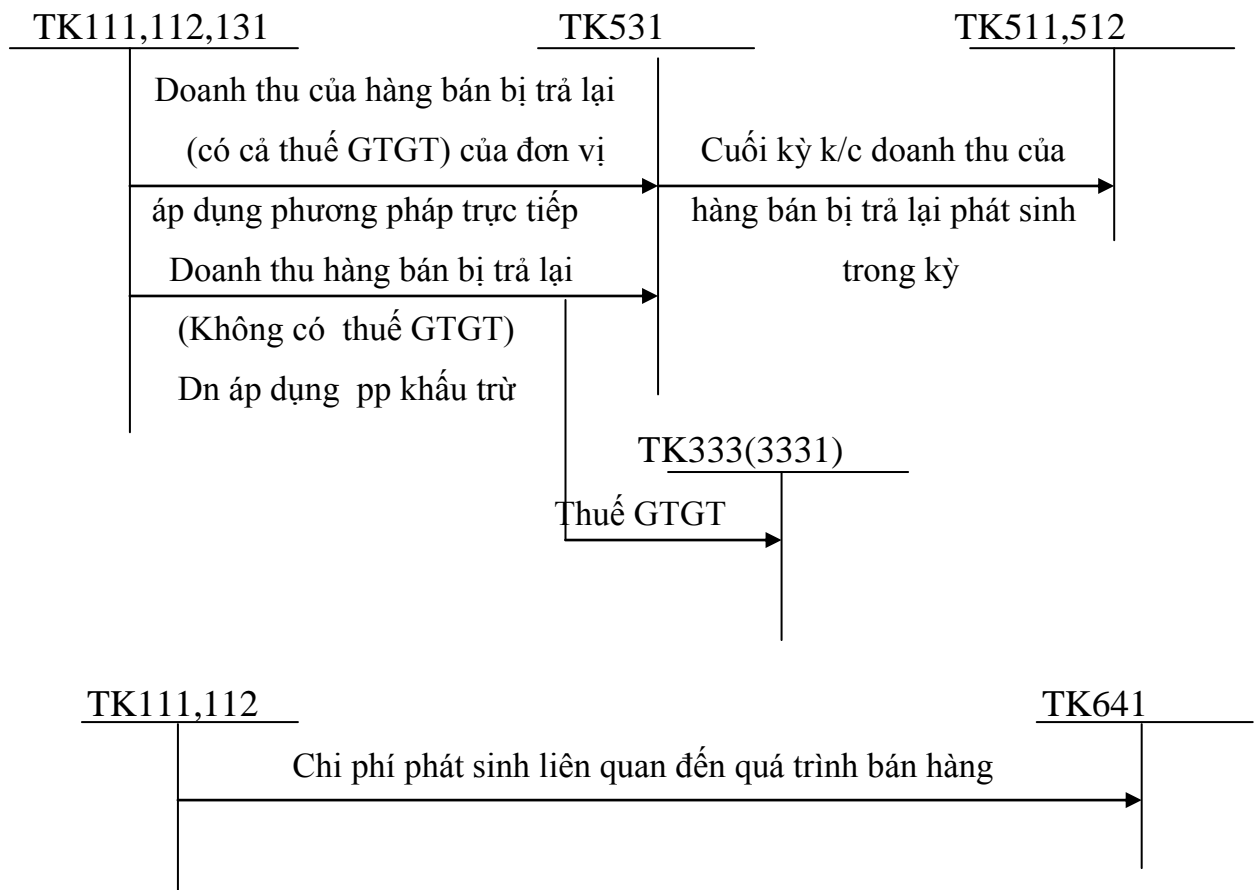
Nợ TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 3332 - Thuế tiêu thụ đặc biệt

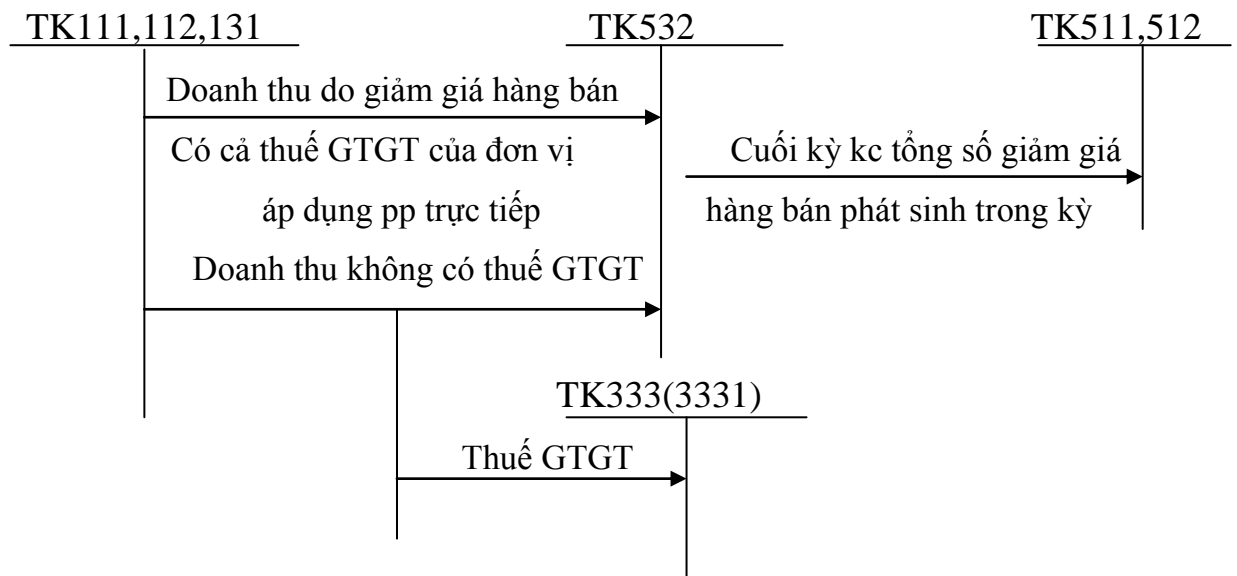
**Sơ đồ 1.4: Sơ đồ kế toán tổng hợp chiết khấu thương mại**



**Sơ đồ 1.5: Sơ đồ kế toán tổng hợp hàng bán bị trả lại**



**Sơ đồ 1.6: Sơ đồ kế toán tổng hợp giảm giá hàng bán**



**1.3.3. Kế toán giá vốn hàng bán**

*1.3.3.1. Phương pháp xác định giá vốn hàng xuất bán*

- *Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ hoặc sau mỗi lần nhập*

Theo phương pháp này thì trị giá vốn hàng bán xuất kho được tính căn cứ vào số lượng hàng hóa xuất kho và đơn giá bình quân.

Công thức tính:

$$\text{Trị giá vốn thực tế của sản phẩm, hàng hóa xuất kho} = \text{Số lượng sản phẩm, hàng hóa xuất kho} \times \text{Đơn giá bình quân}$$

$$\text{Đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ} = \frac{\text{Trị giá thực tế sản phẩm, hàng hóa tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá vốn thực tế của sản phẩm, hàng hóa nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng sản phẩm, hàng hóa tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng sản phẩm, hàng hóa nhập trong kỳ}}$$

$$\text{Đơn giá bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập } i = \frac{\text{Trị giá sản phẩm, hàng hóa tồn kho sau lần nhập } i}{\text{Số lượng sản phẩm, hàng hóa tồn kho sau lần nhập } i}$$

Trong đó: Đơn giá bình quân được xác định cho từng loại vật tư.

- Khi tính đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ thì khối lượng công việc tính toán sẽ giảm bớt nhưng thông tin sẽ không được cung cấp kịp thời vì chỉ tính được trị giá vốn thực tế của vật liệu xuất kho vào thời điểm cuối kỳ.

- Khi tính đơn giá bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập của sản phẩm, hàng hóa, vật tư thì khối lượng công việc tính toán sẽ nhiều nhưng sẽ đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời, phương pháp này thích hợp với doanh nghiệp áp dụng kế toán máy. Áp dụng phương pháp này kế toán phải lưu ý đến số lượng và đơn giá của sản phẩm, hàng hóa, vật tư tồn lại sau mỗi lần xuất.

- *Phương pháp nhập trước xuất trước ( FIFO)*

Theo phương pháp này sản phẩm, hàng hóa, vật tư nào nhập trước thì sẽ xuất trước, lấy đơn giá bằng đơn giá nhập. Trị giá thực tế của sản phẩm, hàng hóa, vật tư tồn kho cuối cùng được xác định bằng đơn giá của sản phẩm, hàng hóa, vật tư những lần nhập đầu tiên.

- *Phương pháp nhập sau xuất trước ( LIFO)*

Theo phương pháp này sản phẩm, hàng hóa, vật tư nào nhập sau cùng thì sẽ xuất trước. Lấy đơn giá bằng đơn giá nhập. Trị giá thực tế của sản phẩm, hàng hóa, vật tư tồn kho cuối cùng được xác định bằng đơn giá của sản phẩm, hàng hóa, vật tư những lần nhập đầu tiên.

- *Phương pháp thực tế đích danh*

Theo phương pháp này, trị giá vốn hàng xuất kho được xác định dựa trên giá định khi xuất kho sản phẩm, hàng hóa, vật tư thì căn cứ vào đơn giá từng lần nhập, xuất hàng hóa thuộc lô nào thì lấy đơn giá của lô đó.



*1.3.3.2. Chứng từ sử dụng*

- Phiếu nhập kho (Mẫu 01-VT)
- Phiếu xuất kho
- Hóa đơn bán hàng thông thường (Mẫu 02-GTGT)
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ

Để theo dõi giá vốn hàng bán chứng từ ban đầu là phiếu xuất kho, khi xuất hàng hóa kế toán phải lập phiếu xuất kho là căn cứ để xuất hàng hóa, đồng thời là cơ sở để vào sổ chi tiết hàng hóa. Khi bán hàng cửa hàng lập bộ chứng từ gồm phiếu XK, hóa đơn GTGT, phiếu thu và ghi nhận giá vốn hàng hóa để lập báo cáo bán hàng.

*1.3.3.3. Tài khoản sử dụng*

- *TK632-Giá vốn hàng bán*: phản ánh trị giá vốn hàng hóa xuất kho bán trong kỳ.

**Kết cấu**

**+Bên nợ:**

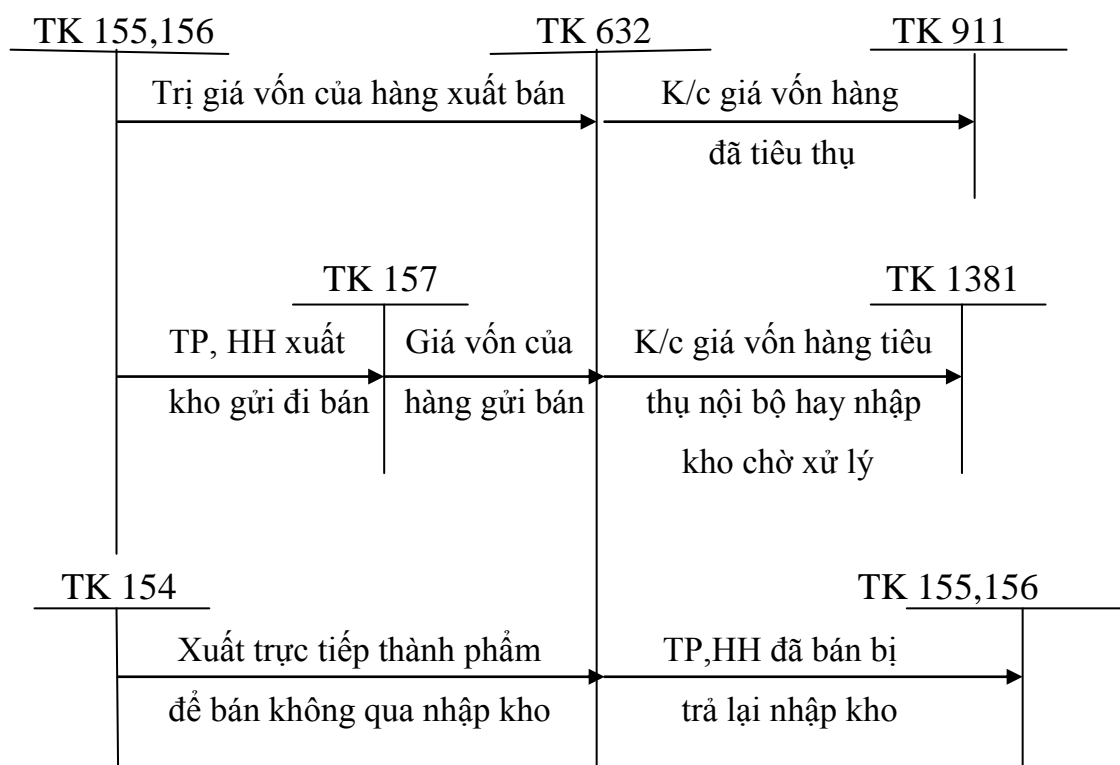
- Tập hợp trị giá vốn của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp trong kỳ
- Các khoản khác được tính vào giá vốn trong kỳ

**+Bên có:**

- Giá vốn hàng bán bị trả lại trong kỳ
- Kết chuyển giá vốn hàng bán vào bên nợ TK 911 để xác định kết quả kinh doanh TK 632 không có số dư cuối kỳ

Các TK khác có liên quan : TK 155,156, 157, 159, 911.

**Sơ đồ 1.7: Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KCTX**



### **1.3.4. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

#### *1.3.4.1. Chứng từ sử dụng*

+/ Các chứng từ liên quan đến chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm:

- Bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương ( Mẫu số 01-LĐTL)
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06-TSCĐ)
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, CCDC ( Mẫu số 07-VT)
- Hóa đơn GTGT
- Giấy báo nợ tiền gửi ngân hàng

+/ Sổ sách kế toán sử dụng

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái và sổ chi tiết tài khoản 641 và các tài khoản liên quan...

Hàng ngày dựa vào các chứng từ phát sinh liên quan đến chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, kế toán tiến hành ghi vào sổ chi tiết, sổ cái TK 641, 642 phụ thuộc vào doanh nghiệp áp dụng theo từng hình thức kế toán. Cuối kỳ kế toán kết chuyển chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp trừ vào thu nhập để tính lợi nhuận về tiêu thụ trong kỳ. Trường hợp chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ lớn hơn trong khi doanh thu kỳ này nhỏ hơn hoặc chưa có thì chi phí bán hàng được tạm thời kết chuyển vào TK 142 (242) “chi phí trả trước”. Số này sẽ được kết chuyển một lần hoặc nhiều lần ở các kỳ sau khi có doanh thu.

#### *1.3.4.2. Tài khoản sử dụng*

▪ *TK641-Chi phí bán hàng*: dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm.

**Kết cấu**

+*Bên nợ*:

- Tập hợp các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp.

+*Bên có*:

- Các khoản giảm trừ chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ hạch toán

- Kết chuyển chi phí bán hàng vào TK911 để xác định kết quả kinh doanh, hoặc kết chuyển chi phí bán hàng vào TK 142(242) “chi phí trả trước” để chờ phân bổ.

TK 641 không có số dư cuối kỳ và có 7 TK cấp 2 như sau:

- 6411: Chi phí nhân viên mua hàng
- 6412: Chi phí vật liệu bao bì
- 6413: Chi phí dụng cụ đồ dùng
- 6414: Chi phí khấu hao TSCĐ dùng trong bán hàng
- 6415: Chi phí bảo hành sản phẩm
- 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- 6418: Chi phí khác bằng tiền.

▪ *TK642-Chi phí quản lý doanh nghiệp*: dùng để phản ánh các chi quản lý chung của doanh nghiệp phát sinh trong kỳ hạch toán

**Kết cấu**

+*Bên nợ*:

- Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ, số dư phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả, dự phòng trợ cấp việc làm.

+*Bên có*:

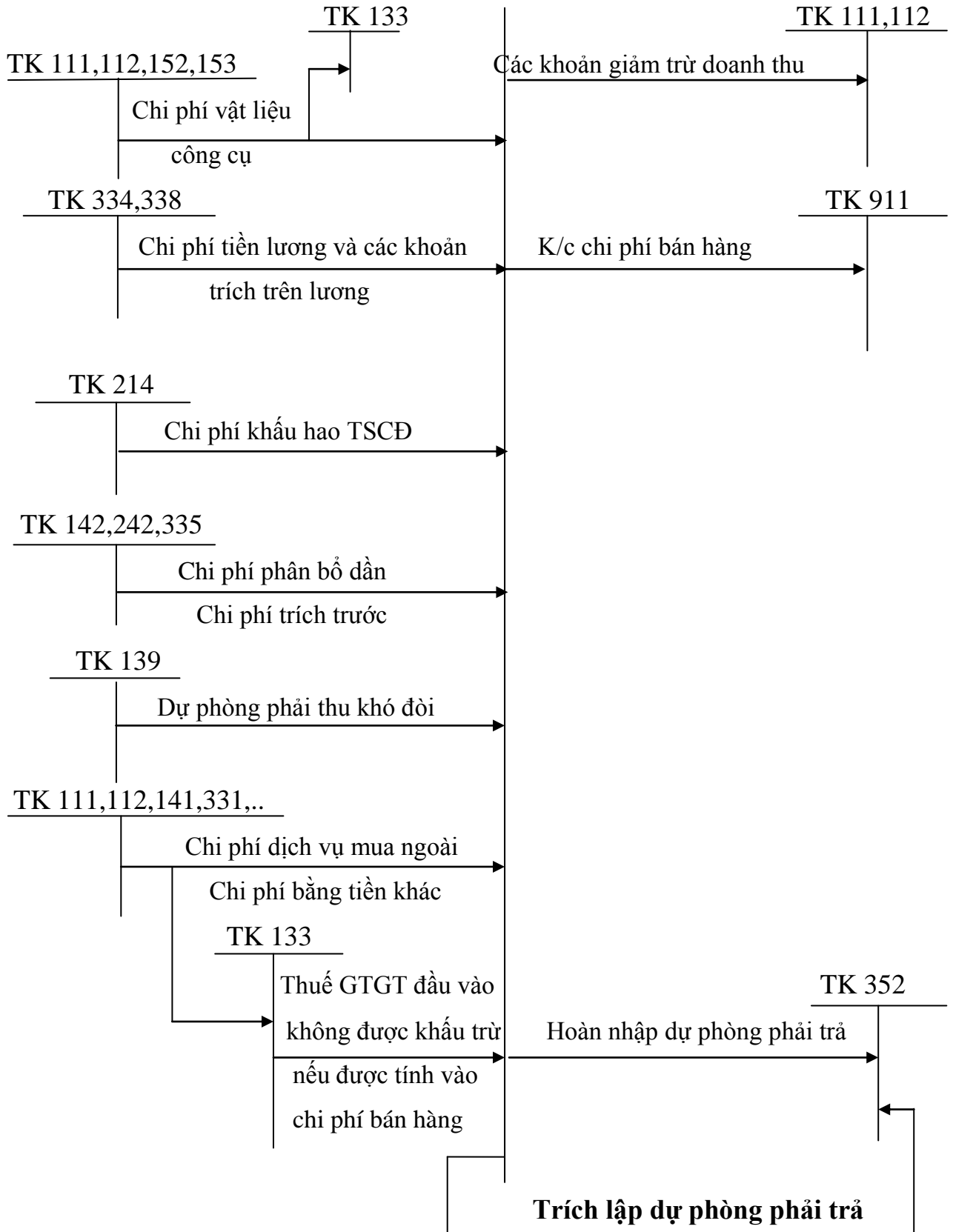
- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả
- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh hoặc kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp sang TK 142 “chi phí trả trước” để chờ phân bổ.

TK 642 không có số dư và có 8 TK cấp 2 như sau:

- 6421: Chi phí nhân viên quản lý
- 6422: Chi phí vật liệu quản lý
- 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng
- 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ
- 6425: Thuế, phí, lệ phí
- 6426: Chi phí dự phòng
- 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- 6428: Chi phí khác bằng tiền

**Sơ đồ 1.8: Sơ đồ kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

TK 641,642



### **1.3.5. Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính**

#### *1.3.5.1. Chứng từ sử dụng*

Các chứng từ có liên quan đến doanh thu tài chính và chi phí tài chính:

- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy báo lãi của ngân hàng
- Giấy báo nợ của ngân hàng
- Các hợp đồng vay vốn
- Biên bản góp vốn liên doanh liên kết
- Các chứng từ khác có liên quan

#### *1.3.5.2. Tài khoản sử dụng*

▪ *TK515-Doanh thu tài chính*: dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, khoản lãi về chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh và doanh thu các hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

**Kết cấu**

+**Bên nợ**:

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có)
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

+**Bên có**:

- Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh.
- Chiết khấu thanh toán được hưởng
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ ngoại tệ của hoạt động kinh doanh
- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

TK 515 không có số dư cuối kỳ

▪ *TK 635-Chi phí tài chính*: dùng để phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính.

**Kết cấu**

+**Bên nợ**:

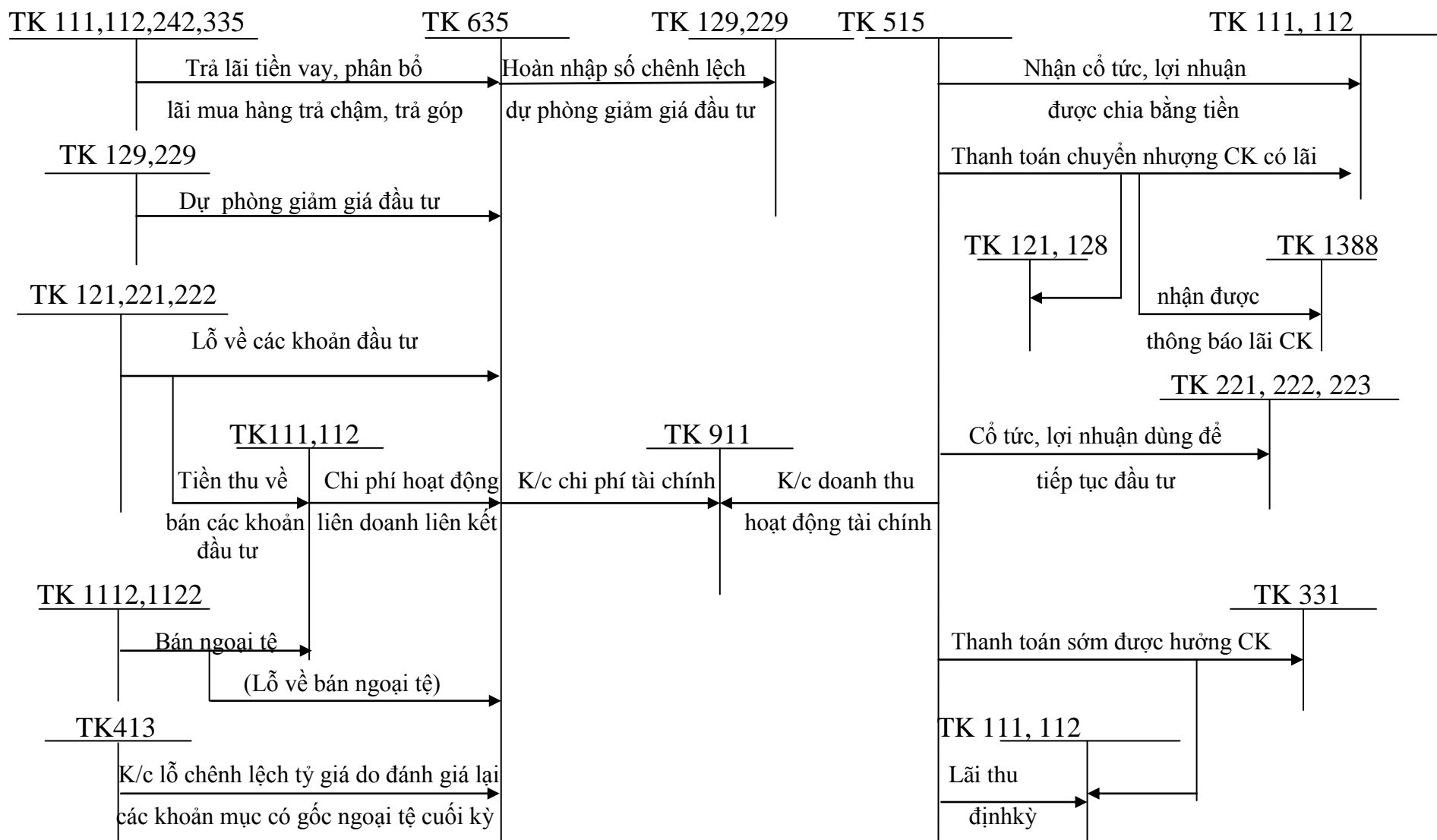
- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản, thuê tài chính - Lãi bán ngoại tệ
- Chiết khấu thanh toán cho người mua
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư ngắn hạn
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh (lỗ tỷ giá đã thực hiện)
- Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh (lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện)
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (chênh lệch giữa số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết)
- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư, xây dựng cơ bản( lỗ tỷ giá giai đoạn trước hoạt động đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính)
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác

+**Bên có**:

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết)
- Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính trong kỳ vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ

**Sơ đồ 1.9 :Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính**





### 1.3.6. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

#### 1.3.6.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy báo nợ, giấy báo có của ngân hàng
- Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Các chứng từ khác có liên quan

#### 1.3.6.2. Tài khoản sử dụng

▪ *TK 711-Thu nhập khác*: Tài khoản này phản ánh các khoản thu nhập từ hoạt động thanh lý TSCĐ, Các khoản thuê được nhà nước miễn giảm, giảm trừ thuế TNDN, các khoản được bồi thường...Tài khoản 711 có kết cấu giống kết cấu của các tài khoản phản ánh Nguồn vốn

▪ **Kết cấu**

+*Bên nợ*:

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác (nếu có)
- Cuối kỳ kết chuyển các khoản thu nhập khác trong kỳ vào tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh

+*Bên có*:

- Các khoản thu nhập khác phát sinh

Tài khoản 711 không có số dư

▪ *TK 811- Chi phí khác*: dùng để phản ánh các khoản chi phí của hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

**Kết cấu**

+*Bên nợ*:

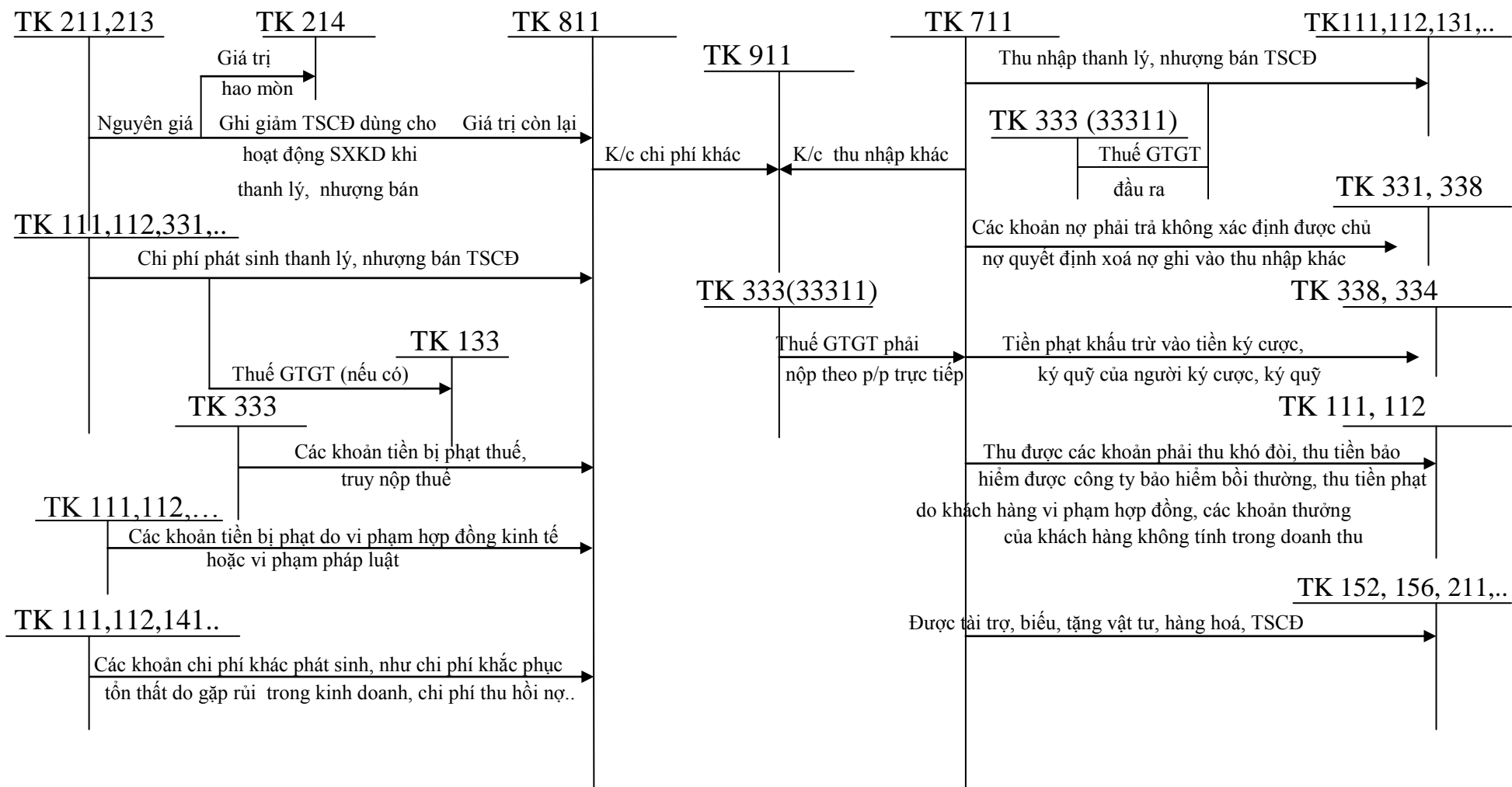
- Các khoản chi phí khác phát sinh

+*Bên có*:

- Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ các chi phí khác phát sinh trong kỳ vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản 811 không có số dư

Sơ đồ 1.10. Sơ đồ hạch toán thu nhập và chi phí khác



### **1.3.7. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

#### *1.3.7.1. Chứng từ sử dụng*

- Bảng tổng hợp doanh thu trong doanh nghiệp
- Bảng tổng hợp chi phí trong doanh nghiệp

#### *1.3.7.2. Tài khoản sử dụng*

TK 821 - chi phí thuế TNDN: Tài khoản này sử dụng để phản ánh chi phí thuế thu nhập của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

TK 821 không có số dư và có 2 TK cấp 2 như sau:

- TK 8211: Chi phí thuế TNDN hiện hành
- TK 8212: Chi phí thuế TNDN hoãn lại.

#### *1.3.7.3. Phương pháp kế toán chi phí thuế TNDN*

▪ *Chi phí thuế TNDN hiện hành:* là số thuế TNDN phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

#### **Kết cấu**

+ Bên Nợ:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính vào chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế TNDN hiện hành của năm hiện tại.

+ Bên Có:

- Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế TNDN hiện hành tạm nộp được giảm trừ vào chi phí thuế TNDN hiện hành đã ghi nhận trong năm.
- Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm hiện tại.
- Kết chuyển chi phí thuế TNDN hiện hành vào bên Nợ TK 911.

▪ *Chi phí thuế TNDN hoãn lại:* là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả trong năm và hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

**Kết cấu**

**+ Bên Nợ:**

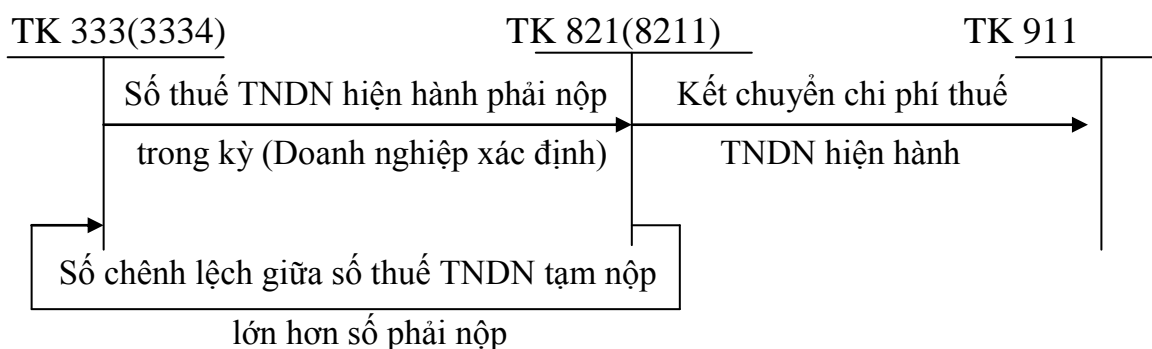
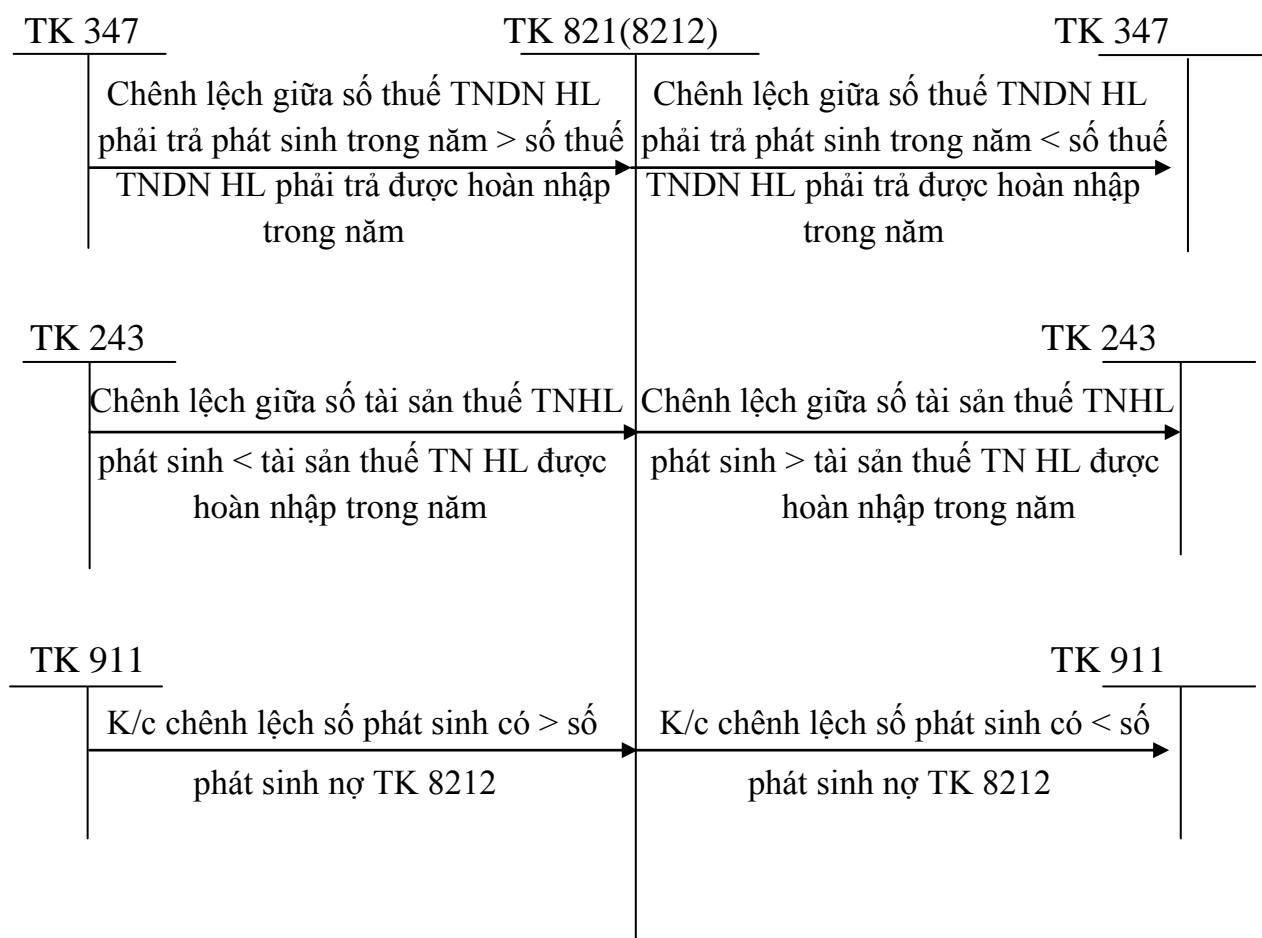
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả (là số chênh lệch giữa thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế TNDN hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm).
- Ghi nhận chi phí thuế TNDN (số chênh lệch giữa tài sản thuế TN hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm).
- Kết chuyển chênh lệch giữa số phát sinh bên Có TK 8212 lớn hơn số phát sinh bên nợ TK 8212 phát sinh trong kỳ và bên Có TK 911.

**+ Bên Có:**

- Ghi giảm chi phí thuế TNDN hoãn lại và ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại (số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế TNDN hoãn lại được hoàn nhập trong năm).
- Ghi giảm chi phí thuế TNDN hoãn lại (số chênh lệch giữa thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế TNDN phải trả phát sinh trong năm).
- Kết chuyển số chênh lệch giữa số phát sinh bên Nợ TK 8212 lớn hơn số phát sinh bên Có TK 8212 phát sinh trong kỳ vào bên Nợ TK 911.

Căn cứ để tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế và thuế suất. Thu nhập chịu thuế được xác định theo công thức:

<i>Thu nhập chịu thuế trong năm tính thuế</i>	=	<i>DT để tính thu nhập chịu thuế trong năm tính thuế</i>	-	<i>CP hợp lý trong năm tính thuế</i>	+	<i>Thu nhập chịu thuế khác trong năm tính thuế</i>
---	---	--	---	--------------------------------------	---	--

**Sơ đồ 1.11: Sơ đồ kế toán tổng hợp thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành****Sơ đồ 1.12: Sơ đồ kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

### **1.3.8. Kế toán xác định kết quả kinh doanh**

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm hàng hoá, lao vụ, dịch vụ), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### *1.3.8.1. Chứng từ sử dụng:*

- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

#### *1.3.8.2. Tài khoản sử dụng:*

- *TK 911-Xác định kết quả kinh doanh*

Tài khoản này dùng để phản ánh xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ hạch toán. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính, kết quả hoạt động khác.

#### **Kết cấu**

##### **+Bên nợ:**

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá dịch vụ bán ra trong kỳ
- Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp,
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế TNDN, chi phí khác
- Kết chuyển lãi

##### **+Bên có:**

- Doanh thu thuần về sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ.
- Doanh thu hoạt động tài chính, các thu nhập khác và các khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
- Kết chuyển lỗ

TK 911 không có số dư

#### *1.3.8.3. Nguyên tắc hạch toán:*

Kế toán sử dụng TK911 để xác định kết quả kinh doanh, phương pháp hạch toán như sau:

- + Cuối mỗi tháng, kế toán thực hiện bút toán kết chuyển:

- Doanh thu bán hàng thuần, doanh thu hoạt động tài chính sang bên có TK911
- Chi phí quản lý doanh nghiệp, trị giá vốn hàng bán, chi phí tài chính và chi phí thuế TNDN sang bên nợ TK911.

+ Xác định kết quả kinh doanh:

- Nếu tổng phát sinh bên Nợ TK 911 lớn hơn tổng phát sinh bên Có TK 911 thì kế toán doanh nghiệp thực hiện bút toán kết chuyển lỗ sang bên Nợ TK 421- LN sau thuế. Kế toán ghi :

Nợ TK421 :(SPS Nợ TK 911 - SPS Có TK 911)

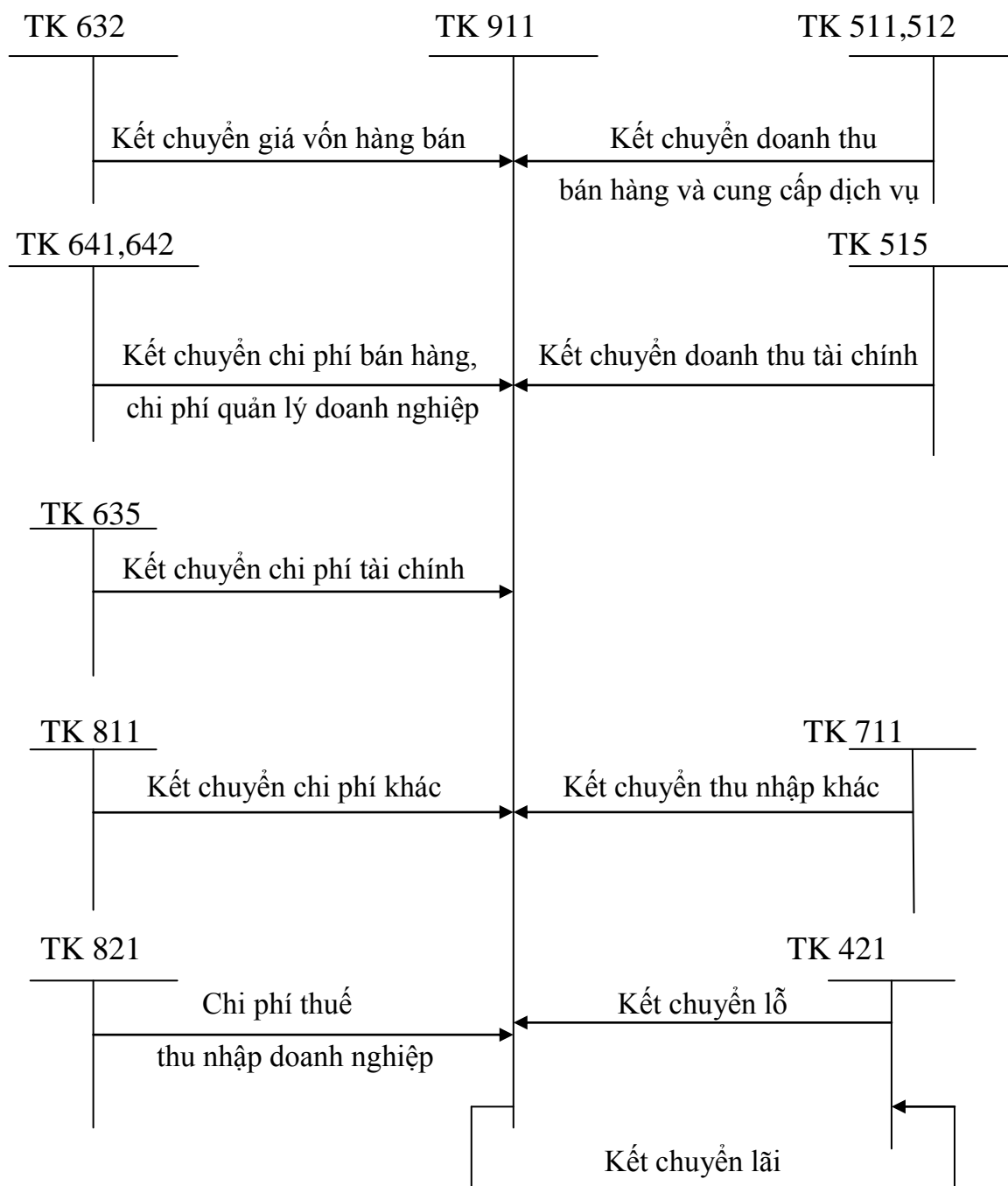
Có TK911

- Nếu tổng phát sinh bên Nợ TK 911 nhỏ hơn tổng phát sinh bên Có TK 911 thì kế toán tính thuế TNDN phải nộp và thực hiện bút toán kết chuyển lãi:

Nợ TK911

Có TK421(SPS Có TK911 - SPS Nợ TK911)

**Sơ đồ 1.13. Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh**





#### **1.4. Tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ**

Đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ thì kế toán sử dụng các loại chứng từ, tài khoản, sổ sách cũng như cách thức hạch toán như sau:

##### **1.4.1. Chứng từ sử dụng**

Doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ thì chứng từ sử dụng giống như trong doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

##### **1.4.2. Tài khoản sử dụng**

Ngoài các tài khoản mà doanh nghiệp kê khai hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên thì trong doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ còn sử dụng thêm những tài khoản sau:

+ TK 611 - Mua hàng: TK này phản ánh giá trị vốn thực tế của hàng hóa tăng, giảm trong kỳ. Tài khoản 611 có 2 TK cấp 2 như sau:

- TK 6111: Mua nguyên vật liệu

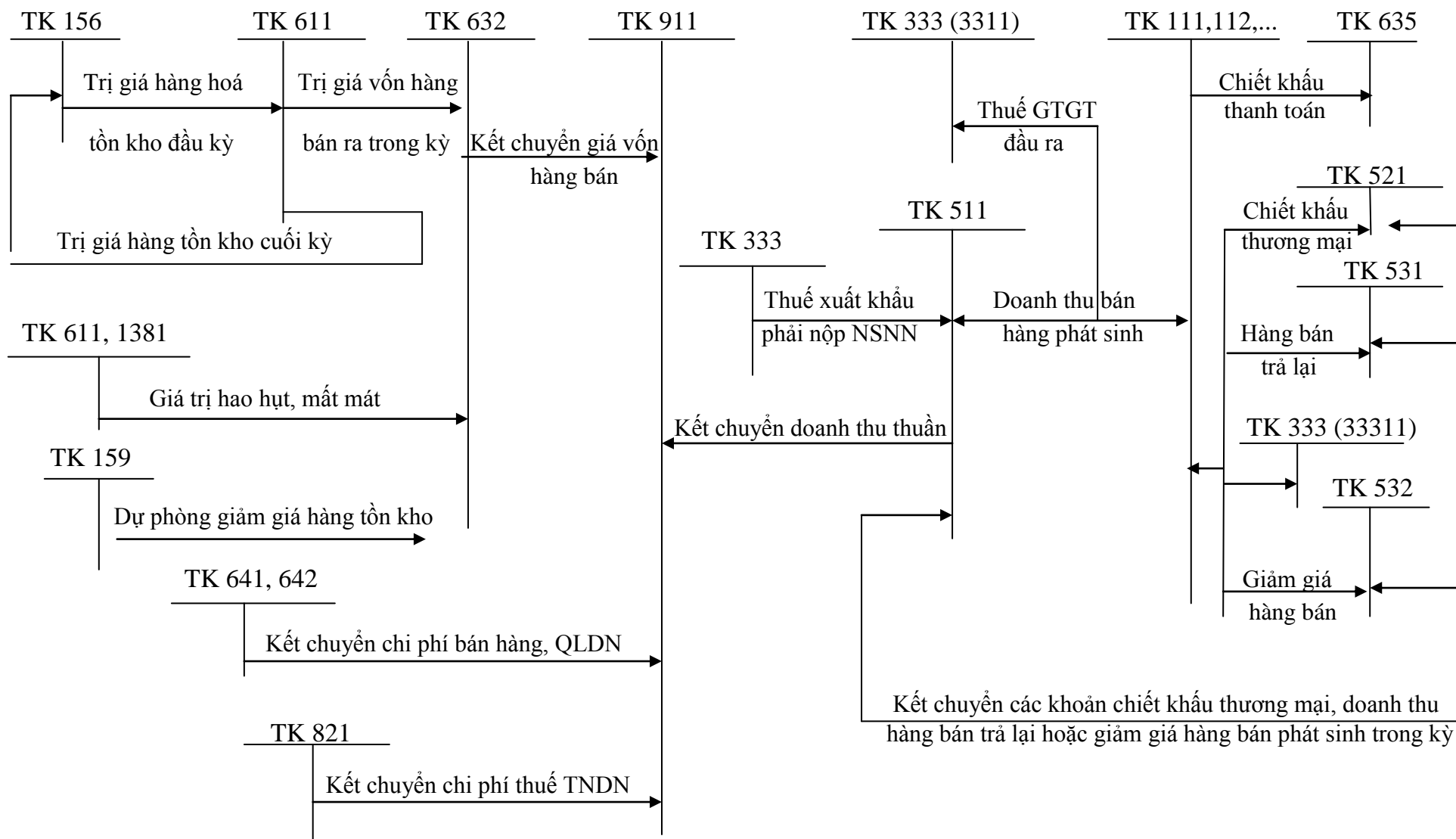
- TK 6112: Mua hàng hóa

+ TK 631 - Giá thành sản xuất

##### **1.4.3. Sổ sách sử dụng**

Doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ thì sổ sách sử dụng cũng giống như trong doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**Sơ đồ 1.14. Sơ đồ hạch toán tổng hợp doanh thu, chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh**  
 (Theo phương pháp kiểm kê định kỳ và đơn vị áp dụng tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)



### 1.5. Các hình thức tổ chức kế toán trong doanh nghiệp

Hình thức kế toán là hình thức kết hợp các loại sổ kế toán khác nhau về chức năng ghi chép, về kết cấu, về nội dung phản ánh theo một trình tự hạch toán nhất định trên cơ sở của chứng từ gốc nhằm cung cấp các chỉ tiêu cần thiết cho việc lập báo cáo kế toán theo trình tự và phương pháp nhất định.

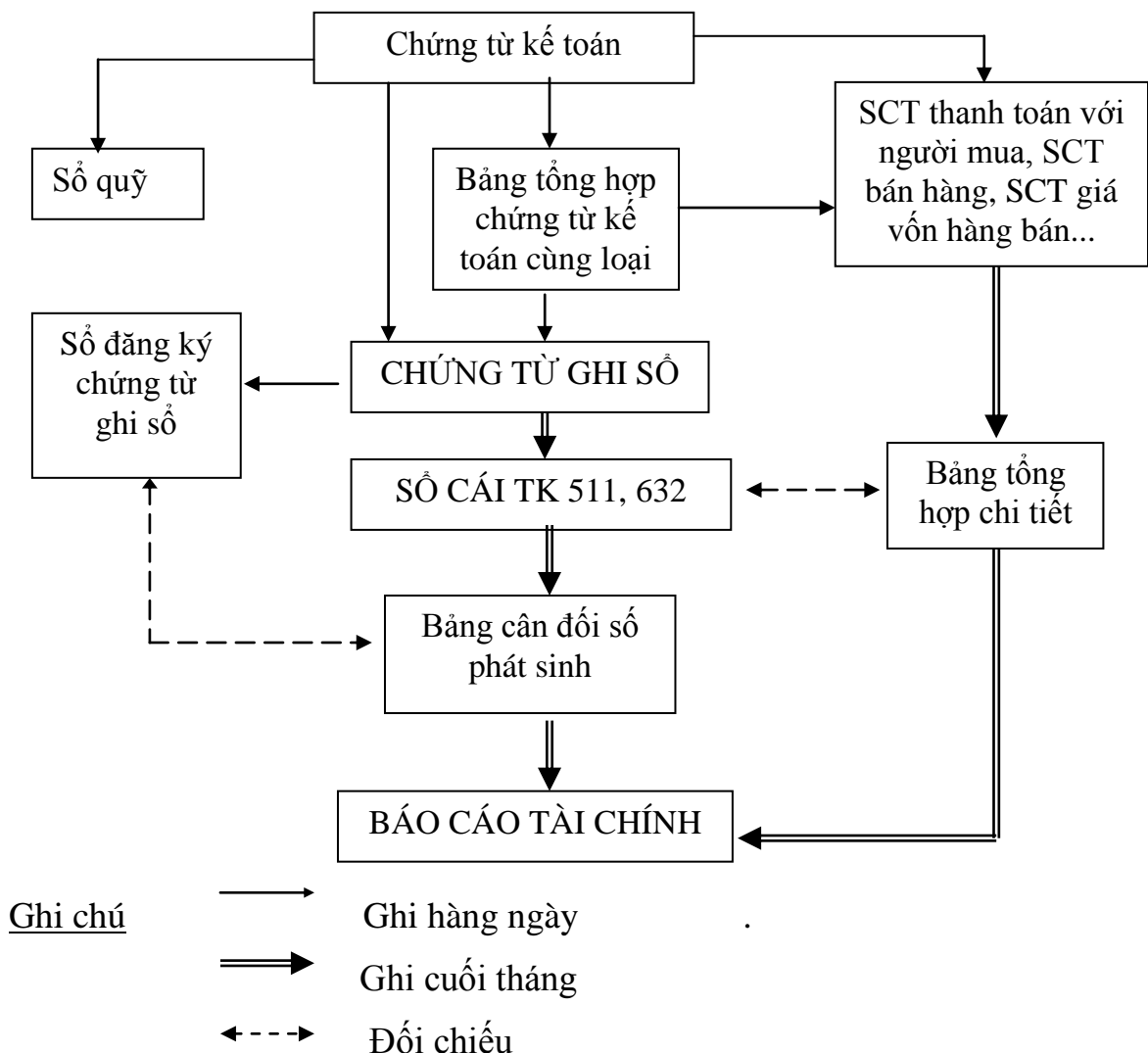
Các hình thức kế toán sau được áp dụng trong các doanh nghiệp:

➤ *Hình thức Chứng từ ghi sổ*

Hình thức này thích hợp với mọi loại hình doanh nghiệp, thuận tiện cho việc áp dụng máy vi tính. Tuy nhiên ghi chép bị trùng lặp nhiều nên việc báo cáo dễ bị chậm trễ nhất là trong điều kiện thủ công.

Sổ sách hình thức này gồm: Sổ Cái, Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, Bảng cân đối tài khoản, các thẻ và sổ hạch toán chi tiết.

**Sơ đồ 1.16: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ**

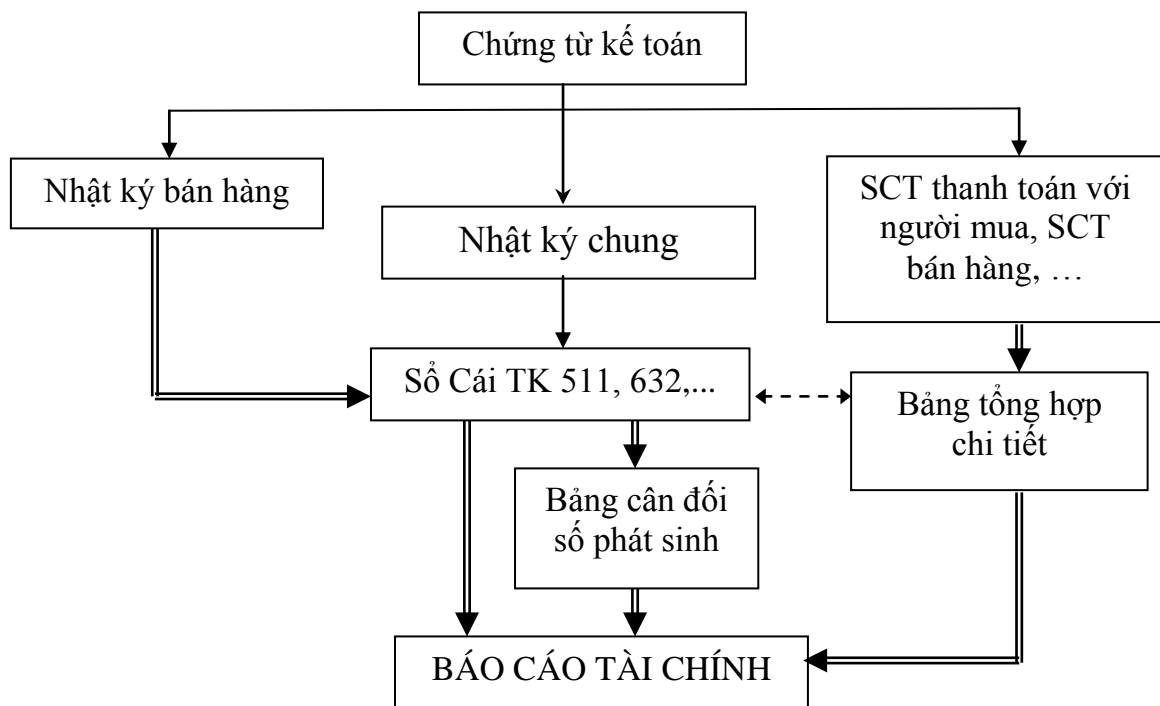


➤ *Hình thức Nhật ký chung*

Hình thức này phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian vào Sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào Sổ Nhật ký chung lấy số liệu để ghi vào Sổ Cái. Mỗi bút toán phản ánh trong sổ Nhật ký chung được chuyển vào Sổ Cái ít nhất cho hai tài khoản có liên quan.

Việc áp dụng hình thức kế toán nào là tùy thuộc vào quy mô, đặc điểm kinh doanh và trình độ quản lý của doanh nghiệp. Mỗi hình thức kế toán có những nhược điểm, ưu điểm và điều kiện áp dụng nhất định. Vì vậy doanh nghiệp phải lựa chọn hình thức kế toán phù hợp với đặc điểm kinh doanh của mình.

**Sơ đồ 1.18: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung**



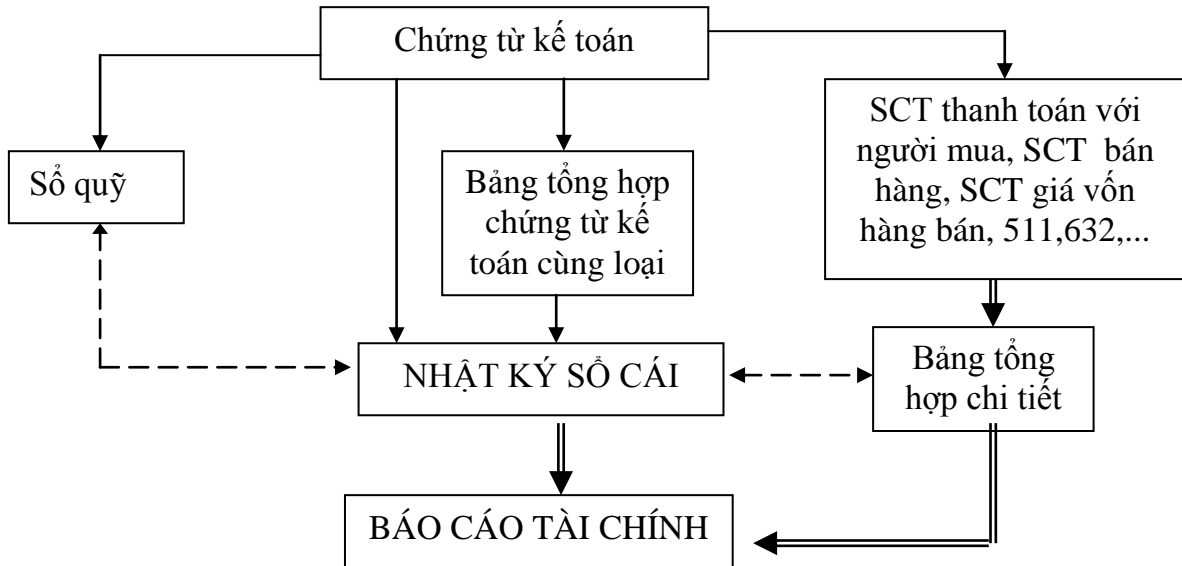
- Ghi chú :**
- Ghi hàng ngày
  - ⇒ Ghi cuối tháng
  - ← - - - → Đối chiếu

➤ *Hình thức Nhật ký – Sổ Cái*

Hình thức này, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phản ánh vào sổ Nhật ký – Sổ Cái. Sổ này hạch toán tổng hợp duy nhất, kết hợp phản ánh theo thời gian và theo hệ thống. Tất cả các tài khoản doanh nghiệp sử dụng được phản ánh cả hai

bên Nợ - Có trên cùng một vài trang sổ. Căn cứ ghi sổ là chứng từ gốc hoặc bảng tổng hợp chứng từ gốc, mỗi chứng từ ghi một dòng vào Nhật ký – Sổ Cái.

**Sơ đồ 1.15: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký - Sổ cái**



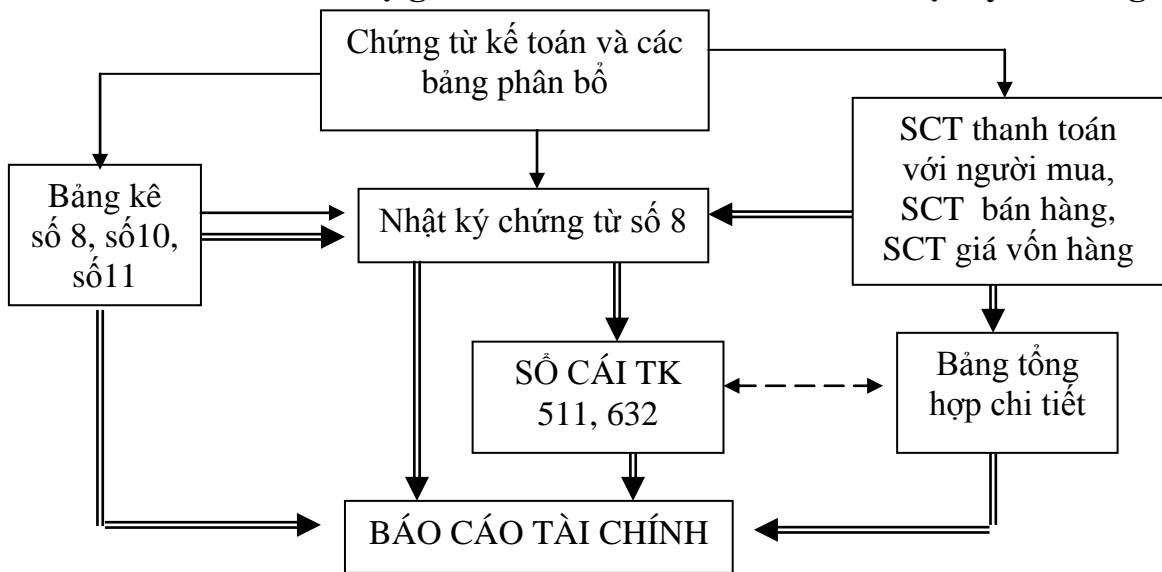
- Ghi chú
- Ghi hàng ngày
  - ⇒ Ghi cuối tháng
  - ↔ Đối chiếu

➤ Hình thức Nhật ký – Chứng từ

Hình thức này thích hợp với doanh nghiệp lớn, số lượng nghiệp vụ nhiều và điều kiện hạch toán thủ công, dễ chuyên môn hóa cán bộ kế toán. Tuy nhiên đòi hỏi nghiệp vụ kế toán phải cao.

Sổ sách hình thức này bao gồm: Sổ Nhật ký – Chứng từ, Sổ Cái, Bảng kê, Bảng phân bổ, Sổ chi tiết.

**Sơ đồ 1.17: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký - Chứng từ**



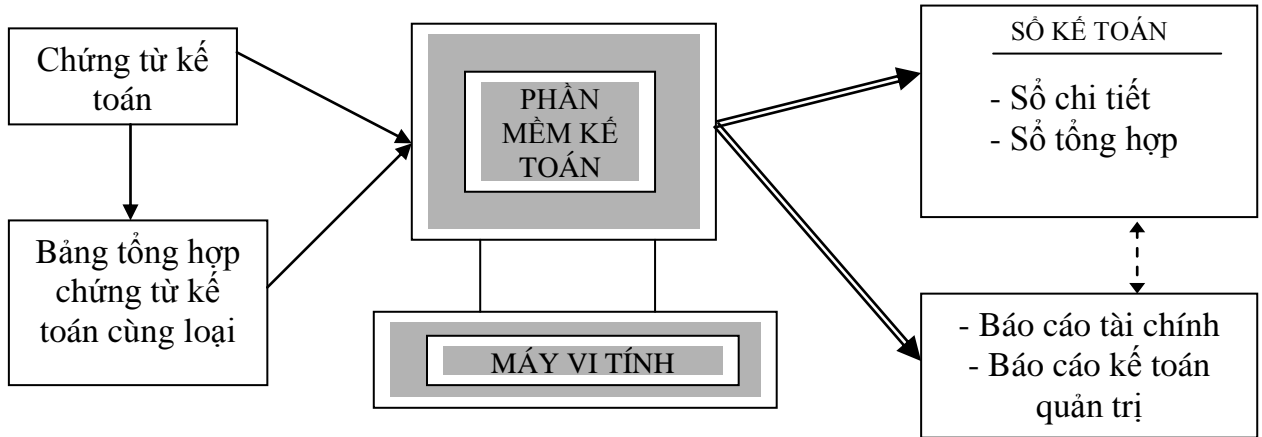
Ghi chú

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối tháng
- ← - - - → Đối chiếu

➤ Hình thức sử dụng phần mềm trên máy vi tính

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm trên máy vi tính.

**Sơ đồ 1.19: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán máy**



- Ghi chú
- Ghi hàng ngày
  - ⇒ Ghi cuối tháng
  - ↔ Đối chiếu

### 1.6. Tổ chức bộ máy kế toán

Bộ máy kế toán là tập hợp những cán bộ, nhân viên kế toán cùng với những trang thiết bị, phương tiện, kỹ thuật tính toán để thực hiện toàn bộ công tác kế toán của doanh nghiệp. Bộ máy kế toán thực hiện nhiều khâu công việc kế toán (phân hành kế toán). Các chủ doanh nghiệp và kế toán trưởng căn cứ vào đặc điểm cụ thể của doanh nghiệp mình để lựa chọn một mô hình hợp lý nhất.

#### 1.6.1 Mô hình tổ chức bộ máy kế toán tập trung

Theo mô hình này, toàn doanh nghiệp tổ chức một phòng kế toán (ở đơn vị chính) làm nhiệm vụ hạch toán tổng hợp và hạch toán chi tiết, lập báo cáo kế toán, phân tích hoạt động kinh tế và kiểm tra công tác kế toán toàn doanh nghiệp. Ở các đơn vị phụ thuộc chỉ bố trí các nhân viên kế toán làm nhiệm vụ thu thập chứng từ, kiểm tra và xử lý sơ bộ chứng từ, gửi các chứng từ về phòng kế toán của doanh nghiệp theo đúng định kỳ.

Mô hình này phù hợp với những doanh nghiệp quy mô nhỏ, địa bàn hoạt động tập trung và vận dụng cơ giới hoá trong công tác kế toán.

### **1.6. 2 Mô hình tổ chức bộ máy kế toán phân tán**

Theo mô hình này, bộ máy kế toán của toàn doanh nghiệp bao gồm phòng kế toán ở đơn vị chính và các tổ (ban) kế toán ở các đơn vị phụ thuộc. Tùy theo yêu cầu và mức độ phân cấp hạch toán để xác định cơ cấu các bộ phận kế toán thích hợp.

Mô hình này phù hợp với những doanh nghiệp có quy mô lớn, địa bàn hoạt động phân tán, có nhiều đơn vị phụ thuộc ở xa và hoạt động tương đối độc lập

### **1.6.3 Mô hình tổ chức bộ máy kế toán vừa tập trung vừa phân tán.**

Mô hình này là sự kết hợp của mô hình kế toán tập trung và phân tán.



## **CHƯƠNG 2**

# **THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TM NHẬT TOÀN**

### **2.1. Giới thiệu chung về công ty TNHH TM Nhật Toàn**

#### **2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH TM Nhật Toàn**

##### *2.1.1.1 Tên, địa chỉ của Công ty*

Tên giao dịch : ***Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại Nhật Toàn***

Viết tắt là : ***Công ty TNHH TM Nhật Toàn***

Trụ sở Công ty : ***Km4-đường 353- Dương Kinh - Hải Phòng***

Điện thoại : 0313.880231                      Fax : 0313.632859

E-mail : [nhatoan@vnn.vn](mailto:nhatoan@vnn.vn)

##### *2.1.1.2. Thời điểm thành lập và quá trình phát triển*

Công ty TNHH TM Nhật Toàn nhận giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200803798 do Sở kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng cấp ngày 10/07/2003 với ngành nghề kinh doanh chính là kinh doanh vật liệu chất đốt và các loại dầu nhớt, dầu Diesel, Xăng. Sau khi đi vào hoạt động Công ty đã tích cực tìm kiếm thị trường tạo được hiệu quả trong lĩnh vực kinh doanh, và khẳng định vị trí của mình Khách hàng ở khắp nơi đã biết tới Công ty TNHH TM Nhật Toàn như một địa chỉ tin cậy về chất lượng hàng hoá, cung cách phục vụ tốt, phương tiện chủ động. Để đạt được thành công này, tập thể cán bộ công nhân viên công ty đã nỗ lực phấn đấu tìm kiếm thị trường, quản lý phương tiện tốt, tạo lập uy tín trên thị trường kinh doanh xăng dầu, vật liệu chất đốt.

Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh : Công ty TNHH TM Nhật Toàn là 1 doanh nghiệp kinh doanh nhiều ngành nghề khác nhau :

Kinh doanh dịch vụ kho bãi, kinh doanh dịch vụ nhà đất.

Kinh doanh xăng dầu, và các sản phẩm hóa dầu

Mặt hàng xăng dầu của công ty bao gồm:

- Xăng dầu chính: Xăng A92, dầu DIEZEL (0.25S, 0.05S), dầu hoá.
- Dầu nhờn

### *2.1.1.3. Những thuận lợi và khó khăn của công ty trong quá trình hoạt động*

Trải qua hơn 8 năm xây dựng và phát triển, công ty đã đạt được những kết quả nhất định trong lĩnh vực kinh doanh bên cạnh đó cũng gặp không ít những khó khăn.

#### **a. Thuận lợi**

- Là 1 quận mới thành lập cùng với sự ra đời của nhiều xí nghiệp, công ty. Chính vì vậy sự ra đời của công ty không chỉ góp phần cung cấp xăng, dầu đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân mà công ty còn phục vụ cho các xí nghiệp, nhà máy, công ty trong lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của họ.

- Với vị trí địa lý thuận lợi nằm - nằm trên trục đường chính 353-Hải Thành-Dương Kinh- giáp với Khu du lịch Đồ Sơn góp phần không nhỏ trong quá trình phân phối và tiêu thụ sản phẩm.

- Công ty đã xây dựng tốt bộ máy quản lý và tuyển dụng đào tạo, đội ngũ lao động có trình độ, chuyên môn, tay nghề. Ban lãnh đạo công ty giàu kinh nghiệm, biết khai thác và phát huy năng lực của cán bộ công nhân viên.

#### **b. Khó khăn**

- Là một công ty mới thành lập, trên địa bàn có rất nhiều doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực này, hầu hết đối thủ cạnh tranh của công ty có kinh nghiệm kinh doanh lâu năm do đó đòi hỏi doanh nghiệp cần làm tốt công tác thị trường và dịch vụ chăm sóc khách hàng để thu hút khách hàng.

- Xăng dầu tiêu dùng trong nước hiện nay chủ yếu phải nhập khẩu, giá trong nước phụ thuộc vào sự biến động của giá thị trường thế giới. Điều này không chỉ tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các nhà máy, xí nghiệp mà còn ảnh hưởng đến đời sống của đông đảo người dân.

Trong giai đoạn hiện nay, công ty luôn cố gắng nỗ lực khắc phục khó khăn, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

#### *2.1.1.4 Thực trạng tài chính*

##### ***a. Sản lượng***

Sản lượng là chỉ tiêu biểu hiện kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Nó là cơ sở để tính các chỉ tiêu khác của quá trình sản xuất kinh doanh như giá thành, lao động, tiền lương, sử dụng tài sản cố định, các chỉ tiêu quan hệ ngân sách. Qua việc nghiên cứu chỉ tiêu sản lượng ta có thể biết năng lực của doanh nghiệp.

Từ năm 2008 đến năm 2011, khối lượng hàng vận chuyển của Công ty tăng đáng kể. Khối lượng hàng tăng chủ yếu là do:

Khối lượng xăng dầu bán ra tăng một phần lớn là do:

Nhu cầu tiêu dùng ngày càng cao.

Uy tín của Công ty trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu tăng lên đáng kể.

Sự quan tâm thích đáng của Công ty trong việc kinh doanh xăng dầu và công tác tiếp thị đã mở rộng số lượng khách hàng.

Tuy nhiên, Công ty cũng gặp phải một số khó khăn do việc kinh doanh xăng dầu hiện nay giá cả luôn biến động và các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu đang có xu hướng tiến tới mua xe để tự tìm nguồn hàng cho mình.

##### ***b. Tài chính***

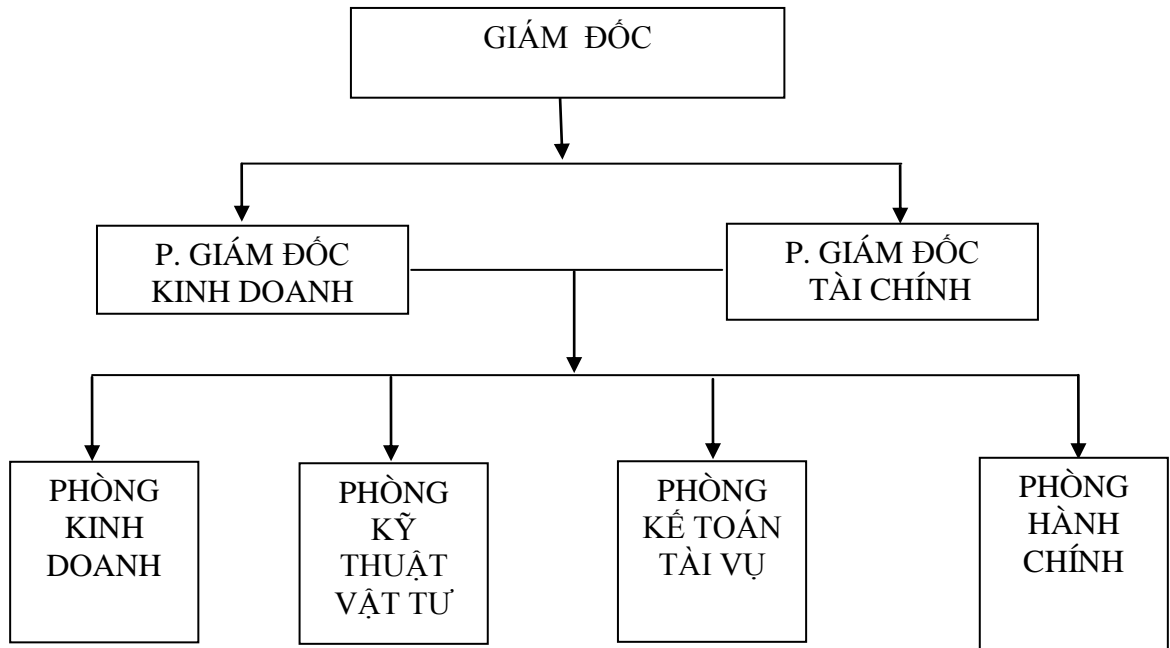
Lợi nhuận là chỉ tiêu chất lượng tổng hợp, nó phản ánh đầy đủ các mặt số lượng, chất lượng của sản xuất kinh doanh, phản ánh kết quả sử dụng các yếu tố cơ bản của sản xuất như lao động, vật tư, tiền vốn, tài sản... và là nguồn quan trọng để tái sản xuất mở rộng doanh nghiệp.

Năm 2011 là năm kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh có sự biến động rất lớn. Việc kinh doanh xăng dầu đạt kết quả tốt làm doanh thu tăng đáng kể. Nhưng đây cũng là giai đoạn có nhiều sự thay đổi về chính sách của Nhà nước và tình hình kinh tế thế giới có nhiều biến động làm chi phí cũng tăng vọt. Sự biến động mạnh mẽ về giá dầu trên thế giới làm giá xăng dầu tăng lên khiến chi phí tăng cao.

**2.1.2. Mô hình tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH TM Nhật Toàn**

**2.1.2.1 Bộ máy quản lý**

Về công tác tổ chức quản lý doanh nghiệp Công ty TNHH TM Nhật Toàn cũng đã nghiên cứu lập các phòng ban chuyên trách hợp lý nhằm nâng hiệu quả kinh doanh, đảm bảo cạnh tranh trên thị trường.



Giải thích:      —————>      Quan hệ trực tuyến

**Sơ đồ 2.1.1: Bộ máy quản lý công ty.**

Công ty TNHH TM Nhật Toàn gồm có: Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng, các phòng ban nghiệp vụ.

1 Giám đốc công ty.

1 Phó GD kinh doanh.

1 Phó GD tài chính.

Các phòng ban:

Phòng Kế toán - Tài vụ.

Phòng Kinh doanh.

Phòng Kỹ thuật - Vật tư.

Phòng Hành chính.

Các đơn vị trực thuộc:

Đội xe vận tải bộ.

Các phương tiện bán lẻ xăng dầu.

### *2.1.2.2 Chức năng nhiệm vụ các phòng ban.*

Đứng đầu công ty là giám đốc công ty. Giúp cho giám đốc là hai phó giám đốc:

Giám đốc Tài chính và giám đốc Kinh doanh.

Các phòng ban, các phương tiện vận tải do giám đốc công ty quyết định thành lập hoặc giải thể.

Phòng kế toán tài vụ: Hạch toán, thống kê các hoạt động sản xuất kinh doanh theo quy định của nhà nước. Tham mưu giúp việc cho Giám đốc thực hiện nghiêm túc các quy định về kế toán tài chính hiện hành. Thường xuyên cung cấp cho Giám đốc về tình hình tài chính, nguồn vốn, hiệu quả sử dụng vốn.

Phòng kinh doanh: Phòng kinh doanh có nhiệm vụ tiến hành xây dựng triển khai thực hiện các kế hoạch kinh doanh, tổng hợp và phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của công ty. Bên cạnh đó, phòng kinh doanh còn phụ trách tình hình kinh doanh của các cửa hàng xăng dầu. Tổ chức hoạt động Marketing để duy trì và mở rộng thị trường, đa dạng hoá hình thức dịch vụ, tăng hiệu quả kinh doanh.

Phòng kỹ thuật vật tư: Tham mưu cho giám đốc về tình trạng kỹ thuật của đội xe, lập kế hoạch sửa chữa định kỳ thường xuyên cho đội xe và cùng với phòng tài vụ rà soát giá tiền sửa chữa cho từng phương tiện.

Phòng hành chính: Tham mưu giúp việc cho giám đốc về công tác cán bộ, sắp xếp bố trí cán bộ công nhân viên đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh đề ra. Có kế hoạch đào tạo nâng cao chất lượng đội ngũ lao động, chăm sóc sức khoẻ toàn lao động, chịu trách nhiệm toàn bộ về công tác tiền lương theo chế độ của nhà nước, xây dựng đơn giá tiền lương cho từng tuyến vận chuyển, tính lương phải trả hàng năm cho người lao động.

### **2.1.3 Quy trình công nghệ và cơ sở vật chất kỹ thuật**

#### **a. Quy trình công nghệ**

Hầu hết các mặt hàng kinh doanh của Công ty đều ở dạng lỏng nên hệ thống máy móc thiết bị, công nghệ, kho tàng của Công ty được xây dựng và trang bị phù hợp với mặt hàng kinh doanh, đáp ứng công tác giao nhận, bảo quản dự trữ, cấp phát loại hàng ở dạng lỏng, dễ cháy nổ.

Hệ thống công nghệ thiết bị bao gồm:

Hệ thống bể chứa xăng dầu.

Hệ thống kho chứa hàng.

Hệ thống đường ống công nghệ.

Cột bơm nhiên liệu.

Máy bơm các loại.

Quy trình công nghệ cấp nhận và cấp phát xăng dầu như sau:

Các loại xăng dầu nhập về sau khi làm thủ tục kiểm tra giám định xác định số lượng và chất lượng, được bơm lên các bể chứa của kho để xác định số lượng tồn chứa, dự trữ, cấp phát hàng ngày. Mỗi loại xăng dầu được đựng vào một bể riêng biệt (téc) theo hệ thống đường ống riêng biệt để đảm bảo đúng phẩm chất và tránh nhầm lẫn khi giao nhận.

Khách hàng có thể nhận xăng dầu tại kho của Công ty bằng phương tiện vận tải của khách hàng hoặc thuê phương tiện vận tải của Công ty tùy theo hợp đồng mua bán giữa hai bên. Công ty được phép bán lẻ không hạn chế số lượng cho mỗi đối tượng khách hàng có nhu cầu và cần ngay.

#### **b. Cơ sở vật chất kỹ thuật**

Đội xe vận tải xăng dầu: Gồm 4 phương tiện xe xitec chở xăng dầu 12 khối....

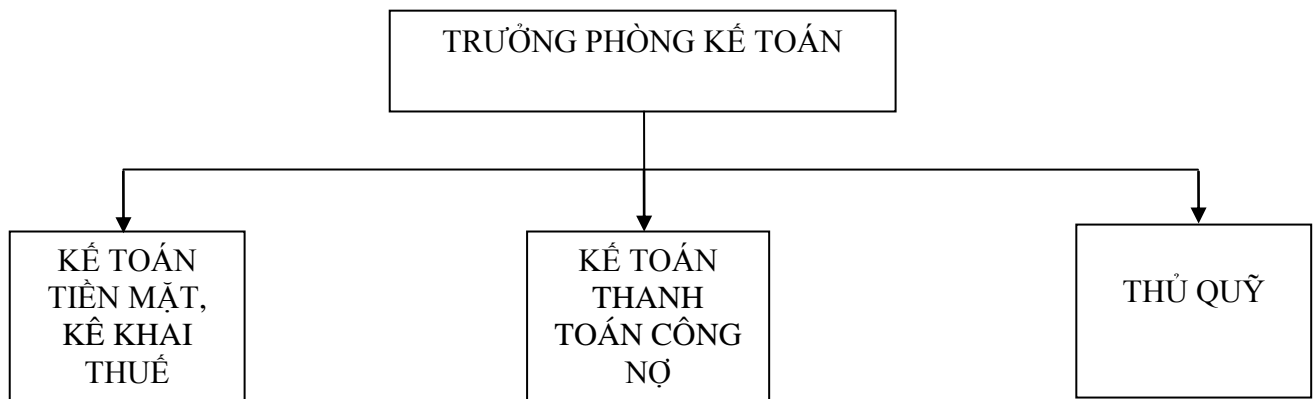
Được trang bị đầy đủ bánh lốp dự phòng, phương tiện xả ,hút...đồng thời công ty cũng trang bị thêm các thiết bị PCCC hiện đại khác... vừa đảm bảo uy tín với khách hàng vừa đạt tiêu chuẩn an toàn phòng cháy chữa cháy.

Mặt hàng kinh doanh chủ yếu của Công ty là nhiên liệu: Xăng ,Dầu Diesel, dầu nhờn các loại ...

**2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH TM Nhật Toàn.**

*2.1.4.1 Tổ chức bộ máy kế toán.*

Phòng kế toán đảm nhiệm cung cấp thông tin kế toán, thông tin quản trị kịp thời chính xác và đầy đủ cho các đối tượng sử dụng thông tin. Kế toán viên phải phân loại chứng từ, kiểm tra chứng từ ban đầu, tổ chức ghi chép, tính toán và phản ánh chính xác, trung thực, kịp thời toàn bộ tài sản. Tính toán và trích nộp đúng, đủ, kịp thời các khoản nộp ngân sách Nhà nước, thanh toán đúng hạn các khoản vay, các khoản công nợ phải thu, phải trả, cổ tức...Lập đầy đủ và gửi đúng hạn các báo cáo kế toán, tờ khai thuế GTGT, báo cáo quyết toán của công ty và cung cấp thông tin theo chế độ quy định.



**Sơ đồ 2.1.2: Tổ chức bộ máy kế toán**

*1.Kế toán trưởng:*

- Tham mưu cho giám đốc chỉ đạo các đơn vị thực hiện các chế độ quản lý tài chính, tiền tệ theo quy định của Bộ tài chính và hướng dẫn của công ty.
- Chịu trách nhiệm chỉ đạo hạch toán kế toán, lập báo cáo tài chính, báo cáo quản trị phù hợp với quy định pháp luật và yêu cầu của công ty.
- Chịu trách nhiệm sắp xếp, tổ chức bộ máy của phòng tài chính kế toán phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của phòng.

- Chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch tài chính tổng hợp hàng năm (theo quy định của ban giám đốc) trình duyệt tổng giám đốc Công ty trên cơ sở tổng hợp kế hoạch chi tiết của các đơn vị, phòng ban....

## 2. Kế toán thanh toán, công nợ:

- Đảm bảo việc kế toán thanh toán nội bộ. Hàng ngày tiếp nhận các chứng từ thanh toán thu chi tiền mặt, thanh toán và hạch toán hoàn thiện chứng từ vay ngân hàng. Theo dõi công nợ khách hàng.

## 3. Nhân viên kế toán tiền mặt và kế toán thuế:

- Kế toán tiền mặt
- Kế toán thuế
- Chịu trách nhiệm quản lý công nợ tạm ứng nội bộ công ty
- Các nhiệm vụ khác do kế toán trưởng phân công.

## 4. Thủ quỹ

Thủ quỹ: Thực hiện thu, chi tiền mặt khi nhận được các chứng từ hợp lệ. Theo dõi sổ quỹ tiền mặt.

Công tác kế toán thống kê cũng đã được chấn chỉnh từ sổ sách kế toán, quản lý chứng từ áp dụng theo dõi, quản lý tài chính linh hoạt nên phản ánh được tình hình sản xuất kinh doanh của công ty kịp thời hơn, chính xác hơn.

### 2.1.4.2 Tổ chức hệ thống sổ sách kế toán.

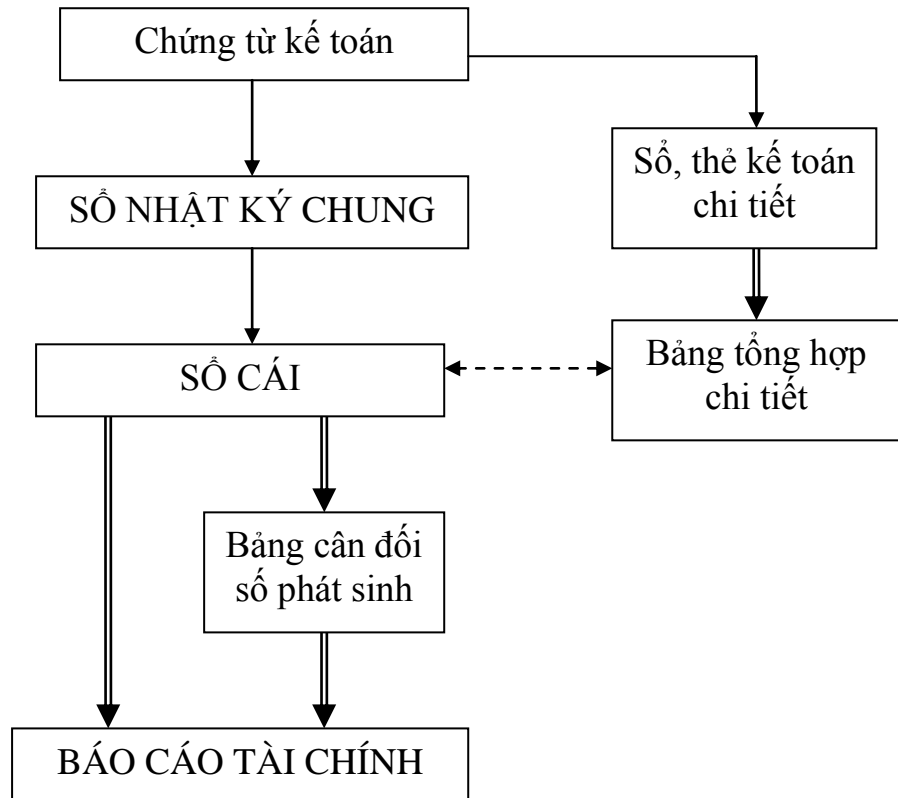
Công ty TNHH TM Nhật Toàn có hệ thống kế toán độc lập, hình thức tổ chức công tác kế toán: Tập trung.

Căn cứ vào Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của bộ trưởng bộ tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung hướng dẫn thực hiện kèm theo, công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.

- Kỳ kế toán: Kỳ kế toán năm (bắt đầu từ ngày 01/01/2011 và kết thúc vào ngày 31/12/2011).
- Doanh nghiệp tính và nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.
- Phương pháp tính giá hàng tồn kho theo phương pháp bình quân liên hoàn



- Tính khấu hao TSCĐ theo phương pháp khấu hao đều.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là tiền Việt Nam Đồng (VND)



**Sơ đồ 2. 1.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức NKC.**

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày  $\longrightarrow$
- Ghi cuối tháng, cuối kỳ  $\Longrightarrow$
- Đối chiếu, kiểm tra  $\longleftrightarrow$

Giải thích: Hàng ngày căn cứ vào chứng từ gốc kế toán vào Sổ NKC.

Sau đó dựa vào số liệu đã ghi Sổ NKC để vào Sổ Cái tài khoản liên quan.

Cuối tháng kế toán lập BCDPS sau khi đã đối chiếu số liệu phù hợp. Đó là cơ sở để lập báo cáo tài chính.

BCTC của công ty được lập theo quy định của Nhà nước gồm:

Bảng cân đối kế toán.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Bảng thuyết minh báo cáo tài chính.

Công tác kế toán của Công ty thực hiện đúng theo những quy định mà Nhà nước ban hành về chế độ kế toán.

Hiện nay Công ty đang đưa kế toán máy vào nghiên cứu và trong năm 2012 sẽ lắp đặt, hoàn thiện để đưa vào sử dụng. Vì vậy trong năm 2011 công tác kế toán tại Công ty vẫn thực hiện theo phương pháp thủ công.

## **2.2 Thực trạng về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của Công ty TNHH TM Nhật Toàn năm 2011.**

### **2.2.1 Kế toán doanh thu và chi phí.**

#### *2.2.1.1 Kế toán doanh thu và chi phí của hoạt động sản xuất kinh doanh.*

##### *a. Đặc điểm công tác kế toán giá vốn hàng bán*

Giá vốn hàng bán là giá gốc (giá mua vào) của hàng hoá. Để xác định giá vốn của hàng xuất kho Công ty áp dụng phương pháp bình quân liên hoàn.

$$\begin{aligned} \text{Đơn giá bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập } i &= \frac{\text{Trị giá sản phẩm, hàng hóa tồn kho sau lần nhập } i}{\text{Số lượng sản phẩm, hàng hóa tồn kho sau lần nhập } i} \\ \text{Trị giá hàng xuất kho} &= \text{Lượng hàng xuất kho} \times \text{Đơn giá bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập} \end{aligned}$$

Khi tính đơn giá bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập của sản phẩm, hàng hóa, vật tư thì khối lượng công việc tính toán sẽ nhiều nhưng sẽ đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời, phương pháp này thích hợp với doanh nghiệp áp dụng kế toán máy. Áp dụng phương pháp này kế toán phải lưu ý đến số lượng và đơn giá của sản phẩm, hàng hóa, vật tư tồn lại sau mỗi lần xuất.

*b. Đặc điểm công tác kế toán bán hàng*

***Các phương thức tiêu thụ tại Công ty***

Phương thức bán hàng trực tiếp: Đây là phương thức bán hàng áp dụng tại các cửa hàng của Công ty

+/ Tại công ty quận Dương Kinh

+/ Tại công ty quận Đồ Sơn

Để đẩy mạnh doanh số bán lẻ, Công ty áp dụng hình thức bán lẻ trực tiếp nghĩa là bán hàng cho khách và trực tiếp thu tiền tại nơi bán hàng. Nhân viên của công ty trực tiếp bơm cho khách hàng, đồng thời căn cứ vào lượng hàng xuất qua cột bơm và giá cả để thu tiền hàng. Lượng hàng hoá đó được xác định là đã bán và ghi nhận doanh thu bán hàng. Khách hàng thanh toán ngay bằng tiền mặt.

Nguyên tắc hạch toán: Hàng ngày các nhân viên phải chốt số trên cột xăng rồi báo cáo số lượng hàng bán ra cho thủ kho và nộp tiền về Công ty theo quy định.

**Phương thức bán buôn**

Là phương thức bán xăng dầu cho khách hàng mua với khối lượng lớn, giá cả hàng hoá mua bán là giá bán buôn. Theo phương thức này Công ty ký hợp đồng trực tiếp với khách hàng. Căn cứ vào hợp đồng đã ký kết, khách hàng sẽ nhận hàng tại kho của Công ty. Có hai phương thức bán buôn: bán buôn qua vận chuyển thẳng, bán buôn qua kho

- +/ *Bán buôn vận chuyển thẳng*: Để tiết kiệm chi phí bốc dỡ và chi phí vận chuyển, và theo hợp đồng đã ký kết Công ty chuyển thẳng hàng cho khách mà số hàng đó không qua kho của mình. Căn cứ nhu cầu nhận hàng của khách hàng ở từng thời điểm, Công ty lập kế hoạch xuất hàng và chuyển hàng cho khách hàng. Sau khi khách hàng nhận được hàng, xe giao hàng và làm thủ tục viết hoá đơn thanh toán. Định kỳ Công ty và khách hàng đối chiếu thanh toán công nợ.

+/ *Bán buôn qua kho*: Kho của công ty đặt tại các cửa hàng, mỗi một cửa hàng là một kho khác nhau. Khi phát sinh nghiệp vụ này, kế toán bán hàng của công ty viết hoá đơn GTGT gồm 3 liên và xuất hàng tại kho, thủ kho lập phiếu xuất kho

xuất hàng tại kho, và ngày giao hàng theo như đơn đặt hàng đã ký. Khi giao xong, cuối ngày thủ kho nộp bản kê xuất hàng hàng ngày lên cho phòng kế toán. Định kỳ Công ty và khách hàng đối chiếu thanh toán công nợ.

Thời điểm ghi nhận doanh thu chính là thời điểm bán hàng. Khi hạch toán doanh thu theo phương thức này kế toán hạch toán theo khối lượng đã bàn giao và được bên mua trả tiền ngay hoặc chấp nhận thanh toán.

### ***Các phương thức thanh toán tiền hàng áp dụng tại Công ty***

Thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt: Áp dụng với khách hàng mua ít, không thường xuyên hoặc những khách hàng có nhu cầu thanh toán ngay. Phương thức này giúp doanh nghiệp thu hồi vốn nhanh, không bị chiếm dụng vốn.

Thanh toán qua Ngân hàng: Hình thức này được trích chuyển từ tài khoản phải trả sang tài khoản người được hưởng thông qua Ngân hàng và phải trả lệ phí cho Ngân hàng. Sau khi người bán thực hiện giao hàng xong, người bán hoặc người mua ký phát đến Ngân hàng, Ngân hàng sẽ tiến hành chi trả. Đồng tiền phát sinh là đồng tiền ghi sổ chứ không phải đồng tiền thực tế. Hình thức này bao gồm thanh toán bằng séc, uỷ nhiệm chi, uỷ nhiệm thu.

### ***c. Quản lý hoạt động bán hàng***

Công ty rất quan tâm đến hàng hoá bán ra kể từ khi mua về nhập kho, lưu kho đến khi bán ra. Công ty luôn cố gắng giữ chữ tín với khách hàng bằng việc hàng bán ra đảm bảo chất lượng, số lượng, xuất sứ và luôn phục vụ khách hàng nhiệt tình, chu đáo.

Số lượng hàng xuất kho giao cho khách hàng do phòng kế toán tài chính đảm nhận khâu phát hành hoá đơn bán hàng và theo dõi số lượng hàng hoá bán ra. Vì vậy phòng kế toán tài chính luôn nắm chắc tình hình nhập, xuất, tồn của hàng hoá, làm cơ sở để khai thác nguồn hàng, khách hàng, giúp khách hàng nhanh chóng mua bán hàng đúng, đủ cả về số lượng và chất lượng.

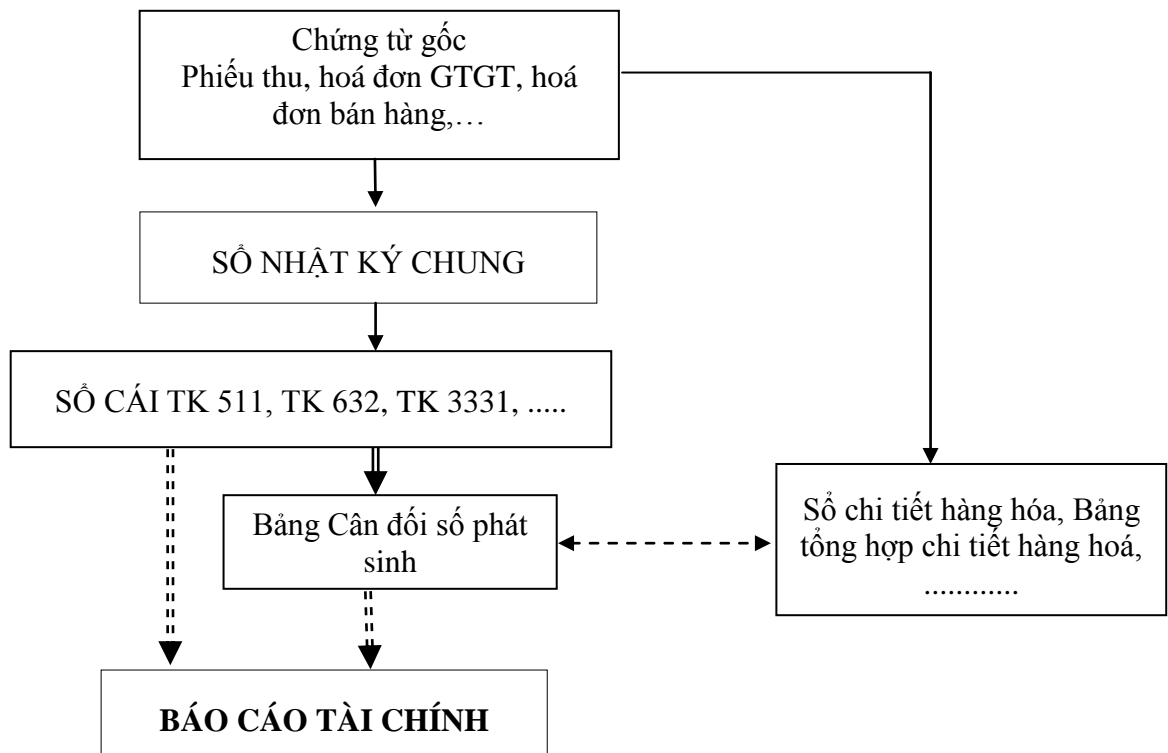
Giá bán buôn hàng hoá của Công ty căn cứ giá mua nhập kho ban đầu, các chi phí liên quan và giá cả trên thị trường tại thời điểm tiêu thụ, phương thức thanh toán của khách hàng để từ đó có thể đưa ra được giá bán hợp lý.

Giá bán lẻ xăng dầu ở các cây xăng theo quy định của nhà nước

**d. Tài khoản, chứng từ sử dụng**

- ❖ Tài khoản sử dụng:
  - TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.
  - TK 632: Giá vốn hàng bán.
  - TK 3331: Thuế GTGT đầu ra.
  - TK 156: Hàng hóa.
  - Và các TK khác có liên quan.
- ❖ Chứng từ sử dụng:
  - Hợp đồng vận chuyển, hợp đồng mua bán (nếu có).
  - Hoá đơn bán hàng (Hóa đơn GTGT).
  - Hóa đơn kiêm phiếu xuất kho
  - Các chứng từ kế toán khác có liên quan...

**e. Hạch toán doanh thu và chi phí của hoạt động sản xuất kinh doanh**



**Ghi chú:**

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng
- > Ghi cuối năm

**Sơ đồ 2.2.1: Quá trình luân chuyển chứng từ**

Doanh thu bán hàng của Công ty được coi như khoản doanh thu thuần, vì trong quá trình tiêu thụ hàng hoá các khoản giảm trừ doanh thu không phát sinh.

Khi bán hàng kế toán lập bộ chứng từ gồm phiếu xuất kho, hoá đơn GTGT, phiếu thu (nếu khách hàng thanh toán bằng tiền mặt), giấy báo có của Ngân hàng (nếu khách hàng thanh toán bằng chuyển khoản).

Hằng ngày, căn cứ vào hóa đơn GTGT cùng với các chứng từ liên quan, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung, sổ chi tiết bán hàng, sổ chi tiết phải thu khách hàng... Từ số liệu trên sổ Nhật ký chung ghi vào sổ cái các TK 131, 511, 3331, 632.....

Cuối kỳ, từ sổ cái các tài khoản lập Bảng cân đối TK và lập báo cáo tài chính.

Cơ sở để kế toán vào các sổ sách là các bút toán:

Nợ TK 111, 112 : Số tiền thanh toán ngay.

Nợ TK 131 : Số tiền chưa thanh toán.

Có TK 511 : Doanh thu bán hàng.

Có TK 3331 : Thuế GTGT đầu ra.

Có TK 338 : Phải trả, phải nộp khác

Nợ TK 632 : Trị giá hàng xuất kho

Có TK 156 : Trị giá hàng xuất kho

Ví dụ: Ngày 08/12/2011 xuất 1850 lít DO bán cho công ty Cổ phần Thương Bình Trường Sơn, tổng giá thanh toán là 21.400đ/lít thuế GTGT 10%, lệ phí xăng dầu là 500đ/lít. Công ty CP Thương Bình Trường Sơn đã chuyển khoản.

Kế toán viết phiếu xuất kho số 09/12, hoá đơn GTGT số 0039363, Kế toán phản ánh trị giá vốn hàng bán, doanh thu hàng bán trong tháng vào Sổ NKC; Sổ cái TK 156, TK 511, TK 632; Sổ chi tiết bán hàng; Sổ chi tiết TK 156; Bảng tổng hợp TK 511, TK 156.

Kế toán ghi sổ theo định khoản sau:

*\*Tính đơn giá xuất kho theo phương pháp bình quân liên hoàn:*

- Số lượng dầu diesel tồn trước ngày 08/12 là: 2.185 lít.

- Đơn giá xuất dầu diesel trước ngày 08/12 là: 17.825 đồng/lít.

- Ngày 08/12 nhập 12.000 lít dầu diesel, đơn giá nhập 17.725 đồng/lít

=> Đơn giá xuất kho bq =  $(2.185 \cdot 17.825 + 12.000 \cdot 17.725) / (2.185 + 12.000)$

(ngày 08/12) = 17.740 đồng/lít

- Giá vốn:

Nợ TK 632 : 32.819.000

Có TK 156 : 32.819.000

- Giá bán:

Nợ TK 112 : 37.740.000

Có TK 5111 : 33.468.183

Có TK 3331 : 3.346.817

Có TK 3388 : 925.000

**Biểu số 2.1: Phiếu xuất kho số 09/12**

Công ty TNHH TM Nhật Toàn  
Km4,đường 353,Dương Kinh,HP

**Mẫu số 02-VT**

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 08 tháng 12 năm 2011

Số: 09/12

Họ tên người nhận hàng: Công ty CP Thương Bình Trường Sơn

Địa chỉ: Khu dân cư số 1,Hòa Nghĩa,Dương Kinh,HP

Lý do xuất kho :DO

Địa điểm: Công ty TNHH TM Nhật Toàn

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Xăng DO	DO	lít	1850	1850	17.740	32.819.000
	<b>Cộng</b>			<b>1850</b>	<b>1850</b>		<b>32.819.000</b>

Tổng số tiền (Viết bằng chữ):Ba mươi hai triệu tám trăm mười chín nghìn đồng chẵn./

Số chứng từ gốc kèm theo:.....01 HĐGTGT số 0039363.....

Ngày 08 tháng 12 năm 2011

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Trích nguồn số liệu: Phòng Tài chính – Kế toán)



**Biểu số 2.2: Hóa đơn GTGT số 0039363**

<b>HOÁ ĐƠN</b>			Mẫu số:01 GTKT3/001																
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>			Kí hiệu :AA/11P																
Liên 3: Nội bộ			Số:0039363																
Ngày 08 tháng 12 năm 2011																			
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH TM NHẬT TOÀN.....																			
Địa chỉ: Km 4 đường 353 cụm dân cư số 2, Hải Thành, Dương Kinh, HP.....																			
Số tài khoản: .....																			
Điện thoại: .....0313 880231.....MS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>8</td><td>0</td><td>3</td><td>7</td><td>9</td><td>8</td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table>						0	2	0	0	8	0	3	7	9	8				
0	2	0	0	8	0	3	7	9	8										
Họ tên người mua hàng: Nguyễn Minh Tuấn.....																			
Tên đơn vị: Công ty Cổ Phần Thương Bình Trường Sơn .....																			
Địa chỉ: KDC số 1, Hòa Nghĩa, Dương Kinh, HP .....																			
Số tài khoản: .....																			
Hình thức thanh toán: CK .....																			
MS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>6</td><td>3</td><td>3</td><td>8</td><td>4</td><td>2</td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table>						0	2	0	0	6	3	3	8	4	2				
0	2	0	0	6	3	3	8	4	2										
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị Tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền														
A	B	C	1	2	3=1x2														
1	Dầu diezel	lít	1850	18.090,91	33.468.183														
	Phí Xăng dầu				925.000														
<b>Cộng tiền hàng:</b>					<b>33.468.183</b>														
Thuế GTGT: 10 %			Tiền thuế GTGT:		<b>3.346.817</b>														
<b>Tổng cộng tiền thanh toán:</b>					<b>37.740.000</b>														
Số tiền viết bằng chữ: <i>Ba mươi bảy triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn /.</i>																			
<b>Người mua hàng</b> <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		<b>Người bán hàng</b> <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		<b>Thủ trưởng đơn vị</b> <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>															
Nguyễn Minh Tuấn		Nguyễn Thị Dương		Đào Văn Mạnh															

(Trích nguồn số liệu: Phòng Tài chính – Kế toán)

**Biểu số 2.3: Phiếu báo có**

<b>THANH TOÁN ĐIỆN TỬ LIÊN NGÂN HÀNG</b>		<b>TTLNH -04</b>
<b>PHIẾU BÁO CÓ</b>		
Mã KS : TTH0101	Số bút toán :0000001	
Loại giao dịch :Lệnh chuyển co giá trị thấp	Ngày giao dịch :8/12/2011	
Số giao dịch :10001538	Ngày,giờ nhận:8/12/2011 11:05:44	
Ngân hàng gửi : NHTMCP Công thương CN Tô Hiệu	Mã NH:01302001 TK nợ	
Ngân hàng nhận : NHTMCP Công thương CN Đồ Sơn	Mã NH:31201005 TK có	
Người phát lệnh :CTY CP THƯƠNG BINH TRƯỜNG SƠN		
Địa chỉ/số CMND :KDC số 1,Hòa Nghĩa,Dương Kinh,HP		
Tài khoản :102.01.000.75.9554 Tại NH:31201003 – NH TNCP Công Thương CN Tô Hiệu		
Người nhận lệnh :CONG TY TNHH TM NHAT TOAN		
Địa chỉ/số CMND :		
Tài khoản :10201.0000.73.9393 Tại NH:31201005 –NH TNCP Công Thương CN Đồ Sơn		
Mã số thuế		
Chương, loại,khoản,mục :		
Nội dung : CTY CP THƯƠNG BINH TRƯỜNG SƠN TT TIEN MUA NHIEN LIEU		
Số tiền bằng số :37.740.000		
Số tiền bằng chữ :Ba mươi bảy triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn/.		
<b>KẾ TOÁN</b>	<b>KIỂM SOÁT</b>	<b>CHỦ TÀI KHOẢN</b>

**Biểu số 2.4: (Trích sổ)**

CÔNG TY TNHH TM NHẬT TOÀN

Mẫu số S03a – DN  
(QĐ 48/2006/QĐ – BTC  
Ngày 14/09/2006)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính : Đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
.....	.....	.....	.....	.....	.....	
08/12/11	PXK09/12	08/12/11	Bán dầu DO cho Cty CP Thương binh Trường sơn	632 156	32.819.000	32.819.000
08/12/11	PXK09/12	08/12/11	Doanh thu bán hàng	112 5111 3331 1388	37.740.000	33.468.183 3.468.817 925.000
31/12/11	GBC37	31/12/11	Thu tiền lãi từ ngân hàng viettin bank	111 515	12.500.000	12.500.000
31/12/11	PC38	31/12/11	Trả lãi cho ngân hàng ACB	635 111	9.500.000	9.500.000
31/12/11	BLT12	31/12/11	Tính lương cho bộ phận bán hàng	641 334	156.000.000	156.000.000
31/12/11	BLT12	31/12/11	Tính lương cho bộ phận QLDN	642 334	95.000.000	95.000.000
31/12/11	PKT84	31/12/11	K/C DTBH, DTTC để xác định kết quả kinh doanh	511 515 911	4.288.259.554 38.025.000	4.326.284.554
31/12/11	PKT85	31/12/11	K/C GVHB, CPTC, CPBH, CPQLDN để xác định kết quả kinh doanh	911 632 635 641 642	3.873.195.467	3.256.144.000 75.921.247 247.086.042 294.044.178
31/12/11	PKT85	31/12/11	K/C chi phí thuế TNDN phải nộp	911 821	113.272.359	113.272.359
31/12/11	PKT85	31/12/11	K/C lãi	421 911	339.817.079	339.817.079
			<b>Cộng</b>		<b>176.281.982.000</b>	<b>176.281.982.000</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu phòng Tài chính - Kế toán)

Biểu số 2.12: (Trích sổ)

CÔNG TY TNHH TM NHẬT TOÀN  
Km9-Hải Thành-Dương Kinh-Hải Phòng

Mẫu số S03b – DN  
(QĐ 48/2006/QĐ- BTC)  
Ngày 14/09/2006

**SỔ CÁI**

Tháng 12 năm 2011

Tài khoản 112 – Tiền gửi ngân hàng

Đơn vị tính :

Đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
			<b><u>SDDK</u></b>		<b><u>898.135.416</u></b>	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
07/12/11	UNC08	07/12/11	Trả tiền mua dầu Diesel cho Cty TNHH Tân Xuân	331		1.800.000.000
<b>08/12/11</b>	<b>GBC09</b>	<b>08/12/11</b>	<b>Bán dầu diesel cho cty CP TB Trường Sơn</b>	<b>511 3331 138</b>	<b>33.468.183 3.468.817 925.000</b>	
14/12/11	GLT15	14/12/11	Rút TGNH nhập quỹ	111		100.000.000
14/12/11	GBC16	14/12/11	Thu tiền hàng của công ty TNHH Đức Long	131	1.500.000.000	
31/12/11	GBC37	31/12/11	Thu tiền lãi từ Ngân hàng vietin bank	515		12.500.000
			<b>Cộng PS</b>		<b>2.793.502.795</b>	<b>2.539.363.897</b>
			<b><u>SDCK</u></b>		<b><u>1.152.274.314</u></b>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu phòng Tài chính - Kế toán)

Biểu số 2.5: (Trích sổ)

CÔNG TY TNHH TM NHẬT TOÀN

Mẫu số S03b – DN  
(QĐ 48/2006/QĐ- BTC  
Ngày 14/09/2006)

**SỔ CÁI**

Tài khoản 156 - Hàng hoá  
Tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính : Đồng

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
			<b><u>SDDK</u></b>		<b><u>3.012.542.000</u></b>	
			.....			
<b>08/12/11</b>	<b>PXK09</b>	<b>08/12/11</b>	<b>Xuất dầu Diezel cho Cty CP Thương binh Trường Sơn</b>	<b>632</b>		<b>34.526.550</b>
09/12/11	PXK15	09/12/11	Xuất dầu Diezel cho Cty TNHH Trang Thu	632		15.048.000
12/12/11	PNK10	12/12/11	Mua dầu Xăng của Công ty PVOIL	112	1.927.272.727	
15/12/11	PXK27	15/12/11	Xuất dầu Diezel cho đội xe	641		47.004.000
28/12/11	PXK38	15/12/11	Xuất dầu nhờn cho đội xe	641		9.000.000
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
			<b>Cộng PS</b>		<b>5.014.000.000</b>	<b>5.571.126.267</b>
			<b><u>SDCK</u></b>		<b><u>2.455.415.733</u></b>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu phòng Tài chính - Kế toán)

Biểu số 2.6: (Trích số)

CÔNG TY TNHH TM NHẬT TOÀN

Mẫu số S03b – DN  
(QĐ 48/2006/QĐ- BTC)  
Ngày 14/09/2006

### SỔ CÁI

Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán  
Tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính : Đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ'	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
			<b><u>SDDK</u></b>			
			.....			
08/12/11	PXK09	08/12/11	Xuất dầu Diezel bán cho cty CP thương binh Trường Sơn	156	36.722.500	
08/12/11	PXK10	08/12/11	Xuất dầu Diezel bán cho cty CP TMVT Gia Trang	156	82.354.250	
09/12/11	PXK15	09/12/11	Xuất dầu Diezel bán cho cty TNHH Tân Xuân	156	152.050.050	
09/12/11	PXK20	09/12/11	Xuất dầu Nhòn bán cho cty TNHH Trang Thu	156	258.055.001	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/12/11	PKT85	31/12/11	K/C GV xăng dầu để XĐKQKD	911		3.256.144.000
			<b>Cộng PS</b>		<b>3.256.144.000</b>	<b>3.256.144.000</b>
			<b><u>SDCK</u></b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu phòng Tài chính - Kế toán)

Biểu số 2.7: (Trích sổ)

CÔNG TY TNHH NHẬT TOÀN

Mẫu số S03b – DN  
(QĐ 48/2006/QĐ- BTC)  
Ngày 14/09/2006

**SỔ CÁI**

Tháng 12 năm 2011

Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Đơn vị tính : Đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
			<b><u>SDDK</u></b>			
			.....			
07/12/11	HĐ39362	07/12/11	Doanh thu bán dầu cho Cty TNHH Tân Xuân	112		353.798.000
<b>08/12/11</b>	<b>HĐ39363</b>	<b>08/12/11</b>	<b>Doanh thu bán dầu bán cho cty CP TB Trường Sơn</b>	<b>112</b>		<b>37.740.000</b>
09/12/11	HĐ39364	09/12/11	Doanh thu bán dầu bán cho cty TNHH Tân Xuân	112		173.258.000
09/12/11	HĐ39365	09/12/11	Doanh thu bán dầu nhờn bán cho cty TNHH Trang Thu	112		285.487.956
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/12/11	PKT84	31/12/11	K/C DT xăng dầu để XĐKQKD	911	4.288.259.554	
			<b>Cộng PS</b>		<b>4.288.259.554</b>	<b>4.288.259.554</b>
			<b><u>SDCK</u></b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu phòng Tài chính - Kế toán)

Biểu số 2.8: (Trích số)

CÔNG TY TNHH TM NHẬT TOÀN  
Km 9-Hải Thành-Dương Kinh-Hải Phòng

Mẫu số S10 – DN  
(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ – BTC  
ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính)

### SỔ CHI TIẾT HÀNG HOÁ

Tháng 12 năm 2011

Tài khoản : 156  
Tên tài khoản : Dầu Diezel (DO)

Đơn vị : Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
Số hiệu	Ngày				SL	TT	SL	TT	SL	TT
		Số dư đầu kỳ							30.560	2.282.366.982
		Số phát sinh trong kỳ								
PX09	08/12/11	Xuất dầu DO	632	18.663			1850	34.526.550	28.710	2.247.840.432
PN19	10/12/11	Nhập dầu DO	112	18.750	7.250	135.937.500			35.960	2.383.777.932
PN20	12/12/11	Nhập dầu DO	112	19.500	75.525	1.472.737.500			111.485	3.856.515.432
PN21	12/12/11	Nhập dầu DO	112	18.852	100.000	1.885.200.000			211.485	5.741.715.432
PX22	14/12/11	Xuất dầu DO	632	19.320			150.000	2.898.000.000	61.485	2.843.715.432
		.....			.....	.....	.....	.....	.....	.....
		<b>Cộng cuối tháng</b>			<b>468.560</b>	<b>3.056.144.000</b>	<b>453.650</b>	<b>4.288.259.554</b>	<b>45.470</b>	<b>1.364.523.332</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu phòng Tài chính - Kế toán)



Biểu số 2.9: (Trích số)

CÔNG TY TNHH TM NHẬT TOÀN  
Km 9-Hải Thành-Dương Kinh-Hải Phòng

Mẫu số S35 – DN  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ – BTC  
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

### SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tháng 12 năm 2011  
Tên hàng : Dầu DO.

Đơn vị : Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Thuế	Lệ phí xăng dầu
SH	NT			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền		
		.....		.....	.....	.....		
HĐ39362	07/12/11	Doanh thu bán dầu DO cho Cty TNHH Tân Xuân	112	17.343	18.090,91	321.633.739	32.163.374	8.671.500
<b>HĐ39363</b>	<b>08/12/11</b>	<b>Doanh thu bán dầu DO cho Cty CP Thương Bình Trường Sơn</b>	<b>112</b>	<b>1.850</b>	18.090,91	<b>34.309.083</b>	<b>3.430.907</b>	<b>925.000</b>
HĐ39364	09/12/11	Doanh thu bán dầu DO bán cho cty TNHH Tân Xuân	112	8.500	18.090,91	157.636.325	15.763.633	4.250.000
HĐ39365	09/12/11	Doanh thu bán dầu DO bán cho cty TNHH Trang Thu	112	14.000	18.090,91	258.356.000	25.835.600	7.000.000
		.....		.....	.....	.....		
		<b>Cộng</b>		<b>490.000</b>		<b>4.288.259.554</b>	<b>428.825.955</b>	<b>147.000.000</b>

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011  
Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu phòng Tài chính - Kế toán)

Biểu số 2.10: (Trích số)

CÔNG TY TNHH TM NHẬT TOÀN  
Km 9-Hải Thành-Dương Kinh-Hải Phòng

Mẫu số S11 – DN  
(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ – BTC  
ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính)

### BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT HÀNG HOÁ

Tháng 12 năm 2011

Tài khoản : 156 – Hàng hoá

Đơn vị tính : Đồng

STT	Tên, quy cách vật liệu, dụng cụ, sản phẩm hàng hoá	Số tiền			
		Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
1	Dầu DO	2.282.366.982	3.395.444.350	4.313.288.000	1.364.523.332
2	Xăng A92	1.252.000.000	500.000.000	1.052.000.000	700.000.000
3	Dầu Nhòn	0	259.000.000	244.012.000	14.988.000
	<b>Cộng</b>	<b>4.879.000.000</b>	<b>3.015.000.000</b>	<b>5.438.584.267</b>	<b>2.455.415.733</b>

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu phòng Tài chính - Kế toán)

Biểu số 2.11: (Trích số)

**BẢNG TỔNG HỢP DOANH THU BÁN HÀNG  
THEO TỪNG MẶT HÀNG.**

Tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính : Đồng

Loại hàng	Số lượng	Đơn giá	Khách hàng thanh toán			Cộng
			111	112	131	
Dầu DO	490.000		2.535.236.952	235.862.556	1.517.160.046	4.288.259.554
Xăng A92	158.000		486.233.586	55.853.555	559.258.552	1.101.345.693
Dầu nhòn	266.000		1.486.215.916	156.882.536	255.555.855	1.898.654.307

*(Nguồn số liệu phòng Tài chính - Kế toán)*

**2.2.1.2 Kế toán doanh thu và chi phí của hoạt động tài chính.**

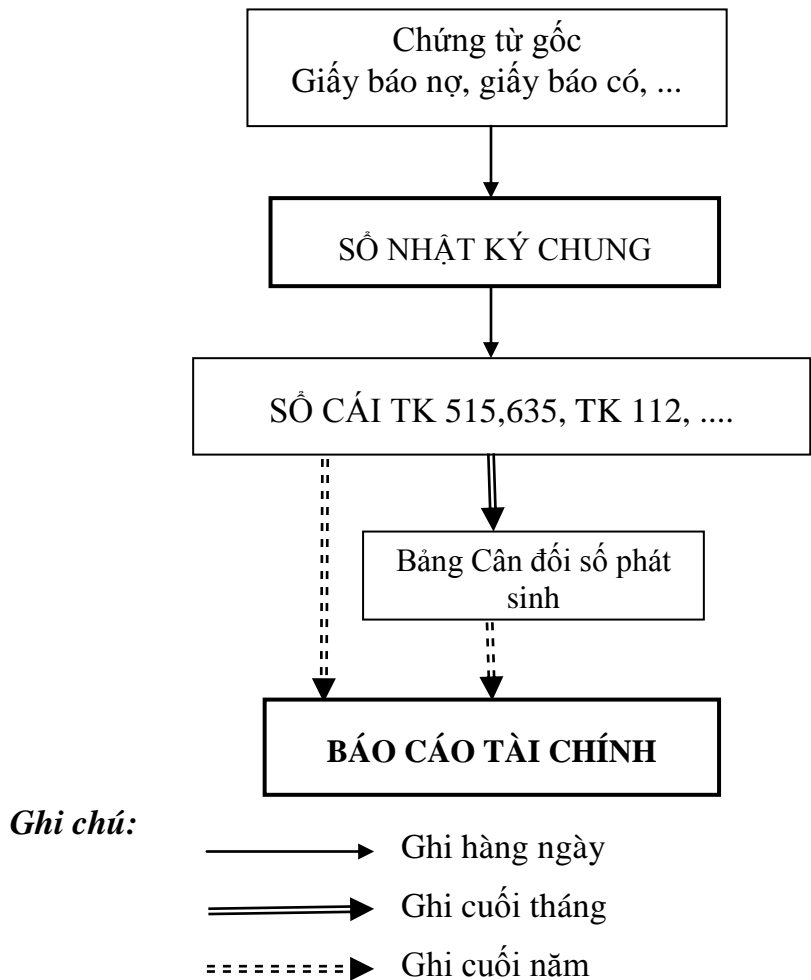
*a. TK sử dụng.*

- TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính.
- TK 635: Chi phí hoạt động tài chính.
- TK 112: Tiền gửi Ngân hàng.

*b. Chứng từ sử dụng.*

- Giấy báo có của Ngân hàng
- Giấy báo nợ của Ngân hàng
- Sao kê tài khoản chi tiết
- Các chứng từ khác có liên quan.

*c. Hạch toán doanh thu hoạt động tài chính, chi phí hoạt động tài chính*



**Sơ đồ 2.2.2: Quá trình luân chuyển chứng từ.**

Vì số vốn có hạn, Công ty TNHH TM Nhật Toàn chỉ chú trọng vào sản xuất kinh doanh, trong quá trình hoạt động Công ty không tham gia các hoạt động đầu

tu tài chính như đầu tư chứng khoán, kinh doanh bất động sản .... Năm 2011 khoản thu nhập hoạt động tài chính, chi phí hoạt động tài chính của Công ty chỉ có một khoản phát sinh là lãi tiền gửi và lãi tiền vay.

Căn cứ vào các chứng từ, kế toán ghi Sổ NKC và Sổ Cái TK 112, TK 515, TK 635.

Ví dụ: Ngày 31/12/2011 công ty thu tiền lãi từ tiền gửi ngân hàng TMCP Hàng Hải, số tiền là: 12.500.000 đồng.

Ngày 31/12/2011 công ty trả tiền lãi vay của Ngân hàng ACB, số tiền là 9.500.000 đồng.

Căn cứ vào giấy báo có số 37 của Ngân hàng Viettin bank, và phiếu chi số 35 kế toán vào sổ Nhật ký chung và sổ cái TK 112, sổ cái TK111, sổ cái TK 515, sổ cái TK 635.

Kế toán ghi sổ theo định khoản sau :

Nợ TK 112 : 12.500.000

Có TK 515 : 12.500.000

Nợ Tk 635 : 9.500.000

Có TK 111 : 9.500.000

**NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VN  
VIETTIN BANK**

**Mã GDV: 031**

**Mã KH: 00466**

**Số : 37**

**GIẤY BÁO CÓ**

Ngày: 31/12/2011

Kính gửi : CTY TNHH TM NHẬT TOÀN

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi CÓ : 102.01.000.73.9393

Số tiền bằng số: 12.500.000

Số tiền bằng chữ: Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng chẵn /.

Nội dung: #NHẬP LÃI KHÔNG KỲ HẠN#

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

Biểu số 2.12: (Trích số)

CÔNG TY TNHH TM NHẬT TOÀN  
Km9-Hải Thành-Dương Kinh-Hải Phòng

Mẫu số S03b – DN  
(QĐ 48/2006/QĐ- BTC)  
Ngày 14/09/2006

**SỔ CÁI**

Tháng 12 năm 2011

Tài khoản 112 – Tiền gửi ngân hàng.

Đơn vị tính : Đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
			<b><u>SDDK</u></b>		<b><u>898.135.416</u></b>	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
07/12/11	UNC08	07/12/11	Trả tiền mua dầu Diesel cho Cty TNHH Tân Xuân	331		1.800.000.000
08/12/11	GBC09	08/12/11	Bán dầu diesel cho cty CP TB Trường Sơn	511 3331 138	33.468.183 3.468.817 925.000	
14/12/11	GLT15	14/12/11	Rút TGNH nhập quỹ	111		100.000.000
14/12/11	GBC16	14/12/11	Thu tiền hàng của công ty TNHH Đức Long	131	1.500.000.000	
<b>31/12/11</b>	<b>GBC37</b>	<b>31/12/11</b>	<b>Thu tiền lãi từ Ngân hàng vietin bank</b>	<b>515</b>		<b>12.500.000</b>
			<b>Cộng PS</b>		<b>2.793.502.795</b>	<b>2.539.363.897</b>
			<b><u>SDCK</u></b>		<b><u>1.152.274.314</u></b>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu phòng Tài chính - Kế toán)

Biểu số 2.13: (Trích sổ)

CÔNG TY TNHH TM NHẬT TOÀN  
Km9-Hải Thành-Dương Kinh-Hải Phòng

Mẫu số S03b – DN  
(QĐ 48/2006/QĐ- BTC)  
Ngày 14/09/2006

**SỔ CÁI**

Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính.

Tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính : Đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
			<b><u>SDDK</u></b>			
			.....			
31/12/11	GBC34	31/12/11	Thu tiền lãi từ ngân hàng ACB	112		18.545.8900
<b>31/12/11</b>	<b>GBC37</b>	<b>31/12/11</b>	<b>Thu tiền lãi từ ngân hàng Viettin bank</b>	<b>112</b>		<b>12.500.000</b>
31/12/11	GBC45	31/12/11	Thu tiền lãi từ ngân hàng Đầu tư và phát triển	112		1.250.200
31/12/11	PKT84	31/12/11	K/C DT xăng dầu để X ĐKQKD	911		<b>38.025.000</b>
			<b>Cộng PS</b>		<b>38.025.000</b>	<b>38.025.000</b>
			<b><u>SDCK</u></b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu phòng Tài chính - Kế toán)



Đơn vị:..... **PHIẾU CHI** Quyển số:..... **Mẫu số 02-TT**  
Bộ phận: Ngày 31 tháng 12 năm 2011 Số:...35/12 ( Ban hành theo  
Nợ TK 635 QĐ số 48/2006-  
Có TK 111 QĐ-BTC ngày  
14/09/2006 của  
Bộ trưởng BTC)

Họ và tên người nhận tiền : Nguyễn Thị Thùy.....

Địa chỉ:..... Trả lãi vay ngân hàng ACB

Số tiền :..... 9.500.000.....(Viết bằng chữ). Chín triệu năm trăm  
nghìn đồng chẵn./.....

Kèm theo:.....01.....Chứng từ gốc.....

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

<b>Giám đốc</b>	<b>Kế toán</b>	<b>Người lập</b>	<b>Người nhận</b>	<b>Thủ quỹ</b>
	<b>trưởng</b>	<b>phiếu</b>	<b>tiền</b>	
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Biểu số 2.14: (Trích sổ)

CÔNG TY TNHH TM NHẬT TOÀN  
Km9-Hải Thành-Dương Kinh-Hải Phòng

Mẫu số S03b – DN  
(QĐ 48/2006/QĐ- BTC)  
Ngày 14/09/2006

## SỔ CÁI

Tài khoản 111 – Tiền mặt

Tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính : Đồng

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐ Ư	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
			<b><u>SDDK</u></b>		<b><u>637.022.389</u></b>	
			.....		.....	.....
07/12/11	PT19/12	01/12/11	Thu tiền bán dầu của công ty XNK Đà Nẵng	511 3331 338	3.618.182 361.818 200.000	
08/12/11	PC27/12	08/12/11	Chi phục vụ bộ máy bán hàng	641		102.258.000
09/12/11	PC30/12	09/12/11	Mua 1 bình lọc nước	642		154.000
<b>31/12/11</b>	<b>PC35/12</b>	<b>31/12/11</b>	<b>Trả lãi vay ngân hàng ACB</b>	<b>635</b>		<b>9.500.000</b>
			.....		.....	.....
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>4.327.352.147</b>	<b>3.795.861.200</b>
			<b><u>SDCK</u></b>		<b><u>1.168.513.336</u></b>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu phòng Tài chính - Kế toán)

Biểu số 2.14: (Trích sổ)

CÔNG TY TNHH TM NHẬT TOÀN  
Km9-Hải Thành-Dương Kinh-Hải Phòng  
BTC)

Mẫu số S03b – DN  
(QĐ 48/2006/QĐ-

Ngày 14/09/2006

## SỔ CÁI

Tài khoản 635 – Chi phí tài chính..

Tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính : Đồng

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐ U'	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
			<b><u>SDDK</u></b>			
			.....			
31/12/11	PC35	31/12/11	Trả lãi cho ngân hàng ACB	111	9.500.000	
31/12/11	GBN41	31/12/11	Trả lãi cho ngân hàng Đầu tư và phát triển	112	10.500.000	
31/12/11	PC38	31/12/11	Trả lãi cho ngân hàng Công Thương	111	58.000.000	
31/12/11	GBN42	31/12/11	Trả lãi cho ngân hàng TMCP Hàng Hải	112	47.011.000	
31/12/11	PKT85	31/12/11	K/C DT xăng dầu để X ĐKQKD	911		178.900.000
			<b>Cộng PS</b>		<b>178.900.000</b>	<b>178.900.000</b>
			<b><u>SDCK</u></b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu phòng Tài chính - Kế toán)

**Biểu số 2.15: (Trích sổ)**

CÔNG TY TNHH TM NHẬT TOÀN

Mẫu số S03a – DN  
(QĐ 48/2006/QĐ – BTC  
Ngày 14/09/2006)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính :

Đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
.....	.....	.....	.....	.....	.....	
08/12/11	PXK09/12	08/12/11	Bán dầu DO cho Cty CP Thương binh Trường sơn	632 156	32.819.000	32.819.000
08/12/11	PXK09/12	08/12/11	Doanh thu bán hàng	112 5111 3331 1388	37.740.000	33.468.183 3.468.817 925.000
31/12/11	GBC37	31/12/11	Thu tiền lãi từ ngân hàng viettin bank	111 515	12.500.000	12.500.000
31/12/11	PC35	31/12/11	Trả lãi cho ngân hàng ACB	635 111	9.500.000	9.500.000
31/12/11	BLT12	31/12/11	Tính lương cho bộ phận bán hàng	641 334	156.000.000	156.000.000
31/12/11	BLT12	31/12/11	Tính lương cho bộ phận QLDN	642 334	95.000.000	95.000.000
31/12/11	PKT84	31/12/11	K/C DTBH, DTTC để xác định kết quả kinh doanh	511 515 911	4.288.259.554 38.025.000	4.326.284.554
31/12/11	PKT85	31/12/11	K/C GVHB, CPTC, CPBH, CPQLDN để xác định kết quả kinh doanh	911 632 635 641 642	3.873.195.467	3.256.144.000 75.921.247 247.086.042 294.044.178
31/12/11	PKT85	31/12/11	K/C chi phí thuế TNDN phải nộp	911 821	113.272.359	113.272.359
31/12/11	PKT85	31/12/11	K/C lãi	421 911	339.817.079	339.817.079
			<b>Cộng</b>		<b>176.281.982.000</b>	<b>176.281.982.000</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu phòng Tài chính - Kế toán)

2.2.1.3 Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

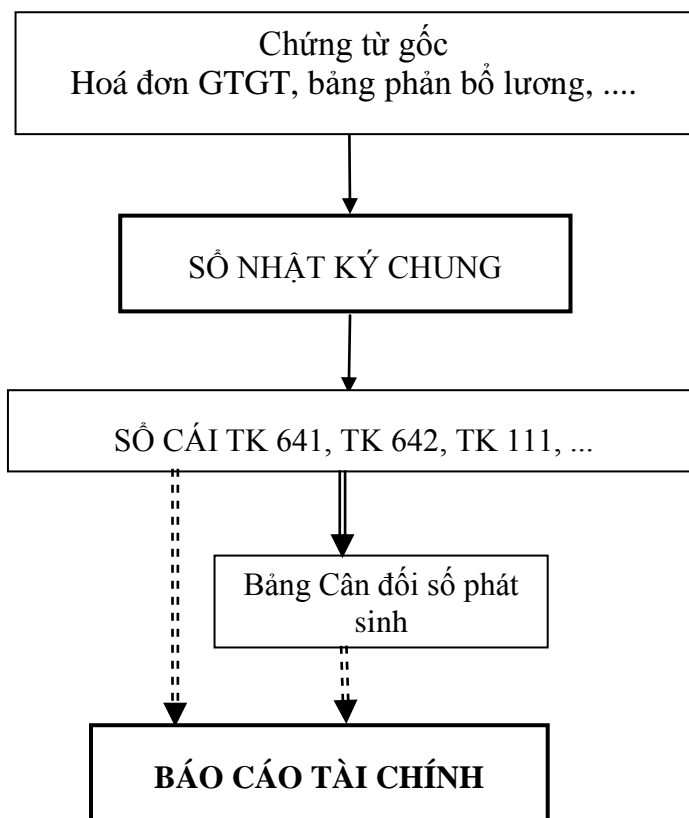
a. TK sử dụng.

- TK 641: Chi phí bán hàng.
- TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Và các TK khác có liên quan: TK 111, TK 112, ...

b. Chứng từ sử dụng.

- Hoá đơn GTGT.
- Bảng phân bổ lương và BHXH.
- Bảng tính và trích khấu hao TSCĐ.
- Phiếu chi.
- Các chứng từ khác có liên quan.

c. Hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.



**Ghi chú:**

- ▶ Ghi hàng ngày
- =====▶ Ghi cuối tháng
- .....▶ Ghi cuối năm

**Sơ đồ 2.2.3: Quá trình luân chuyển chứng từ**

Chi phí bán hàng của Công ty có: Chi phí nhân viên; Chi phí dụng cụ, đồ dùng; Chi phí khấu hao TSCĐ; Chi phí dịch vụ mua ngoài; Chi phí bằng tiền khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp của Công ty có: Chi phí nhân viên quản lý; Chi phí đồ dùng văn phòng; Chi phí khấu hao TSCĐ; Thuế, phí và lệ phí; Chi phí dịch vụ mua ngoài; Chi phí bằng tiền khác.

Căn cứ vào các chứng từ liên quan đến CPBH, CPQLDN kế toán vào Sổ NKC và Sổ Cái TK 641, TK 642, Sổ Cái các TK liên quan.

Ví dụ: Căn cứ vào bảng tính lương, lương tháng 12 của nhân viên bán hàng là 125.000.000 đồng và bộ phận quản lý doanh nghiệp là 75.000.000 đồng, kế toán tiến hành vào Sổ NKC và Sổ Cái TK 641, TK 642.

Kế toán ghi sổ theo định khoản sau :

Nợ TK 641 : 125.000.000

Nợ TK 642 : 75.000.000

C ó TK 334 : 200.000.000

**Biểu số 2.15:** (Trích số)

CÔNG TY TNHH TM NHẬT TOÀN  
Km9-Hải Thành-Dương Kinh-Hải Phòng

**BẢNG PHÂN BỐ LƯƠNG VÀ BẢO HIỂM XÃ HỘI**

Tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: đồng

STT	Bộ phận	TK 334- Phải trả người lao động			TK 338- Phải trả phải nộp khác			Tổng cộng
		Lương	Các khoản khác	Cộng Có TK 334	BHXH, BHYT (19% LCB)	BHTN(1%)	KPCĐ (2% TN)	Cộng Có TK 338
1	Bộ phận bán hàng	125,000,000	31,000,000	156,000,000	23750000	1560000	3120000	28,430,000
2	Bộ phận QLDN	75,000,000	20,000,000	95,000,000	14250000	950000	1900000	17,100,000
	<b>Cộng</b>	<b>200,000,000</b>	<b>51,000,000</b>	<b>251,000,000</b>	<b>36.380.000</b>	<b>2510000</b>	<b>5020000</b>	<b>45,530,000</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Biểu số 2.16:** (Trích số)

CÔNG TY TNHH TM NHẬT TOÀN

**BẢNG TRÍCH VÀ TÍNH KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**  
Tháng 12 năm 2011

STT	Tên TSCĐ	Bộ phận	Thời gian trích KH	Ngày đưa vào SD	Nguyên giá	Mức KH	KH lũy kế	GTCL
<b>I</b>	<b>Bộ phận bán hàng</b>				<b>1,497,264,783</b>	<b>12,477,207</b>	<b>793,392,672</b>	<b>703,872,111</b>
1	4 Cây bơm xăng	641	10 năm	1/1/2004	252,000,000	2,100,000	201600000	<b>50,400,000</b>
2	4 Cây bơm dầu	641	10 năm	1/1/2004	168,800,000	1,406,667	135040032	<b>33,759,968</b>
3	Xe Ôtô 19C-019.16	641	10 năm	1/1/2005	150,230,000	1,251,917	120184032	<b>30,045,968</b>
4	Xe Ôtô 16R-119.07	641	10 năm	1/1/2008	327,450,625	2,728,755	229215420	<b>98,235,205</b>
5	Xe Ôtô 16K-187.52	641	10 năm	1/6/2009	175,355,587	1,461,297	43838910	<b>131,516,677</b>
6	Xe Ôtô 16N-023.57	641	10 năm	1/6/2010	423,428,571	3,528,571	63514278	<b>359,914,293</b>
<b>II</b>	<b>Bộ phận văn phòng</b>				<b>1,236,984,380</b>	<b>12,360,555</b>	<b>130253289</b>	<b>1,106,731,091</b>
1	Máy điều hoà nhiệt độ	642	4 năm	5/1/2008	7,311,843	152,330	7159513	<b>152,330</b>
2	Xe máy Viva	642	5.88 năm	5/1/2008	16,033,338	227,139	10675531	<b>5,357,807</b>
3	Xe máy Attila	642	5.88 năm	5/1/2008	22,149,468	313,784	14747854	<b>7,401,614</b>
4	Xe máy SH	642	5.88 năm	2/4/2009	72,200,000	1,022,833	33753500	<b>38,446,500</b>
5	Xe máy Vespa	642	5.88 năm	26/12/09	79,125,000	1,120,938	26902500	<b>52,222,500</b>
6	Tivi	642	4 năm	3/3/2011	23,554,545	490,720	4907197	<b>18,647,348</b>
7	CPU	642	4 năm	3/3/2011	7,138,095	148,710	1487103	<b>5,650,992</b>
8	Đầu ghi hình camera	642	4 năm	2/4/2011	15,002,000	312,542	2812875	<b>12,189,125</b>
9	Đầu ghi hình camera	642	4 năm	2/4/2011	10,736,000	223,667	2013000	<b>8,723,000</b>
10	Xe máy Honda	642	4 năm	16/07/11	12,008,636	250,180	1501080	<b>10,507,556</b>
11	Xe ô tô con Toyota	642	10 năm	24/09/11	971,725,455	8,097,712	24293136	<b>947,432,319</b>
	<b>Cộng</b>		<b>0%</b>		<b>2.734.249.163</b>	<b>24,837,762</b>	<b>793,392,672</b>	<b>1,810,603,202</b>



Biểu số 2.17: (Trích sổ)

CÔNG TY TNHH TM NHẬT TOÀN  
Km9-Hải Thành-Dương Kinh-Hải Phòng

Mẫu số S03b – DN  
(QĐ 48/2006/QĐ- BTC)  
Ngày 14/09/2006

### SỔ CÁI

Tài khoản 641 – Chi phí bán hàng.  
Tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính : Đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
			<b><u>SDDK</u></b>			
			.....			
08/12/11	PC27/12	08/12/11	Chi phục vụ bộ máy bán hàng	111	102.258.000	
09/12/11	PC29/12	09/12/11	Dịch vụ mua ngoài cho bộ phận bán hàng	112	15.080.000	
<b>31/12/11</b>	<b>BLT12</b>	<b>31/12/11</b>	<b>Tính lương cho bộ phận bán hàng</b>	<b>334</b>	<b>156.000.000</b>	
<b>31/12/11</b>	<b>BKHT12</b>	<b>31/12/11</b>	<b>Trích KH TSCĐ cho bộ phận bán hàng</b>	<b>214</b>	<b>12.477.207</b>	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/12/11	PKT85	31/12/11	K/C CPBH để X ĐKQKD	911		<b>247.086.042</b>
			<b>Cộng PS</b>		<b>247.086.042</b>	<b>247.086.042</b>
			<b><u>SDCK</u></b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu phòng Tài chính - Kế toán)

Biểu số 2.18: (Trích số)

CÔNG TY TNHH TM NHẬT TOÀN  
Km9-Hải Thành-Dương Kinh-Hải Phòng

Mẫu số S03b – DN  
(QĐ 48/2006/QĐ- BTC)  
Ngày 14/09/2006

## SỔ CÁI

Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính : Đồng

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐ U	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
			<b><u>SDDK</u></b>			
			.....			
01/12/11	PC18/12	01/12/11	Trả tiền số tay doanh nhân, nghiệp vụ phát triển thị trường thời hội nhập	111	298.000	
09/12/11	PC23/12	09/12/11	Mua 1 bộ bàn ghế phục vụ văn phòng	112	1.058.000	
09/12/11	PC28/12	09/12/11	Mua 1 bình lọc nước	111	154.000	
<b>31/12/11</b>	<b>BKHT12</b>	<b>15/12/11</b>	<b>Trích KH TSCĐ cho bộ phận văn phòng</b>	<b>214</b>	<b>12.360.555</b>	
<b>31/12/11</b>	<b>BLT12</b>	<b>31/12/11</b>	<b>Tính lương bộ máy quản lý</b>	<b>334</b>	<b>75.000.000</b>	
31/12/11	PKT85	31/12/11	K/C CPQLDN để XĐKQKD			294.044.178
			.....		.....	.....
			<b>Cộng PS</b>		<b>294.044.178</b>	<b>294.044.178</b>
			<b><u>SDCK</u></b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu phòng Tài chính - Kế toán)

**2.2.2 Kế toán xác định kết quả kinh doanh.***a. Tài khoản sử dụng.*

- TK 911: Xác định kết quả kinh doanh.
- TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối.
- TK 821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Và các TK khác có liên quan: TK 333, TK 511, TK 632, ...

*b. Hạch toán xác định kết quả kinh doanh.*

Kết quả kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động kinh doanh và hoạt động khác của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định, được biểu hiện bằng số tiền lãi hay lỗ.

Kết quả kinh doanh cũng là cơ sở để doanh nghiệp tự đánh giá khả năng sản xuất kinh doanh, từ đó có những phân tích đúng đắn, hợp lý cho quá trình kinh doanh của mình.

Hạch toán kết quả kinh doanh của Công ty dựa trên việc hạch toán các TK 511, 515, 632, 635, 641, 642.

Sau khi bù trừ hai bên Nợ - Có trên TK 911, xác định số chênh lệch “Tổng doanh thu, thu nhập - Tổng chi phí” kế toán xác định kết quả kinh doanh của Công ty như sau:

Nếu (Tổng doanh thu, thu nhập - Tổng chi phí) > 0 (Bên Nợ < Bên Có)

=> Doanh nghiệp có lãi, số chênh lệch được kết chuyển sang bên Có của TK 421 - Lợi nhuận chưa phân phối.

Nếu (Tổng doanh thu, thu nhập - Tổng chi phí) = 0 (Bên Nợ = Bên Có)

=> Doanh nghiệp hòa vốn.

Nếu (Tổng doanh thu, thu nhập - Tổng chi phí) < 0 (Bên Nợ > Bên Có)

=> Doanh nghiệp bị lỗ, số chênh lệch được kết chuyển sang bên Nợ của TK 421 - Lợi nhuận chưa phân phối.

**Cụ thể:**

Tổng Doanh thu, thu nhập năm 2011		Tổng Chi phí năm 2011	
Nợ TK 511	: 4.288.259.554	Nợ TK 911	: 3.873.195.467
Nợ TK 515	: 38.025.000	Có TK 632	: 3.256.144.000
Có TK 911	: 4.326.284.554	Có TK 642	: 294.044.178
		Có TK 641	: 247.086.042
		Có TK 635	: 75.921.247

Đầu mỗi tháng, doanh nghiệp tạm nộp thuế TNDN. Cuối năm dựa trên số thuế TNDN thực tế, doanh nghiệp tiến hành điều chỉnh số thuế TNDN.

$$\text{Lợi nhuận trước thuế TNDN} = \text{Tổng doanh thu} - \text{Tổng chi phí}$$

$$\text{Thuế TNDN} = \text{Lợi nhuận trước thuế TNDN} * \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

Hiện nay, công ty áp dụng Thuế suất thuế TNDN: 25%

$$\text{Lợi nhuận sau thuế} = \text{Lợi nhuận trước thuế} - \text{Thuế thu nhập doanh nghiệp}$$

**Tại công ty**

Số thuế TNDN phải nộp:

Nợ TK 821 : 113.272.359

Có TK 3334 : 113.272.359

- Doanh nghiệp tiến hành kết chuyển chi phí thuế TNDN:

Nợ TK 911 : 113.272.359

Có TK 821 : 113.272.359

- Doanh nghiệp tiến hành kết chuyển lãi:

Nợ TK 911 : 339.817.079

Có TK 421 : 339.817.079

Sau khi kết chuyển các khoản doanh thu, chi phí ta xác định Doanh nghiệp kinh doanh lãi. Kế toán tiến hành lập các Phiếu kế toán. Sau đó, Kế toán tiến hành định khoản các bút toán theo Phiếu kế toán phản ánh vào Sổ Nhật Ký chung. Từ Nhật ký chung, kế toán phản ánh vào Sổ cái TK911 TK 821, TK421...

Cuối kỳ, từ các Sổ cái và các sổ có liên quan được lập kế toán lập Bảng Cân đối số phát sinh, Bảng cân đối kế toán, và Báo cáo tài chính

**Biểu 2.19. Phiếu kế toán số 84**

CÔNG TY TNHH TM NHẬT TOÀN

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số: 84

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>TK Nợ</b>	<b>TK Có</b>	<b>Số tiền</b>
	Ghi có TK 911			
1.	K/c Doanh thu bán hàng	511	911	4.288.259.554
2.	K/c Doanh thu tài chính	515	911	38.025.000
	<b>Tổng</b>			<b>4.288.259.554</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên)

*(Nguồn số liệu phòng Tài chính - Kế toán)*

**Biểu 2.20. Phiếu kế toán 85**

CÔNG TY TNHH TM NHẬT TOÀN

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số:85

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>TK Nợ</b>	<b>TK Có</b>	<b>Số tiền</b>
	Ghi có TK 911			
1.	K/c Giá vốn hàng bán	911	632	3.256.144.000
2.	K/c Chi phí tài chính	911	635	75.921.247
3.	K/c Chi phí bán hàng	911	641	247.086.042
4.	K/c Chi phí QLDN	911	642	294.044.178
5.	K/c Chi phí thuế TNDN	911	821	113.272.359
6.	K/c Lợi nhuận sau thuế	911	421	339.817.079
	<b>Tổng</b>			<b>4.288.259.554</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên)

*(Nguồn số liệu phòng Tài chính - Kế toán)*

**Biểu số 2.21: (Trích sổ)**

CÔNG TY TNHH TM NHẬT TOÀN

Mẫu số S03a – DN  
(QĐ 48/2006/QĐ – BTC  
Ngày 14/09/2006)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính : Đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
08/12/11	PXK09/12	08/12/11	Bán dầu DO cho Cty CP Thương binh Trường sơn	632 156	32.819.000	32.819.000
08/12/11	PXK09/12	08/12/11	Doanh thu bán hàng	112 5111 3331 1388	37.740.000	33.468.183 3.468.817 925.000
31/12/11	GBC37	31/12/11	Thu tiền lãi từ ngân hàng vietin bank	111 515	12.500.000	12.500.000
31/12/11	PC38	31/12/11	Trả lãi cho ngân hàng ACB	635 111	9.500.000	9.500.000
31/12/11	BLT12	31/12/11	Tính lương cho bộ phận bán hàng	641 334	156.000.000	156.000.000
31/12/11	BLT12	31/12/11	Tính lương cho bộ phận QLDN	642 334	95.000.000	95.000.000
31/12/11	PKT84	31/12/11	K/C DTBH, DTTC để xác định kết quả kinh doanh	511 515 911	4.288.259.554 38.025.000	4.326.284.554
31/12/11	PKT85	31/12/11	K/C GVHB, CPTC, CPBH, CPQLDN để xác định kết quả kinh doanh	911 632 635 641 642	3.873.195.467	3.256.144.000 75.921.247 247.086.042 294.044.178
31/12/11	PKT85	31/12/11	K/C chi phí thuế TNDN phải nộp	911 821	113.272.359	113.272.359
31/12/11	PKT85	31/12/11	K/C lãi	421 911	339.817.079	339.817.079
			<b>Cộng</b>		<b>176.281.982.000</b>	<b>176.281.982.000</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu phòng Tài chính - Kế toán)

Biểu số 2.22: (Trích sổ)

CÔNG TY TNHH TM NHẬT TOÀN

Mẫu số S03a – DN  
(QĐ 48/2006/QĐ – BTC)  
Ngày 14/09/2006

## SỔ CÁI

Tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh.

Năm 2011

Đơn vị : Đồng

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHT K ĐƯ	Số tiền	
	SH	Ngày			Nợ	Có
			<b><u>SDDK</u></b>			
31/12/11	PKT84	31/12/11	KC DT BH và CCDV	5111		4.288.259.554
31/12/11	PKT84	31/12/11	KC Doanh thu hoạt động tài chính	515		38.025.000
31/12/11	PKT85	31/12/11	KC Giá vốn hàng bán	632	3.256.144.000	
31/12/11	PKT85	31/12/11	KC Chi phí hđ tài chính	635	75.921.247	
31/12/11	PKT85	31/12/11	KC Chi phí bán hàng	641	247.086.042	
31/12/11	PKT85	31/12/11	KC Chi phí QLDN	642	294.044.178	
31/12/11	PKT85	31/12/11	Chi phí thuế TNDN	821	113.272.359	
31/12/11	PKT85	31/12/11	KC Lãi	421	339.817.079	
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>4.326.284.554</b>	<b>4.326.284.554</b>
			<b><u>SDCK</u></b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu phòng Tài chính - Kế toán)



**Biểu số 2.23:** (Trích sổ)

CÔNG TY TNHH TM NHẬT TOÀN

Mẫu số S03b – DN  
(QĐ 48/2006/QĐ – BTC)  
Ngày 14/09/2006

**SỔ CÁI**

Tài khoản 821 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Năm 2011

Đơn vị : Đồng

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
			<b><u>SDDK</u></b>			
31/12/11	PKT85	31/12/11	Thuế TNDN phải nộp	3334	113.272.359	
31/12/11	PKT85	31/12/11	KC CP thuế TNDN	911		113.272.359
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>113.272.359</b>	<b>113.272.359</b>
			<b><u>SDCK</u></b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu phòng Tài chính - kế toán)

**Biểu số 2.24:** (Trích sổ)

CÔNG TY TNHH TM NHẬT TOÀN

Mẫu số S03a – DN  
(QĐ 48/2006/QĐ – BTC)  
Ngày 14/09/2006

**SỔ CÁI**

Tài khoản 421 - Lợi nhuận chưa phân phối.

Năm 2011

Đơn vị : Đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
			<b>SDDK</b>			<b><u>304.836.721</u></b>
31/12/11	PKT85	31/12/11	KC lãi	911		339.817.079
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>339.817.079</b>	<b>339.817.079</b>
			<b>SDCK</b>			<b><u>644.653.800</u></b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kê toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu phòng Tài chính - Kế toán)

**2.2.3 Tổ chức lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.**

**Biểu số 2.25:**

**CÔNG TY TNHH TM NHẬT TOÀN**  
Km 9 –Hải Thành – Dương Kinh – Hải Phòng

Mẫu số B02-DN  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2011

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
A	B	C	1	2
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		4.288.259.554	4.289.445.287
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		4.288.259.554	4.289.445.287
4. Giá vốn hàng bán	11		3.256.144.000	3.345.336.950
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20= 10 - 11)	20		1.032.115.554	944.108.337
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		38.025.351	12.715.349
7. Chi phí tài chính	22		75.921.247	48.537.941
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		75.921.247	48.537.941
8. Chi phí bán hàng	24		247.086.042	288.569.039
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		294.044.178	213.267.745
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24+25))	30		453.089.438	406.448.961
11. Thu nhập khác	31			
12. Chi phí khác	32			
13. Lợi nhuận khác (40 = 31- 32)	40			
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		453.089.438	406.448.961
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		113.272.359	101.612.240
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		339.817.079	304.836.721
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70			

Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2011

(Nguồn số liệu phòng Tài chính - Kế toán)

## **2.2.4 Đánh giá thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM Nhật Toàn**

### *2.2.4.1 Những ưu điểm.*

Trong quá trình thực tập, tìm hiểu tình hình thực tế về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty em thấy: Hệ thống quản lý nói chung, bộ máy kế toán nói riêng của Công ty đã không ngừng tìm tòi, hoàn thiện và nâng cao. Công ty đã hoàn thành dần công tác kế toán của mình.

#### *a. Tổ chức bộ máy quản lý và bộ máy kế toán.*

##### ***Tổ chức bộ máy quản lý***

Cơ chế thị trường thay đổi cũng là lúc Công ty gặp nhiều khó khăn về vốn, thị trường tiêu thụ nhưng với sự thay đổi về cung cách quản lý: Công ty TNHH TM Nhật Toàn đã tổ chức bộ máy quản lý theo hình thức tập trung, gọn nhẹ, linh hoạt và rất hiệu quả.

Bộ máy kế toán của Công ty có 4 người: kế toán trưởng và 3 kế toán viên. Công ty sử dụng phương pháp ghép việc để giảm bớt cán bộ kế toán nhưng vẫn đảm bảo được hiệu quả trong công việc tránh tình trạng nhàn rỗi, phù hợp với chế độ quy định. Mỗi nhân viên kế toán đều có tinh thần trách nhiệm cao, nắm vững chính sách chế độ của Nhà nước và hoàn thành tốt công việc của mình.

#### *b. Hạch toán kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại Công ty.*

##### ***❖ Hình thức kế toán***

Kế toán Công ty đã áp dụng trình tự hạch toán theo đúng chế độ kế toán đã ban hành của Bộ tài chính. Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung là phù hợp với đặc điểm và điều kiện hiện tại của Công ty. Hình thức này rất thuận tiện cho việc kiểm tra đối chiếu và dễ phát hiện khi có những sai sót xảy ra.

##### ***❖ Sử dụng và luân chuyển chứng từ***

Các chứng từ được lập tại Công ty đều phù hợp với yêu cầu kinh tế phát sinh và yêu cầu pháp lý của nghiệp vụ. Các chứng từ được lập ở tất cả các khâu đều có đầy đủ chữ ký đại diện của các bên có liên quan, sử dụng theo đúng mẫu quy định

của Bộ tài chính. Trước khi đưa vào lưu trữ, tất cả các chứng từ được sắp xếp, phân loại, hệ thống theo nghiệp vụ kinh tế phát sinh và theo thứ tự thời gian. Với hệ thống chứng từ như vậy, đã giúp quá trình luân chuyển chứng từ dễ dàng hơn, tạo điều kiện cho ghi sổ kế toán, đảm bảo cung cấp thông tin một cách kịp thời chính xác.

#### **❖ Hệ thống và ghi chép sổ sách kế toán**

Lựa chọn hình thức ghi sổ nào cho phù hợp với từng đơn vị phải tùy thuộc vào đặc điểm hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Công ty mở một hệ thống sổ sách hợp lý, hoàn chỉnh, gọn nhẹ và có độ tin cậy cao.

Hệ thống tài khoản sử dụng phù hợp với các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đã tạo điều kiện cho việc phản ánh, ghi chép, theo dõi thường xuyên sự biến động hàng ngày, tháng, giờ.

#### **❖ Công tác kế toán doanh thu, chi phí**

Kế toán doanh thu, chi phí là một nội dung quan trọng trong công tác kế toán của Công ty, có liên quan đến xác định kết quả kinh doanh, các khoản thu nhập thực tế và phần phải nộp Nhà nước. Nó còn phản ánh sự vận động của tài sản, tiền vốn trong lưu thông. Công ty luôn chấp hành đúng chính sách chế độ kế toán tài chính của Nhà nước, các chính sách giá, thuế; tổ chức mở sổ kế toán một cách phù hợp để phản ánh tình hình biến động của công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Do vậy kế toán doanh thu, chi phí đã được phản ánh một cách chính xác, góp phần bảo vệ tài sản của Công ty.

#### **❖ Công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh**

Công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty đã đáp ứng được yêu cầu của Ban giám đốc trong việc cung cấp thông tin về tình hình kinh doanh của toàn Công ty một cách kịp thời và chính xác. Việc ghi chép, phản ánh được tiến hành dựa trên căn cứ khoa học của chế độ kế toán hiện hành và tình hình thực tế của Công ty.

**❖ Báo cáo kế toán**

Đã đáp ứng yêu cầu thông tin cho các đối tượng sử dụng khác nhau, đảm bảo các yêu cầu về tính kịp thời, khách quan, trung thực, mức độ tin cậy cao.

**2.2.4.2 Những hạn chế.**

Bên cạnh những ưu điểm về công tác kế toán nói chung, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng thì Công ty còn một số mặt hạn chế nhất định như:

**❖ Sổ sách kế toán**

Công ty có nhiều hình thức bán hàng (bán buôn, bán lẻ) nhưng kế toán không theo dõi chi tiết từng mặt hàng theo từng phương thức xuất bán mà chỉ theo dõi chi tiết từng mặt hàng theo các phương thức trên cùng một sổ chi tiết. Điều này rất dễ gây nhầm lẫn trong quá trình theo dõi doanh thu, việc hạch toán không chính xác kết quả bán hàng và không đáp ứng được yêu cầu thông tin của lãnh đạo.

**❖ Xác định mức hao hụt hàng hoá**

Xăng dầu là một mặt hàng dễ bay hơi và chịu tác động của yếu tố thời tiết cũng như phương tiện kỹ thuật nhưng trong quá trình hạch toán xăng dầu kế toán không xác định số lượng hao hụt. Điều này dễ làm thu nhập của Công ty giảm mà không xác định được nguyên nhân.

**❖ Công tác kế toán doanh thu**

Công ty chưa có các chính sách ưu đãi, thu hút khách hàng như: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, ..... Công tác bán hàng của Công ty chưa tốt, chưa thu hút được nhiều khách hàng.

**❖ Áp dụng kế toán máy**

Trong điều kiện kinh tế thị trường, tình trạng sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp luôn biến động về quy mô, ngành nghề sản xuất kinh doanh, cách thức quản lý, cách thức kinh doanh, .... Hơn nữa nhu cầu quản lý Nhà nước về tài chính kế toán, thuế, Ngân hàng, thị trường chứng khoán, ... cũng như yêu cầu quản lý kinh doanh của doanh nghiệp đòi hỏi cần có phần mềm kế toán mới đáp ứng tốt hơn và

nâng cao chất lượng thông tin được cung cấp. Do vậy, Công ty nên áp dụng máy vi tính vào công tác hạch toán kế toán.

#### *2.2.4.3 Các nguyên nhân cơ bản của hạn chế.*

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến những thiếu sót, tồn tại trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP TMVT Trung Dũng trong đó bao gồm cả nguyên nhân khách quan và nguyên nhân chủ quan.

##### *a. Nguyên nhân chủ quan.*

Do tài chính của Công ty còn khó khăn, chưa có khả năng nâng cấp công tác hạch toán kế toán.

##### *b. Những nguyên nhân khách quan.*

Do thói quen công việc của các cán bộ nhân viên phòng tài chính kế toán, là một công ty đã trải qua quá trình phát triển lâu dài có rất nhiều thói quen trong công việc đã ăn sâu vào nếp nghĩ, nếp làm của cán bộ nhân viên.

**CHƯƠNG 3****MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC  
KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ  
KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TM NHẬT TOÀN****3.1 Những nhận xét, đánh giá chung về Công ty TNHH TM Nhật Toàn**

Nền kinh tế luôn vận động và phát triển mạnh mẽ đã ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động kinh doanh của Công ty. Bên cạnh những thuận lợi, Công ty phải đương đầu không ít khó khăn do những yếu tố khách quan của thị trường và những yếu tố chủ quan khác. Với tiềm năng sẵn có cùng sự chỉ đạo của ban lãnh đạo và sự năng động, sáng tạo, nhiệt tình của công nhân viên, Công ty đã đạt được một số thành tựu lớn trong kinh doanh.

Trong quá trình phát triển lãnh đạo Công ty đã tìm cho mình hướng đi mới phù hợp với khả năng để đa dạng sản phẩm, mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hoá. Hàng hoá của Công ty dần chiếm lĩnh thị trường không chỉ thành phố Hải Phòng mà còn vượt ra ngoài các tỉnh khác. Hơn nữa để có thể tồn tại, phát triển mỗi doanh nghiệp thương mại nói riêng và doanh nghiệp nói chung phải tìm cho mình 1 chiến lược kinh doanh phù hợp với yêu cầu của thị trường. Đối với doanh nghiệp thương mại, bán hàng và giải quyết đầu ra cho sản phẩm là một trong những yếu tố rất quan trọng. Khâu bán hàng và hoàn thành kế hoạch tiêu thụ luôn được thực hiện tốt trong Công ty TNHH TM Nhật Toàn

Qua thời gian tìm hiểu và tiếp cận với thực tế công tác quản lý, công tác kế toán nói chung, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng cùng với sự quan tâm giúp đỡ tận tình của Ban lãnh đạo Công ty, cán bộ và nhân viên phòng kế toán đã tạo điều kiện cho em nghiên cứu, làm quen với thực tế, củng cố thêm kiến thức đã học ở nhà trường.

Tuy tìm hiểu về thực tiễn chưa lâu cũng như chưa có nhiều thời gian để tìm hiểu rõ hơn công tác kế toán của Công ty. Nhưng qua bài khoá luận này em xin mạnh dạn trình bày một số ý kiến nhận xét về công tác kế toán doanh thu, chi phí



và xác định kết quả kinh doanh của Công ty. Em hy vọng nó sẽ đóng góp một phần nhỏ để công tác kế toán của Công ty ngày càng hoàn thiện hơn.

### **3.2 Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM Nhật Toàn**

#### **3.2.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện.**

Kế toán được xem là một công cụ quản lý kinh tế - tài chính quan trọng trong mọi chế độ kinh tế xã hội, nó có vai trò tích cực trong việc quản lý, điều hành và kiểm tra các hoạt động kinh tế của nhà nước cũng như của bản thân mỗi doanh nghiệp. Khi nền kinh tế càng phát triển thì chức năng và yêu cầu của kế toán ngày càng được mở rộng và nâng cao.

Công ty TNHH TM Nhật Toàn đã có một đội ngũ kế toán đồng đều về trình độ, luôn đoàn kết thống nhất với nhau để hoàn thiện tốt nhiệm vụ của mình, cung cấp đầy đủ thông tin cho bộ phận quản lý, góp phần không nhỏ vào sự phát triển của công ty. Tuy nhiên những tồn tại là tất yếu không thể tránh khỏi trong bất kỳ một bộ phận nào. Do vậy yêu cầu hoàn thiện luôn được đặt ra đối với tất cả các nhân viên trong công ty.

Bộ phận kế toán là bộ phận quan trọng không thể thiếu trong bất cứ doanh nghiệp nào. Bộ phận này có nhiệm vụ thu thập, tổng hợp, xử lý và cung cấp thông tin hữu ích cho toàn doanh nghiệp. Do đó nó ngày càng phải được hoàn thiện để đáp ứng tốt với sự thay đổi của doanh nghiệp, chế độ kế toán để công tác kế toán luôn là người hỗ trợ đắc lực cho lãnh đạo công ty, cho các cơ quan quản lý Nhà nước.

Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là phần hành kế toán quan trọng nhất, nó xác định toàn bộ nỗ lực của doanh nghiệp từ khâu mua các yếu tố đầu vào cho sản xuất đến khâu tổ chức sản xuất và tiêu thụ. Vì vậy yêu cầu hạch toán đúng, đầy đủ theo đúng chế độ kế toán hiện hành được đặt ra cao hơn so với các phần hành khác vì mỗi phần hành nhỏ trong quy trình hạch toán lại ảnh hưởng đến kết quả chung của toàn bộ doanh nghiệp.

Hạch toán đúng phần hành này không những xác định đúng kết quả cho doanh nghiệp đã đạt được trong kỳ mà còn có tác dụng nâng cao hiệu quả lao động

của các bộ phận trong công ty bởi thông tin kế toán là những thông tin tổng hợp, nó tác động đến tất cả các hoạt động của công ty.

### **3.2.2 Yêu cầu của hoàn thiện.**

Phương hướng hoàn thiện kế toán nói chung, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng muốn đạt hiệu quả thì phải đáp ứng được các yêu cầu sau:

Hoàn thiện trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, tôn trọng chế độ kế toán. Mỗi quốc gia đều phải có một cơ chế quản lý tài chính và xây dựng một hệ thống kế toán thống nhất phù hợp với cơ chế tài chính. Việc tổ chức công tác kế toán ở các đơn vị kinh tế cụ thể được phép vận dụng và cải tiến chứ không bắt buộc phải dập khuôn hoàn toàn theo chế độ nhưng trong khuôn khổ phải tôn trọng chế độ, tôn trọng cơ chế.

Hoàn thiện phải trên cơ sở phù hợp với đặc điểm kinh doanh của doanh nghiệp. Các doanh nghiệp bắt buộc phải áp dụng hệ thống chuẩn mực kế toán nhưng được quyền sửa đổi trong một phạm vi nhất định cho phù hợp với đặc điểm riêng của doanh nghiệp nhằm mang lại hiệu quả cao nhất.

Hoàn thiện phải đảm bảo đáp ứng được thông tin kịp thời, chính xác phù hợp với yêu cầu quản lý.

Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tiết kiệm chi phí vì mục đích của doanh nghiệp là kinh doanh có lãi và đem lại hiệu quả.

Trên cơ sở những yêu cầu của việc hoàn thiện và thực trạng của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty.

### **3.3 Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM Nhật Toàn**

Sau thời gian thực tập và tìm hiểu thực tế tại công ty TNHH TM Nhật Toàn, dưới góc độ là một sinh viên em xin mạnh dạn đưa ra một vài ý kiến nhỏ về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty. Ý kiến mà em đề xuất dưới đây có thể chưa được tốt nhất, song em hy vọng sẽ đóng góp

phần nào vào việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty và giúp cho công tác kế toán này phù hợp hơn với chế độ quy định.

**Kiến nghị 1:** Về sổ sách kế toán

Công ty nên mở sổ chi tiết từng mặt hàng theo từng phương thức xuất bán (bán buôn và bán lẻ). Vì mỗi phương thức bán hàng có giá bán khác nhau nên doanh thu khác nhau. Nếu theo dõi cùng trên một sổ chi tiết rất dễ gây nhầm lẫn, phản ánh không chính xác doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.

**Kiến nghị 2:** Về hạch toán mức hao hụt

Công ty nên hạch toán mức hao hụt trong định mức Nhà nước quy định khi xuất hàng bán vào TK 632 – Giá vốn hàng bán thì mới đúng theo chế độ kế toán hiện hành và xác định được giá vốn hàng bán chính xác hơn vì sự hao hụt này là do thời tiết và phương tiện kỹ thuật.

Công ty nên xác định số lượng hao hụt theo công thức:

$$\frac{\text{Số lượng hao hụt}}{\text{Số lượng hiện có}} = \text{Tỷ lệ hao hụt định mức}$$

$$\text{Giá trị hao hụt} = \text{Số lượng hao hụt} \times \text{Đơn giá quy định}$$

Như thế sẽ xác định đúng giá trị của hàng hoá bị hao hụt.

Nếu hao hụt trong định mức cho phép thì Công ty hạch toán vào chi phí.

Nợ TK 632 : Lượng hao hụt định mức.

Có TK 156 : Lượng hao hụt định mức.

Nếu lượng hàng hao hụt > định mức cho phép thì hạch toán vào hàng thiếu chưa rõ nguyên nhân.

Nợ TK 1381 : Lượng hao hụt vượt định mức.

Nợ TK 632 : Lượng hao hụt định mức.

Có TK 156 : Tổng lượng hao hụt định mức.

Cách xác định như vậy sẽ giúp cho Công ty biết rõ số lượng hao hụt cũng như giá trị để Công ty có biện pháp cũng như đổi mới phương tiện kỹ thuật để hạn chế sự hao hụt khi nhận hàng cũng như khi xuất hàng.

### **Kiến nghị 3:** Công tác kế toán doanh thu

Để thực hiện tốt khâu bán hàng và tăng doanh thu Công ty nên có chính sách thu hút khách hàng như cho khách hàng hưởng chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán,... Công ty nên mở TK 521 - Chiết khấu thương mại, TK 531 - Hàng bán bị trả lại, TK 532 - Giảm giá hàng bán.

TK 521 phản ánh khoản CKTM người mua được hưởng đã thực hiện trong kỳ theo đúng chính sách CKTM của doanh nghiệp đã quy định. CKTM là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

Phải theo dõi chi tiết CKTM đã thực hiện cho từng khách hàng và từng loại hàng bán như: bán hàng (sản phẩm, hàng hoá), cung cấp dịch vụ.

Hạch toán CKTM thực tế phát sinh trong kỳ :

Nợ TK 521 : Chiết khấu thương mại.

Nợ TK 3331 : Thuế GTGT phải nộp (33311) (nếu có).

Có TK 111, 112, 131, .....

TK 531 dùng để phản ánh giá trị của số hàng hoá bị trả lại do thiếu do các nguyên nhân: vi phạm hợp đồng kinh tế, vi phạm cam kết, hàng bị kém, mất phẩm chất, .... Tài khoản này chỉ phản ánh giá trị của số hàng đã bán bị trả lại (Tính theo đúng đơn giá bán ghi trên hoá đơn).

Khi doanh nghiệp nhận lại hàng hoá bị trả lại, kế toán phản ánh giá vốn của hàng bán bị trả lại:

Nợ TK 156 : Hàng hoá.

Có TK 632 : Giá vốn hàng bán.

Thanh toán với người mua hàng về số tiền của hàng bán bị trả lại:

Nợ TK 531 : Hàng bán bị trả lại

Nợ TK 3331 : Thuế GTGT phải nộp (Số thuế GTGT của hàng bán bị trả lại )

Có TK 111, 112, 131, .....

Các chi phí phát sinh liên quan đến hàng bán bị trả lại (nếu có).

Nợ TK 641 : Chi phí bán hàng.

Có TK 111, 112, 141, .....

TK 532 dùng để phản ánh khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán. Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do hàng hoá kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế. Tài khoản này chỉ phản ánh các khoản giảm trừ do việc chấp nhận giảm giá sau khi đã bán hàng và phát hành hoá đơn (Giảm giá ngoài hoá đơn) do hàng bán kém, mất phẩm chất, .....

Khi có chứng từ xác định khoản giảm giá hàng bán người mua về số lượng hàng đã bán do kém, mất phẩm chất, sai quy cách hợp đồng:

Nợ TK 532 : Giảm giá hàng bán (Theo giá bán chưa có thuế VAT)

Nợ TK 3331 : Thuế GTGT phải nộp (Số thuế GTGT của hàng bán phải giảm giá)

Có TK 111, 112, 131, .....

Cuối kỳ kết chuyển số chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán đã chấp nhận cho người mua phát sinh trong kỳ sang TK doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Nợ TK 511 : Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Có TK 521 : Chiết khấu thương mại.

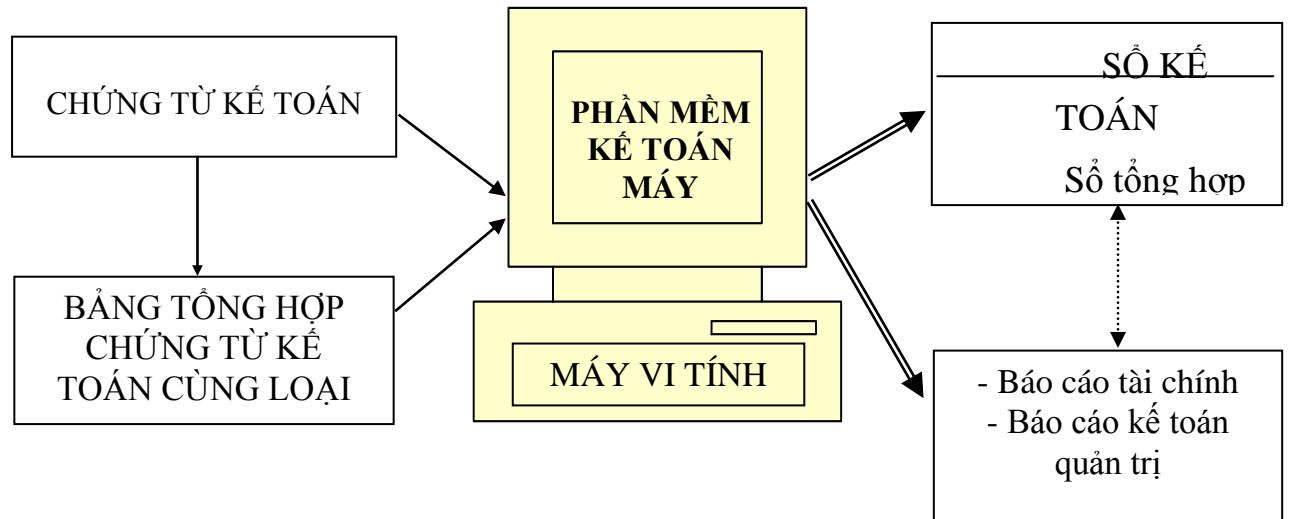
Có TK 531 : Hàng bán bị trả lại.

Có TK 532 : Giảm giá hàng bán.

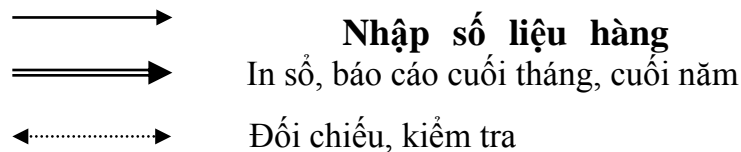
**Kiến nghị 4:** Áp dụng phần mềm vi tính vào công tác hạch toán kế toán.

Kinh tế thị trường ngày càng phát triển thì quy mô hoạt động của doanh nghiệp càng phát triển, mối quan hệ kinh tế pháp lý mở rộng, tính chất hoạt động ngày càng cao, làm cho nhu cầu thu nhận, xử lý cung cấp thông tin ngày càng khó khăn, phức tạp. Vì vậy việc ứng dụng tin học trong công tác kế toán có ý nghĩa rất lớn.

Hiện nay, Công ty đang áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán máy là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán phải được thiết kế theo nguyên tắc ghi sổ của hình thức “Nhật ký chung”.



**Ghi chú:**



**Sơ đồ 3.1: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán máy.**

(1) Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ cái, ....) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

(2) Cuối tháng (hoặc bất kỳ vào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo tính chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.

Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định.

Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

Sau đây là một số phần mềm kế toán máy Công ty có thể tham khảo và áp dụng:

Phần mềm ACMAN: ACMAN được thiết kế và lập trình trên công nghệ hiện đại theo quy chuẩn của Bộ Tài chính. Với phần mềm này người sử dụng chỉ cần cập nhật số liệu đầu vào phát sinh theo hệ thống chứng từ, máy tính sẽ tự động tính toán và đưa ra các sổ sách báo cáo tài chính, báo cáo quản trị và các thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

Phần mềm kế toán MetaData Accounting: Đây là phần mềm được phát triển trên cơ sở phân tích tỉ mỉ, bao trùm hầu hết các phần hành kế toán của nhiều loại hình DN. Với tiêu chí “Đơn giản hoá, dễ sử dụng, đáp ứng tối đa nhu cầu quản lý kế toán của DN. Meta được đánh giá là phần mềm có hiệu quả cao trong công tác kế toán - quản trị doanh nghiệp, phù hợp với loại hình doanh nghiệp: thương mại dịch vụ, sản xuất và xây lắp.

Phần mềm kế toán ASC: Do phân viện Công nghệ thông tin TP.HCM thực hiện từ cuối năm 1985. Phần mềm này đã được sử dụng bởi hàng trăm công ty, đơn vị. Trong đó có các công ty thuộc các loại hình hành chính sự nghiệp, sản xuất, dịch vụ xây dựng từ quy mô nhỏ cho đến rất lớn

Phần mềm kế toán KTVN: Đây là phần mềm thiết kế đơn giản, dễ sử dụng và có thể vận dụng linh hoạt cho nhiều nhu cầu quản lý hạch toán khác nhau.

## KẾT LUẬN

Kế toán có một vai trò quan trọng đối với công tác quản lý kinh tế, bao gồm cả quản lý kinh tế vĩ mô và vi mô. Đặc biệt, trong điều kiện phát triển không ngừng của nền kinh tế thị trường hiện nay thông tin kinh tế giữ một vai trò quan trọng. Nó quyết định sự thành công hay thất bại của các hoạt động sản xuất kinh doanh. Vì vậy, để đảm bảo có thể thường xuyên nắm bắt được mọi thông tin kinh tế trong nội bộ doanh nghiệp và không ngừng nâng cao vai trò của kế toán đối với công tác quản lý thì một điều quan trọng trước tiên là phải tổ chức thật tốt công tác kế toán.

Trong điều kiện hiện nay, cạnh tranh trên thị trường diễn ra ngày càng gay gắt, kết quả kinh doanh của mỗi doanh nghiệp có tính chất quyết định đối với sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp đó. Vì vậy, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh càng phải được tổ chức tốt, đảm bảo phản ánh, ghi chép một cách đầy đủ, chính xác tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Những thông tin này sẽ giúp các nhà quản trị doanh nghiệp đưa ra các quyết định kinh tế phù hợp nhằm nâng cao kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình.

Quá trình thực tập tại công ty TNHH TM Nhật Toàn, em nhận thấy công tác tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ở công ty thực hiện khá đầy đủ, đúng chế độ tài chính kế toán do Nhà nước quy định và đảm bảo cung cấp thông tin theo yêu cầu quản trị doanh nghiệp. Tuy nhiên vẫn còn tồn tại một số điểm hạn chế nhất định. Để kế toán thực sự là công cụ quản lý không thể thiếu, công ty nên tiếp tục hoàn thiện tổ chức công tác kế toán, đặc biệt là kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Vận dụng những kiến thức đã được tiếp thu ở trường kết hợp với thực tế tại công ty em đã nêu một số nhận xét cũng như đề xuất với mong muốn đóng góp một phần vào việc hoàn thiện công tác kế toán của Công ty và nâng cao hiệu quả của công tác quản lý.



Do thời gian có hạn và trình độ còn hạn chế nên bài viết không tránh khỏi những khiếm khuyết. Em mong nhận được các ý kiến đóng góp của các thầy cô giáo để đề tài của em được hoàn thiện hơn. Em xin chân thành cảm ơn Ths. Nguyễn Thị Liên và các cô chú, anh chị phòng Hành chính tổng hợp Công ty đã tận tình giúp đỡ, hướng dẫn em hoàn thành bài luận văn này.

Sinh viên

Nguyễn Thị Dung

